

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**



**BÁO CÁO
TẠI HỘI NGHỊ ĐẠI BIỂU CÁN BỘ, VIÊN CHỨC
LẦN THỨ 46**

HÀ NỘI, 31/10/2019

MỤC LỤC

PHẦN I: BÁO CÁO TỔNG KẾT CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2018 - 2019	3
1. Khái quát chung về Trường Đại học Mở - Địa chất, những tác động tới hoạt động của Nhà trường trong năm học 2018 - 2019.....	3
1.1. Khái quát chung về Trường Đại học Mở - Địa chất	3
1.2. Tóm tắt bối cảnh và thách thức đối với Nhà trường trong giai đoạn tới.....	4
2. Công tác chính trị tư tưởng	5
3. Công tác đào tạo.....	6
3.1. Công tác tuyển sinh năm học 2018 - 2019.....	8
3.2. Quy mô đào tạo	9
3.3. Công tác giảng dạy và hướng dẫn đồ án, luận văn, luận án tốt nghiệp	11
3.4. Kết quả xử lý học tập năm học 2017 - 2018.....	15
3.5. Công tác tổ chức, quản lý đào tạo	17
3.6. Xuất bản giáo trình, bài giảng	17
3.7. Công tác tư vấn tuyển sinh	18
4. Công tác đảm bảo chất lượng giáo dục	19
4.1. Công tác khảo thí	19
4.2. Công tác kiểm tra trình độ đầu vào và chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học.....	20
4.3. Công tác đảm bảo chất lượng	22
5. Công tác sinh viên và hỗ trợ sinh viên	23
5.1. Công tác sinh viên.....	23
5.2. Công tác QHDN và hỗ trợ việc làm sinh viên.....	24
6. Công tác khoa học - công nghệ và hợp tác quốc tế.....	27
6.1. Hoạt động nghiên cứu khoa học	27
6.2. Hoạt động NCKH - chuyển giao công nghệ.....	33
6.3. Công tác Hợp tác quốc tế.....	33
7. Công tác tổ chức, xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ	35
7.1. Công tác tổ chức bộ máy, quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo	35
7.2. Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức.....	37
8. Công tác xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo.....	41
8.1. Công tác xây dựng cơ sở vật chất	41
8.2. Trang thiết bị phục vụ đào tạo	43
8.3. Tình hình hoạt động các phòng thí nghiệm.....	43
8.4. Kinh phí chi thường xuyên hàng năm	44
9. Công tác thông tin, thư viện	45
9.1. Công tác thư viện	45
9.2. Công tác công nghệ thông tin	46
10. Công tác tài chính.....	46
11. Công tác y tế.....	47
12. Các hoạt động khác	47
12.1. Thực hiện quy chế dân chủ.....	47
12.2. Công tác giáo dục quốc phòng - quân sự địa phương	48

12.3. Công tác đánh giá phân loại viên chức, thi đua khen thưởng	49
12.4. Công tác thanh tra, kiểm tra	49
12.5. Công tác Công đoàn.....	49
12.6. Công tác Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên.....	52
13. Đánh giá chung việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị CBVC Trường lần thứ 45	52
PHẦN II: NHIỆM VỤ CỦA NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2019 - 2020.....	54
1. Nhiệm vụ trọng tâm.....	54
2. Chỉ tiêu cụ thể	55
3. Giải pháp chủ yếu để thực hiện các nhiệm vụ năm học 2019 - 2020.....	55

PHẦN I

BÁO CÁO TỔNG KẾT CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ TRƯỜNG

NĂM HỌC 2018 - 2019

1. Khái quát chung về Trường Đại học Mở - Địa chất, những tác động tới hoạt động của Nhà trường trong năm học 2018 - 2019

1.1. Khái quát chung về Trường Đại học Mở - Địa chất

Trường Đại học Mở - Địa chất được thành lập ngày 08 tháng 8 năm 1966, sau chặng đường hơn nửa thế kỷ xây dựng và phát triển với nỗ lực không ngừng và vượt qua bao thử thách, đến nay Trường Đại học Mở - Địa chất đã trở thành một trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học hàng đầu của Việt Nam. Nhà trường ngày càng khẳng định được vị thế của mình trong hệ thống giáo dục và đào tạo Việt Nam là một trung tâm đào tạo và nghiên cứu uy tín trong nước về các lĩnh vực khoa học Trái đất, Mỏ, Tài nguyên và môi trường và nhiều lĩnh vực khoa học khác.

Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2008 - 2020 tầm nhìn đến 2030 xác định “*Trường Đại học Mở - Địa chất có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ thuộc các lĩnh vực khoa học Trái đất và Mỏ, cũng như các lĩnh vực khoa học khác, đáp ứng nhu cầu xã hội, phục vụ sự nghiệp Công nghiệp hóa, Hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước*”.

Hiện nay, Nhà trường có 12 khoa (trong đó có 9 khoa chuyên môn), 23 đơn vị chức năng (phòng, ban, trung tâm, trạm, văn phòng), 08 Trung tâm nghiên cứu và 01 Công ty. Các tổ chức đoàn thể có Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, Hội cựu chiến binh.

Đội ngũ nhân lực có chất lượng với tổng số cán bộ viên chức là 808 người, trong đó cán bộ giảng dạy là 570 cán bộ, 187 cán bộ hành chính, 51 kỹ sư. Trong số cán bộ giảng dạy có 263 tiến sĩ (05 giáo sư và 60 phó giáo sư), 296 thạc sĩ, 11 kỹ sư.

Phương thức hoạt động, tổ chức của bộ máy quản lý của Trường Đại học Mở - Địa chất được thực hiện theo Điều lệ trường đại học, Luật Giáo dục đại học và pháp luật của Nhà nước CHXHCN Việt Nam. Năm 2018, Nhà trường có sự thay đổi lớn về cơ cấu nhân sự với việc Hiệu trưởng Lê Hải An được Thủ tướng giao chức vụ Thứ trưởng Bộ GD&ĐT từ 02/11/2018. Nhà trường đã tổ chức kiện toàn bộ máy tổ chức gồm: Hiệu trưởng theo Quyết định số 5608/QĐ-BGDDT ngày 27/12/2018, bổ nhiệm lại các phó Hiệu trưởng theo Quyết định số 1609/QĐ-BGDDT và Quyết định số 1610/QĐ ngày 07/6/2019, Hội đồng trường Trường Đại học Mở - Địa chất và Chủ tịch Hội đồng trường nhiệm kỳ 2018 - 2023 theo Quyết định số 1834/QĐ-BGDDT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Vai trò, chức năng nhiệm vụ cụ thể của các cấp quản lý, của cán bộ quản lý được xác định rõ ràng theo đúng các quy định của pháp luật và Bộ GD&ĐT. Nhà trường có quy chế về tổ chức, quy định chức năng hoạt động, trách nhiệm đối với cán bộ, giảng viên và từng đơn vị trong Trường và cụ thể hóa trong các quy định hoạt động từ cấp Trường tới các đơn vị cơ sở. Hệ thống văn bản về tổ chức bộ máy được phổ biến trong toàn Trường thông qua các quy định, quy trình, các thông báo, quyết định. Công tác điều hành bằng văn bản theo hệ thống eOFFICE đã dần tạo nề nếp, thói quen về tác phong làm việc chuyên nghiệp hơn của các đơn vị và cá nhân trong Trường.

Nhà trường hiện có tổng diện tích lớp học là 28.437 m², tổng diện tích phòng thí nghiệm và xưởng thực hành là 19.625 m², đảm bảo đủ số phòng học, giảng đường, PTN, KTX, xưởng thực hành, trang thiết bị và sân bãi để phục vụ công tác đào tạo và NCKH. Từ năm 2016, Nhà trường đã thúc đẩy việc triển khai dự án khu đô thị đại học và hiện đang đẩy mạnh thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị đại học với diện tích sử dụng đất 23,6 ha; bao gồm hạ tầng kỹ thuật, hệ thống giảng đường, PTN, khu vực giáo dục thể chất, KTX sinh viên. Đến nay đã đền bù giải phóng mặt bằng được 8,7ha trong đó có khu A1(5,5ha) đã hoàn thành cơ bản

giải phóng mặt bằng và chuẩn bị giao đất để thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng.

Trong năm 2018, Nhà trường đã được đánh giá ngoài và kiểm định chất lượng bởi Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội (VNU-CEA) với tỷ lệ tiêu chí đạt yêu cầu là 85.2%. Giấy chứng nhận số 33/GCN-CSGD được cấp ngày 30/3/2018.

1.2. Tóm tắt bối cảnh và thách thức đối với Nhà trường trong giai đoạn tới

Trong hơn 50 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã dành được những thành tựu quan trọng trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, tạo lập và giữ vững vị thế của một trường đại học kỹ thuật hàng đầu của Việt Nam về lĩnh vực khoa học Trái đất, Mỏ, Dầu khí, Môi trường và nhiều lĩnh vực khác có liên quan.

Trong năm học 2018 - 2019, Nhà trường tiếp tục thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW về “*Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*”; thực hiện Kế hoạch năm học 2018 - 2019 của Bộ GD&ĐT, tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ trường lần thứ 19, quán triệt và thực hiện nhiều nhiệm vụ theo các quy định của pháp luật. Toàn bộ bộ máy chính trị của Nhà trường đã nỗ lực phấn đấu để hoàn thành nhiệm vụ năm học.

Tuy nhiên, những thay đổi nhanh chóng của xã hội hiện nay đã và đang tạo ra những thách thức lớn đối với sự tồn tại và phát triển bền vững của Nhà trường, đó là:

- Nền kinh tế nước nhà đang trong giai đoạn chuyển đổi và gặp nhiều khó khăn, việc đầu tư cho giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng giảm sút dẫn tới sự hạn chế trong việc bảo đảm duy trì tính tiên phong về khoa học công nghệ và tri thức của trường đại học.

- Sự phát triển mạnh mẽ của Cách mạng công nghiệp 4.0 đòi hỏi việc đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực trong đó có đội ngũ giảng viên và nhà khoa học cũng như đổi mới căn bản về tư duy trong công tác đào tạo, và mở ra những lĩnh vực mới cho giảng dạy và nghiên cứu khoa học là đòi hỏi bắt buộc cho sự sống còn và phát triển của trường đại học.

- Luật sửa đổi một số điều của Luật Giáo dục đại học đã có hiệu lực từ 01/7/2019 có nhiều yêu cầu mới về sự thay đổi hệ thống quản lý, tổ chức, cơ cấu nhân lực, chương trình đào tạo và hoạt động của các cơ sở giáo dục nhưng đến nay các văn bản hướng dẫn thi hành luật chưa có, dẫn tới việc thực thi luật còn nhiều vướng mắc và chưa thể thực hiện, ảnh hưởng lớn đến việc xây dựng các văn bản pháp quy phục vụ quản lý các hoạt động của trường bị chậm trễ.

- Sự ra đời của một hệ thống gần 400 trường đại học trong đó có nhiều trường có cùng ngành nghề đào tạo truyền thống của Nhà trường đã tạo nên sự cạnh tranh mạnh mẽ trong thu hút người học và tuyển sinh.

- Trong tiến trình tự chủ giáo dục đại học, sự cắt giảm kinh phí đầu tư cho đại học công và xu thế tự chủ đại học tạo nên những sức ép lớn đối với đầu tư cơ sở vật chất và hoạt động của trường.

- Biến động trong lựa chọn ngành nghề, giảm số lượng người học dẫn tới sự sụt giảm số lượng sinh viên nhập học gây ảnh hưởng lớn tới toàn bộ hoạt động của trường.

Bên cạnh những thách thức khách quan nêu trên, Nhà trường còn đang phải đối mặt những tồn tại hạn chế trong nội bộ mang tính chủ quan, đó là:

- Hệ thống quản lý đã có nhiều cải thiện về chức năng, nhiệm vụ và hoạt động, tuy nhiên sự phối hợp chưa được nhịp nhàng, vẫn tạo những khoảng trống cho việc thực hiện các công việc một cách hiệu quả. Các đơn vị phối hợp chưa thực sự nêu cao tinh thần trách nhiệm và giải trình. Sự phối hợp giữa các đơn vị vẫn còn mang tính hành chính. Hệ thống tiếp nhận và xử lý thông tin “*một cửa*” mới được xây dựng, nhưng việc xử lý thông tin của các đơn vị vẫn còn thể hiện nhiều bất cập.

- Cơ cấu tổ chức, nhân sự chưa theo kịp với những biến động về cơ chế chính sách và tình hình mới. Việc định danh công việc, vị trí việc làm của các đơn vị và cá nhân trong đơn vị chưa được chuẩn hóa để làm cơ sở cho việc xác định đội ngũ nhân sự và giao việc phù hợp và hiệu quả. Hệ thống KPIs còn đang trong giai đoạn xây dựng và chưa được triển khai.

Trong đó đội ngũ giảng viên và cán bộ hành chính đông đảo nhưng còn hạn chế về tỷ lệ bậc cao, đa dạng ngành nghề và kém linh hoạt trong học thuật dẫn tới sự kém chủ động trong xây dựng chương trình và tham gia các hoạt động đào tạo.

- Cơ cấu học thuật, nghiên cứu khoa học và bộ máy chuyên môn ở một số Khoa chuyên còn chưa thực sự phù hợp và bắt kịp với nhu cầu và sự thay đổi của thực tế; việc nắm bắt và mở các chương trình/ngành đào tạo mới còn chậm và không theo kịp xu thế và yêu cầu thực tế.

- Hệ thống các văn bản nội bộ còn thiếu và chưa đồng bộ; chậm được cập nhật và chưa theo kịp được nhưng biến động nhanh của xã hội làm giảm hiệu quả công tác quản trị đại học của Nhà trường.

- Hệ thống quản lý, đào tạo chưa thực sự lấy người học làm trung tâm và coi người học là đối tượng phục vụ, chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tế sản xuất và nhu cầu doanh nghiệp. Công tác tuyên truyền, quảng bá hình ảnh nhà trường còn hạn chế. Công tác đảm bảo chất lượng là một yêu cầu quan trọng trong nâng cao chất lượng đào tạo còn chưa thực sự được toàn thể cán bộ viên chức nhận thức đầy đủ, việc triển khai còn chậm và chưa hiệu quả.

- Hoạt động nghiên cứu khoa học chưa thực sự là một hoạt động thường xuyên đối với đa số giảng viên như yêu cầu. Tỷ trọng nghiên cứu và sản phẩm khoa học trong cơ cấu học thuật của Trường còn thấp. Các Trung tâm nghiên cứu hoạt động tương đối độc lập và chưa chia sẻ và sử dụng hiệu quả các nhân lực đơn vị trong Nhà trường phù hợp với các nhiệm vụ KHCN triển khai ở các trung tâm và công ty.

- Số lượng sinh viên sụt giảm và không ổn định trong những năm gần đây, đặc biệt là đối với các ngành truyền thống, dẫn tới tâm lý, hoạt động đào tạo và đời sống cán bộ đang bị thách thức lớn. Tuy nhiên, công tác chính trị tư tưởng cho cả thầy và trò hiện nay chưa đáp ứng được với những thay đổi của thực tiễn.

- Cơ sở vật chất, đặc biệt là cơ sở vật chất cho đào tạo chất lượng cao còn nghèo nàn, lạc hậu và đang xuống cấp nhanh, ảnh hưởng nghiêm trọng tới hoạt động và hình ảnh của Nhà trường. Việc khai thác tiềm năng của cơ sở vật chất đã được đầu tư (ký túc xá, các trung tâm, phòng thí nghiệm và cơ sở vật chất khác) chưa được như mong muốn. Việc xây dựng, mở rộng và đầu tư chiều sâu cho cơ sở vật chất và xây dựng trường gặp nhiều khó khăn.

- Việc triển khai hoạt động tự chủ, trong đó có việc thí điểm tự chủ cho một số đơn vị còn chậm, chưa theo kịp được yêu cầu của thực tiễn.

2. Công tác chính trị tư tưởng

Đảng ủy, Ban Giám hiệu luôn coi công tác chính trị, tư tưởng là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong hoạt động của Nhà trường. Thực hiện Chỉ thị số 2919/CT-BGDĐT ngày 10/8/2018 của Bộ GD&ĐT về nhiệm vụ năm học 2018- 2019, và Quyết định số 69/QĐ-TTg ngày 15/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2019-2025, Nhà trường đã triển khai nhiều phong trào thi đua trong năm học, nâng cao ý thức cán bộ, giảng viên trong việc cải tiến, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác, giảng dạy, nghiên cứu khoa học với phương châm *“Mỗi giờ lên lớp là một bước tiến trong giảng dạy, mỗi ngày đến trường có một đổi mới trong công việc”*; lồng ghép với các phong trào thi đua, các cuộc vận động do Đảng, Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đảng ủy Khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội phát động; phấn đấu thực hiện hiệu quả mục tiêu chiến lược của Nhà trường *“Tự chủ - Đổi mới - Chất lượng cao”*.

Thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị gắn với Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về *“Tăng cường xây dựng chính đồn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”* và học tập chuyên đề năm 2019 *“Xây dựng ý thức tôn trọng nhân dân, phát huy dân chủ, chăm lo đời sống nhân dân theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”*, Đảng ủy Trường đã chỉ đạo các tổ chức đảng tổ chức học tập, nghiên cứu, phổ biến đến từng đảng viên trong chi bộ bằng hình thức các buổi sinh

hoạt chuyên đề hoặc lồng ghép trong các buổi sinh hoạt của chi bộ, phù hợp với tình hình thực tế và mang lại hiệu quả thiết thực. Đảng ủy đã triển khai phổ biến Kết luận số 49-KL/TW ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư về *“Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập”* và Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về *“Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế”*; triển khai Quy định số 08-QĐ/TW ngày 25/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên.

Để đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ trong tình hình mới, Đảng ủy Trường đã lựa chọn, tổ chức sinh hoạt chuyên đề Quý III/2018 về *“Phát triển hợp tác, liên kết doanh nghiệp trong và ngoài nước về việc triển khai nghiên cứu khoa học phục vụ sản xuất”*, chuyên đề Quý IV/2018 về *“Đẩy mạnh công tác truyền thông trong tuyển sinh và đào tạo nâng cao vị thế và thương hiệu của Nhà trường”*, chuyên đề Quý III/2019 về *“Triển khai xây dựng hệ thống KPIs trong đánh giá cán bộ viên chức và đề xuất các giải pháp đảm bảo đời sống cho cán bộ viên chức và người lao động”* và Hội nghị sinh hoạt chuyên đề Quý IV/2019 về *“Tăng cường công tác tuyển sinh và xây dựng chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội; rà soát, xây dựng Hệ thống Đảm bảo chất lượng bên trong của Trường Đại học Mở - Địa chất”*.

Đảng ủy đã tổ chức các hội nghị quán triệt, học tập Nghị quyết của Đảng, sinh hoạt chính trị ngoại khóa cho đảng viên toàn Trường, các buổi nói chuyện thời sự cho cán bộ viên chức, sinh viên như Hội nghị học tập, quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7, lần thứ 8, lần thứ 10 BCH TW Đảng khóa XII và Bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư; triển khai thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW của Bộ Chính trị; Hội nghị Sinh hoạt chính trị hè năm 2019 cho toàn thể đảng viên của Đảng bộ.

Đảng ủy đã chỉ đạo tổ chức Hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với cán bộ, viên chức trẻ (dưới 35 tuổi), qua đó các CBVC trẻ đã được trực tiếp lắng nghe, nắm bắt những chủ trương, chính sách của Nhà trường về công tác chăm lo, phát triển nguồn lực trẻ; đồng thời, đây cũng là dịp để các cán bộ trẻ bày tỏ tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị, đề xuất, những khó khăn trong công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học cũng như về đời sống. Qua đó, Nhà trường kịp thời có biện pháp điều chỉnh, hỗ trợ nguyện vọng chính đáng của các cán bộ trẻ.

Nhận xét, đánh giá chung

Công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng luôn được Đảng ủy, Ban Giám hiệu quan tâm và coi trọng. Qua các buổi học tập quán triệt các Nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước và triển khai các cuộc vận động đã giúp cho cán bộ, viên chức và sinh viên hiểu rõ về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong các hoạt động của Nhà trường; xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, đẩy lùi tiêu cực góp phần nâng cao chất lượng dạy và học trong Nhà trường. Cán bộ, viên chức và sinh viên Nhà trường đã thực hiện tốt đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; các nội quy, quy định của Nhà trường và nơi cư trú, tạm trú.

Tuy nhiên, chất lượng công tác tuyên truyền chưa đạt hiệu quả như mong muốn; chưa thực sự sát sao nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của cán bộ và sinh viên trong toàn Trường

3. Công tác đào tạo

3.1. Công tác tuyển sinh năm học 2018 - 2019

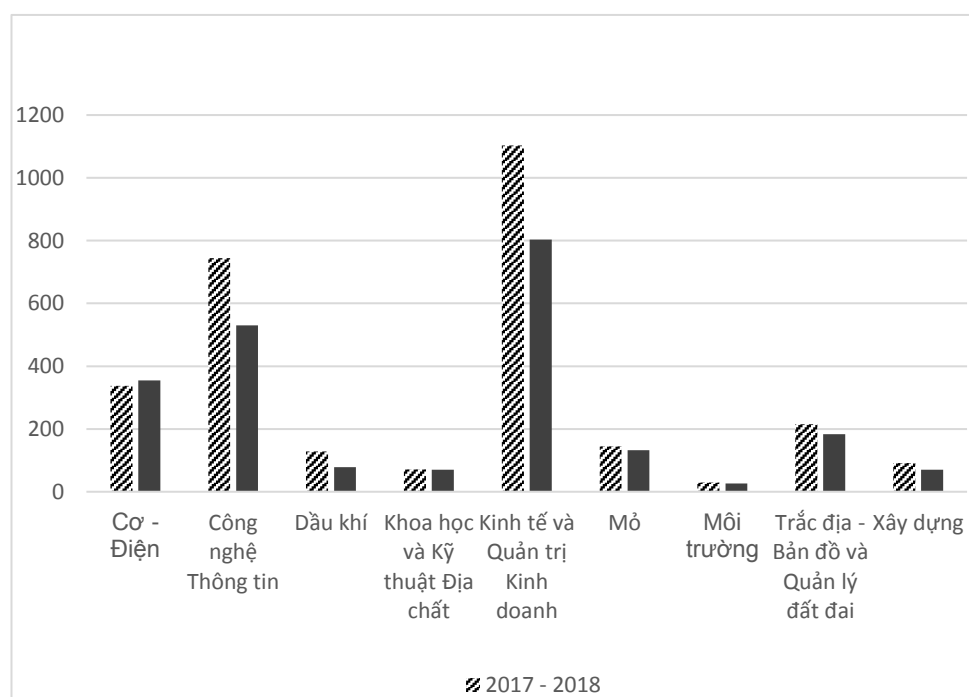
3.1.1. Đào tạo đại học

Theo chủ trương của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đáp ứng nhu cầu của xã hội, Nhà trường đã tổ chức nghiêm túc, đúng quy định công tác tuyển sinh các hệ: đại học chính quy, đại học bằng 2 đợt 1, liên thông đại học đợt 1, vừa làm vừa học, sau đại học. Kết quả tuyển sinh năm học 2018 - 2019 được thể hiện chi tiết ở Bảng 1.

Bảng 1. Kết quả tuyển sinh đại học năm học 2018- 2019

Khoa	Tổng	ĐHCQ				VLVH		Sau ĐH	
		VB1		VB2	LT	ĐH	VB2	Cao học	NCS
		Học bạ	THPT						
Công nghệ thông tin	530 (744)	3 (0)	508 (741)	2 (0)	2 (3)	0 (0)	0 (0)	15 (-)	- (-)
Cơ - Điện	355 (320)	106 (0)	182 (274)	8 (5)	2 (2)	11 (14)	2 (3)	42 (38)	2 (1)
Dầu khí	78 (128)	30 (43)	32 (59)	2 (2)	5 (1)	0 (0)	0 (0)	7 (23)	2 (0)
Khoa học & Kỹ thuật Địa chất	70 (70)	10 (0)	8 (16)	9 (0)	0 (0)	1 (1)	1 (0)	39 (52)	2 (2)
Kinh tế & QTKD	803 (1064)	67 (0)	474 (606)	4 (7)	1 (60)	27 (25)	14 (14)	214 (390)	2 (1)
Mỏ	132 (104)	16 (22)	23 (31)	11 (0)	1 (0)	40 (32)	10 (9)	29 (47)	2 (4)
Môi trường	26 (29)	8 (23)	1 (5)	0 (1)	1 (0)	1 (0)	0 (0)	15 (-)	- (-)
Trắc địa - Bản đồ và QLDD	183 (211)	21 (50)	25 (49)	16 (2)	2 (6)	1 (3)	0 (1)	118 (101)	0 (3)
Xây dựng	70 (92)	9 (62)	13 (21)	32 (5)	10 (0)	0 (0)	0 (0)	5 (4)	1 (0)
Tổng	2247 (2864)	270 (200)	1266 (1802)	84 (22)	24 (72)	81 (75)	27 (27)	484 (655)	11 (11)

Ghi chú: Trong "() " là kết quả tuyển sinh năm 2017-2018, dấu trừ "-" thể hiện chưa tuyển sinh



Hình 1. Biểu đồ kết quả tuyển sinh trong năm học 2017-2018 và 2018 - 2019

Đại học chính quy (Văn bằng 1): Số lượng tuyển sinh đầu vào một số ngành chưa đủ chỉ tiêu đăng ký, điểm trúng tuyển vào Trường nhìn chung còn thấp. Kết quả này có nhiều nguyên nhân trong đó: nhu cầu về ngành nghề, sự biến động của xã hội về cơ cấu nền kinh tế, tuyên truyền của Chính phủ.

Văn bản 2, liên thông chính quy: Từ số liệu tuyển sinh đợt 1 năm 2019 cho thấy có sự sụt giảm mạnh về số lượng ở hệ liên thông so với năm trước. Nguyên nhân có thể đến từ thực tế hiện nay: bằng trung cấp, cao đẳng hiện tại dễ xin việc hơn bằng đại học. Tuy nhiên cũng có điểm tích cực đó là số lượng ở hệ văn bằng 2 tăng gần gấp 4 lần so với năm 2018. Điều này có thể lý giải là do xu hướng làm việc đa ngành ngày càng phổ biến trong xã hội. Vì vậy cần tiếp tục đa dạng hóa loại hình đào tạo như đào tạo theo địa chỉ, theo yêu cầu của doanh nghiệp.

Vừa làm vừa học: Công tác tuyển sinh gặp nhiều khó khăn do sự thay đổi nhận thức của xã hội, của doanh nghiệp, sự lựa chọn của người học về đại học hay học nghề...

3.1.2. Sau đại học

Nhà trường đã tổ chức 2 đợt tuyển sinh sau đại học trong năm học 2018 - 2019 (đợt 2 năm 2018 và đợt 1 năm 2019) với tổng số lượng đã tuyển mới được là 484 học viên cao học và 11 nghiên cứu sinh. So với năm học 2017 - 2018, số lượng tuyển sinh cao học năm 2018 - 2019 giảm mạnh, chủ yếu ở số lượng học viên của ngành Quản lý kinh tế. Số lượng NCS tuyển mới tương đương so với năm học trước.

Bảng 2. Kết quả tuyển sinh cao học năm 2018, 2019

TT	Tên Ngành đào tạo	Đợt 1 năm 2018	Đợt 2 năm 2018	Đợt 1 năm 2019	Đợt 2 năm 2019
1	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	28	51	35	26
2	Bản đồ viễn thám và hệ TTĐL	7	5	8	0
3	Kỹ thuật dầu khí	8		0	6
4	Khai thác mỏ	9	14	11	19
5	Kỹ thuật môi trường			15	12
6	Quản lý đất đai			19	8
7	Kỹ thuật tuyển khoáng		4	0	3
8	Kỹ thuật xây dựng CTN		2	3	9
9	Kỹ thuật điện		5	4	8
10	Kỹ thuật cơ khí động lực	18	3	29	0
11	Địa tin học		10	5	4
12	Kỹ thuật hóa học			2	4
13	Kỹ thuật địa vật lý			5	2
14	Kỹ thuật địa chất (ĐCTV)		5	17	0
15	Kỹ thuật địa chất(ĐCCT)	4		0	5
16	Địa chất học	3			
17	Kỹ thuật địa chất(ĐCKS&TD)	10	11	6	9
18	Quản lý kinh tế	205	152	63	102
Tổng		292	262	222	217

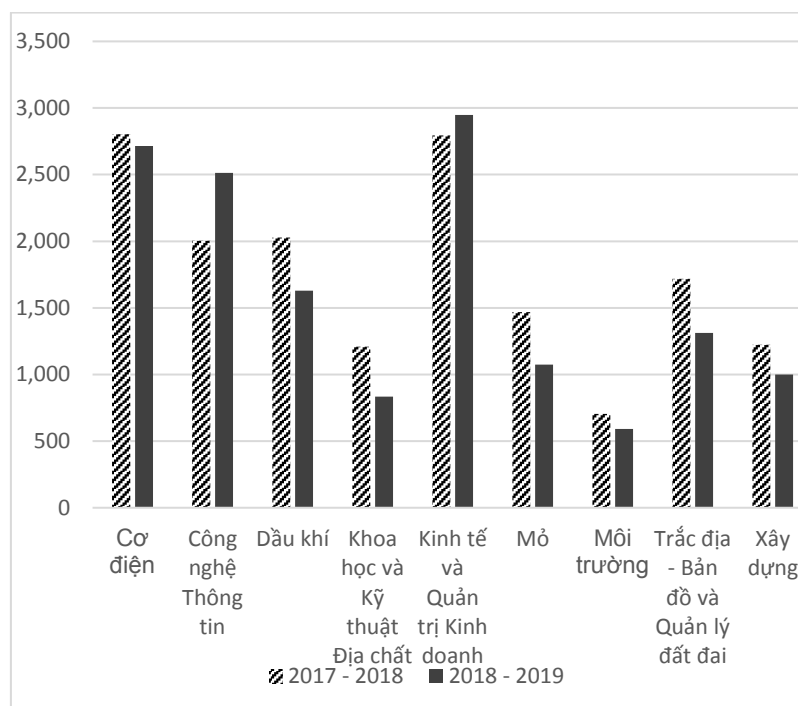
Bảng 3. Kết quả tuyển sinh NCS năm 2018, 2019

TT	Ngành	2018		2019	
		Đợt 1	Đợt 2	Đợt 1	Đợt 2
1	Kỹ thuật địa chất	1	1	1	1
2	Địa chất học				
3	Khoáng vật học và địa hóa học				
4	Kỹ thuật dầu khí		2		
5	Kỹ thuật địa vật lý				
6	Kỹ thuật cơ khí động lực			1	
7	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	2			1
8	Khai thác mỏ	1	1		1
9	Kỹ thuật điện				

10	Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm			1	
11	Quản lý kinh tế	1	1	1	
12	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		1		
13	Kỹ thuật tuyển khoáng		1		
Tổng		5	7	4	3

3.2. Quy mô đào tạo

Tổng số người học (sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh) trong toàn trường năm 2018 - 2019 là **14.615** người (số lượng ở Vũng Tàu là 491 người), giảm 8,3% so với năm học 2017 - 2018 (**15.948** người).



Hình 2. Quy mô đào tạo trong năm học 2017- 2018 và 2018 - 2019

Hệ chính quy: Tổng số sinh viên Đại học, Cao đẳng, Liên thông hệ chính quy là **13.570**, giảm 7,8% so với năm học 2017 - 2018 (**14.723** sinh viên), trong đó Đại học: **12.933** (số lượng sinh viên ở Vũng Tàu là 472 SV); Cao đẳng: **274** và Liên thông: **363**.

Bảng 4. Số lượng sinh viên đại học

TT	Khoa	2017-2018	2018-2019
1	Công nghệ thông tin	1.949	2.456
2	Cơ - Điện	2.613	2.525
3	Dầu khí	1.952	1.592
4	Khoa học và Kỹ thuật Địa chất	964	675
5	Kinh tế và Quản trị Kinh doanh	1.968	2.278
6	Mỏ	1.236	930
7	Môi trường	699	573
8	Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai	1.293	985
9	Xây dựng	1.076	919
Tổng		13.750	12.933

Bảng 5. Số lượng sinh viên cao đẳng

TT	Khoa	2017-2018	2018-2019
1	Công nghệ Thông tin	37	30
2	Cơ - Điện	92	69
3	Dầu khí	0	0
4	Khoa học và Kỹ thuật Địa chất	27	26
5	Kinh tế và Quản trị Kinh doanh	25	26
6	Mỏ	58	50
7	Môi trường	4	4
8	Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai	37	41
9	Xây dựng	26	28
Tổng		306	274

Bảng 6. Số lượng sinh viên liên thông

TT	Khoa	2017-2018	2018-2019
1	Công nghệ Thông tin	18	11
2	Cơ - Điện	25	31
3	Dầu khí	4	4
4	Khoa học và Kỹ thuật Địa chất	70	36
5	Kinh tế và Quản trị Kinh doanh	194	116
6	Mỏ	52	29
7	Môi trường	0	0
8	Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai	193	93
9	Xây dựng	111	43
Tổng		667	363

Hệ vừa làm vừa học: Tổng số sinh viên tại các điểm đào tạo trong năm học 2018-2019 là **852 SV**. Một số chuyên ngành có số lượng sinh viên quá ít gây khó khăn cho công tác xây dựng kế hoạch đào tạo.

Bảng 7. Số lượng sinh viên vừa làm vừa học

TT	Địa điểm đào tạo	Tổng	ĐH	VB2
1	Cẩm Phả (Kế toán, Kỹ thuật cơ khí, Kỹ thuật điện, Kỹ thuật mỏ, Kỹ thuật tuyển khoáng, Quản trị kinh doanh)	323	35	288
2	Hà Nội (Kế toán, Kỹ thuật địa chất, Kỹ thuật điện, Kỹ thuật mỏ, Kỹ thuật trắc địa - bản đồ, Quản trị kinh doanh)	132	36	96
3	Hòn Gai (Kế toán, Kỹ thuật điện, Kỹ thuật mỏ, Kỹ thuật tuyển khoáng, Kỹ thuật xây dựng, Quản trị kinh doanh)	120	7	113
4	Phú Yên (Kế toán, Kỹ thuật dầu khí)	3	0	3
5	Tây Ninh (Kỹ thuật mỏ)	17	0	17
6	Thanh Hóa (Kỹ thuật mỏ)	87	0	87
7	Uông Bí (Kỹ thuật điện, Kỹ thuật mỏ, Kỹ thuật tuyển khoáng, Quản trị kinh doanh)	150	29	121
8	Vũng Tàu (Kỹ thuật dầu khí, Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá)	20	0	20
Tổng		852	107	745

Sau đại học: Quy mô đào tạo sau đại học hiện tại của Nhà trường là 1030, trong đó có 905 học viên cao học của 19 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và 125 nghiên cứu sinh của 13 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ. So với năm học 2017 - 2018, quy mô đào tạo sau đại học giảm 15,9% (Năm

học 2017 - 2018, quy mô đào tạo sau đại học là 1225, trong đó số lượng học viên cao học là 1073 và nghiên cứu sinh là 152). Số lượng NCS nhìn chung giảm đều trong 2 năm gần đây. Một số ngành kỹ thuật số lượng học viên cao học tương đối ít hoặc không tuyển sinh được như các ngành Khoáng vật học và địa hóa học, Kỹ thuật cơ khí, Kỹ thuật địa vật lý, Kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật tuyển khoáng, Địa chất học. Một số ngành kỹ thuật truyền thống của Nhà trường có số lượng HVCH nhiều như ngành Kỹ thuật trắc địa - bản đồ, Kỹ thuật địa chất, Khai thác mỏ, Kỹ thuật cơ khí động lực.

Bảng 8. Số lượng học viên cao học

TT	Khoa	2017-2018	2018-2019	Ghi chú
1	Công nghệ thông tin	0	15	Mới mở 5/2018
2	Cơ - Điện	56	69	
3	Dầu khí	60	23	
4	Khoa học và Kỹ thuật Địa chất	108	63	
5	Kinh tế và Quản trị Kinh doanh	589	499	
6	Mỏ	102	49	
7	Môi trường	0	15	2017-2018 chưa mở ngành
8	Trắc địa - Bản đồ và QLDD	149	164	
9	Xây dựng	9	8	
Tổng		1073	905	

Bảng 9. Số lượng nghiên cứu sinh

TT	Khoa	2017-2018	2018-2019	Ghi chú
1	Công nghệ Thông tin	0	0	Chưa có
2	Cơ - Điện	18	20	
3	Dầu khí	12	11	
4	Khoa học và Kỹ thuật Địa chất	39	33	
5	Kinh tế và Quản trị Kinh doanh	17	14	
6	Mỏ	20	16	
7	Môi trường	0	0	Chưa có
8	Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai	45	30	
9	Xây dựng	1	1	
Tổng		152	125	

3.3. Công tác giảng dạy và hướng dẫn đồ án, luận văn, luận án tốt nghiệp

Khối lượng giảng dạy thực hiện trong năm học 2018 - 2019 là **270.184** giờ được thực hiện bởi 547 cán bộ. Tổng số giờ vượt của toàn trường là **166.957** giờ (vượt khoảng 62% giờ chuẩn). Tuy nhiên, vẫn còn những cán bộ thiếu giờ.

Bảng 10. Khối lượng giảng dạy năm học 2018 - 2109

TT	Khoa	Số lượng cán bộ thực hiện	Tổng giờ thực hiện của cán bộ	Tổng giờ vượt của cán bộ vượt giờ	Tổng giờ thiếu của cán bộ thiếu giờ
1	Công nghệ thông tin	49	22.192	12.951	-523
2	Cơ - Điện	56	33.623	23.661	-32
3	Dầu khí	58	22.654	13.599	-115
4	Giáo dục quốc phòng	9	8.160	7.849	0
5	Khoa học cơ bản	90	37.790	18.780	-995
6	Khoa học và Kỹ thuật Địa chất	53	17.517	8.447	-1.555
7	Kinh tế & QTKD	49	46.430	36.510	0
8	Lý luận chính trị	22	12.552	8.374	0
9	Mỏ	42	21.701	13.264	-488
10	Môi trường	27	10.481	5.115	-89
11	Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai	68	27.674	13.293	-794
12	Xây dựng	24	9.695	5.114	0
Tổng		547	270.442	166.957	-4.590

Bảng 11. Số lượng sinh viên tốt nghiệp

TT	Khoa	Đã in bằng tốt nghiệp					Đã bảo vệ TN nhưng thiếu CĐR
		Tổng	Xuất sắc	Giỏi	Khá	TB	
1	Công nghệ thông tin	260	0	1	162	97	111
2	Cơ - Điện	381	0	3	184	194	84
3	Khoa học & Kỹ thuật Địa chất	352	0	11	202	139	126
4	Dầu khí	480	5	46	341	88	124
5	Kinh tế & Quản trị Kinh doanh	469	8	64	343	54	97
6	Mỏ	355	0	20	238	97	102
7	Môi trường	231	1	33	175	22	35
8	Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	521	8	70	362	81	121
9	Xây dựng	294	0	7	162	125	66
Tổng cộng		3343	22	255	2169	897	866

Bảng 12. Kết quả học tập hệ cao đẳng

TT	Khoa	Xuất sắc	Giỏi	Khá	TB	Yếu, Kém	Tổng số
1	Công nghệ thông tin	0	0	1	2	27	30
2	Cơ - Điện	0	0	2	15	52	69
3	Dầu khí	0	0	0	0	0	0
4	Kinh tế & QTKD	0	0	6	2	18	26
5	Khoa học và Kỹ thuật Địa chất	2	0	1	3	20	26
6	Mỏ	1	0	3	0	46	50
7	Môi trường	1	0	2	0	1	4
8	Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai	2	0	3	2	34	41
9	Xây dựng	0	2	1	0	25	28
Tổng		6	2	19	24	223	274

Bảng 13. Kết quả học tập hệ đại học

TT	Khoa	Xuất sắc	Giỏi	Khá	TB	Yếu, Kém	Tổng số
1	Công nghệ thông tin	28	105	476	658	1.189	2.456
2	Cơ - Điện	30	133	671	636	1.055	2.525
3	Dầu khí	153	239	418	239	543	1.592
4	Kinh tế & QTKD	47	172	669	495	895	2.278
5	Khoa học và Kỹ thuật Địa chất	51	67	149	109	299	675
6	Mỏ	94	179	213	101	343	930
7	Môi trường	135	88	162	60	128	573
8	Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai	169	183	192	112	329	985
9	Xây dựng	43	103	210	134	429	919
Tổng		750	1.269	3.160	2.544	5.210	12.933

Bảng 14. Kết quả học tập hệ liên thông

TT	Khoa	Xuất sắc	Giỏi	Khá	TB	Yếu, Kém	Tổng số
1	Công nghệ thông tin	1	1	2	3	4	11
2	Cơ - Điện	0	0	0	2	29	31
3	Dầu khí	0	0	2	0	2	4
4	Kinh tế & QTKD	18	8	36	15	39	116
5	Khoa học và Kỹ thuật Địa chất	6	3	3	0	24	36
6	Mỏ	2	6	2	2	17	29
7	Môi trường	0	0	0	0	0	0
8	Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai	35	3	9	5	41	93
9	Xây dựng	0	1	4	1	37	43
Tổng		62	22	58	28	193	363

Đào tạo đại học: Số lượng sinh viên được xét tốt nghiệp là 4209, trong đó chỉ có 3343 sinh viên đủ điều kiện để nhận bằng tốt nghiệp, còn lại 866 sinh viên chưa đủ điều kiện để tốt nghiệp do chưa đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ, Tin học, Giáo dục thể chất, Quốc phòng.

Đào tạo sau đại học: Với quy mô đào tạo 905 học viên cao học của 19 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và 125 nghiên cứu sinh của 13 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ hiện có của Nhà trường, phòng Đào tạo sau đại học đã tích cực, chủ động xây dựng kế hoạch học tập và nghiên cứu toàn khóa cho học viên cao học và nghiên cứu sinh một cách hợp lý. Chương trình đào tạo sau đại học được thiết kế theo xu hướng mở, có thể thay đổi thường xuyên để đáp ứng nhu cầu của người học, phù hợp với sự phát triển của các lĩnh vực khoa học kỹ thuật, cũng như nhu cầu nguồn nhân lực có chất lượng cao của xã hội. Nội dung chương trình đào tạo được bổ sung, chỉnh sửa theo từng năm học.

Các bộ môn, các khoa và các giảng viên đã khắc phục khó khăn về thời gian, điều kiện đi lại, ăn ở trong quá trình giảng dạy và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho học viên và NCS có thời gian để học tập, nghiên cứu và hoàn thành luận văn, luận án. Các học kỳ được tổ chức theo lịch ổn định đã tạo sự chủ động trong kế hoạch cho cán bộ giảng dạy và học viên.

Công tác giao đề tài và theo dõi học viên, NCS thực hiện luận văn, luận án, giải quyết các thủ tục bảo vệ cho học viên và nghiên cứu sinh được cải tiến và thực hiện nhanh chóng, thuận tiện và giảm các thủ tục hành chính. Trong năm học vừa qua đã tổ chức bảo vệ và trao bằng cho 623 HVCH và tổ chức Hội đồng bảo vệ luận án tiến sĩ cấp trường và trao bằng cho 22 NCS đảm bảo nghiêm túc, đúng Quy chế. Lễ trao bằng được tổ chức trang trọng tạo sự phấn khởi cho các NCS

và học viên. Số HVCH có kết quả tốt nghiệp đạt loại khá giỏi chiếm tỷ lệ cao (chiếm gần 90% tổng số HVCH tốt nghiệp).

Khối lượng giảng dạy sau đại học thực hiện được trong năm học 2018 - 2019 là **25.230** giờ chuẩn, tăng so với năm học trước do có các ngành đào tạo trình độ thạc sĩ được mở mới và đã được tuyển sinh (năm học 2017 - 2018 là 24.490 giờ). Số lượng HVCH và NCS tốt nghiệp của từng ngành trong 2 năm học 2017 - 2018 và 2018 - 2019 được thể hiện trong Bảng 15 và Bảng 16.

Bảng 15. Số lượng HVCH đã tốt nghiệp năm học 2017 - 2018 và 2018 - 2019

TT	Ngành đào tạo	Tốt nghiệp	
		2017 - 2018	2018 - 2019
Tổng số		558	623
Khoa KH & KT Địa chất		65	81
1	Kỹ thuật địa chất	61	80
2	Địa chất học	4	1
3	Khoáng vật học và địa hóa học	0	0
Khoa Dầu khí		41	42
4	Kỹ thuật dầu khí	34	25
5	Kỹ thuật địa vật lý	5	3
6	Kỹ thuật hóa học	2	14
Khoa Cơ - Điện		31	27
7	Kỹ thuật cơ khí động lực	9	3
8	Kỹ thuật điện	19	23
9	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	3	1
10	Kỹ thuật cơ khí	Mới mở	Mới mở
Khoa Trắc địa - Bản đồ & QLDD		77	109
11	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	56	80
12	Bản đồ viễn thám và hệ thống tin địa lý	21	29
13	Quản lý đất đai	-	Mới mở
Khoa Mỏ		93	85
14	Khai thác mỏ	81	78
15	Kỹ thuật tuyển khoáng	12	7
Khoa Môi trường		-	-
16	Kỹ thuật môi trường	-	Mới mở
Khoa Công nghệ thông tin		-	-
17	Địa tin học	Mới mở	Mới mở
Khoa Xây dựng		26	5
18	Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm	26	5
Khoa Kinh tế & QTKD		225	274
19	Quản lý kinh tế	225	274

Bảng 16. Số lượng NCS đã tốt nghiệp năm học 2017 - 2018 và 2018 - 2019

TT	Ngành đào tạo	Tốt nghiệp	
		2017 - 2018	2018 - 2019
Tổng số		14	22
Khoa KH và KT Địa chất		2	4
1	Kỹ thuật địa chất	2	2
2	Địa chất học	0	2
3	Khoáng vật học và địa hóa học	0	0
Khoa Dầu khí		2	2

4	Kỹ thuật dầu khí	0	1
5	Kỹ thuật địa vật lý	2	1
Khoa Trắc địa - Bản đồ & QLDD		3	10
6	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	3	10
Khoa Mỏ		3	3
7	Khai thác mỏ	3	3
8	Kỹ thuật tuyển khoáng	0	0
Khoa Cơ - Điện		1	0
9	Kỹ thuật điện	0	0
10	Kỹ thuật cơ khí động lực	0	0
11	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	1	0
Khoa Xây dựng		0	1
12	Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm	0	1
Khoa Kinh tế và QTKD		3	2
13	Quản lý kinh tế	3	2

Những tồn tại, hạn chế:

- Việc đổi mới phương pháp giảng dạy còn phụ thuộc nhiều yếu tố như do thói quen của người học và người dạy còn thiếu sự sáng tạo, cần có điều kiện để tiếp cận với trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới.

- Một số giảng viên dạy không theo đúng lịch học tập được phân công, tình hình giáo viên dạy dồn giờ và thậm chí rút bớt số giờ dạy theo quy định vẫn còn.

- Tình trạng nghiên cứu sinh, học viên cao học học tập và nghiên cứu không đúng tiến độ, chậm tốt nghiệp có chiều hướng tăng lên.

3.4. Kết quả xử lý học tập năm học 2017 - 2018

Trong năm học 2018 - 2019, Nhà trường đã xử lý học tập, ra quyết định buộc thôi học 514 sinh viên, 41 HVCH và 12 NCS. Số lượng HVCH bị xử lý học tập giảm và NCS bị xử lý học tập tăng so với năm học 2017 - 2018 (buộc thôi học 43 HVCH và 7 NCS).

Bảng 17. Số lượng sinh viên bị buộc thôi học

TT	Khoa	SV học đúng tiến độ	SV buộc thôi học
1	Công nghệ thông tin	2.459	38
2	Cơ - Điện	2.481	144
3	Khoa học và Kỹ thuật Địa chất	667	70
4	Dầu khí	1.575	21
5	Kinh tế và Quản trị Kinh doanh	2.338	82
6	Mỏ	972	37
7	Môi trường	562	15
8	Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai	1.058	61
9	Xây dựng	944	46
Tổng		13.056	514

3.5. Công tác tổ chức, quản lý đào tạo

Nhà trường đã nghiên cứu, triển khai hình thức liên kết đào tạo đại học với các trường cao đẳng, cao đẳng nghề, đồng thời phát triển mô hình đào tạo các chuyên đề bồi dưỡng nghiệp vụ theo địa chỉ hoặc đặt hàng từ các tổ chức ngoài trường, doanh nghiệp:

- Nhà trường đã ký kết thỏa thuận với một số đơn vị trong nước nhằm thực hiện các liên kết toàn diện về đào tạo và NCKH với mục tiêu hội nhập và đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực

của xã hội.

- Tuy nhiên mô hình đào tạo theo chuyên đề bồi dưỡng nghiệp vụ theo địa chỉ hoặc đặt hàng từ các tổ chức ngoài trường, doanh nghiệp chưa được phát huy đúng với tiềm năng sẵn có của Nhà trường.

Bảng 18. Danh sách trường tham gia ký kết thỏa thuận

TT	Tên trường
1	Trường Đại học Xây dựng
2	Trường Đại học Thủy lợi
3	Trường Đại học Giao thông vận tải
4	Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai

3.5.1. Xây dựng và phát triển phương thức đào tạo từ xa

Nhà trường đã thực hiện những bước đầu trong việc triển khai đào tạo theo hình thức E-Learning như: lập danh sách các học phần và nhóm giảng viên xây dựng bài giảng và giảng dạy tương ứng theo E-Learning; phối hợp với Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai về việc triển khai giảng dạy trực tuyến cho các lớp Cao học Kinh tế và Quản trị kinh doanh. Trong giai đoạn tới nhà trường sẽ phát triển hệ thống phần mềm đào tạo E-Learning, hoàn thiện studio, xây dựng chương trình tập huấn và triển khai xây dựng bài giảng E-Learning theo kế hoạch.

3.5.2. Quản lý đào tạo

Công tác quản lý đào tạo được chú trọng từ việc xây dựng kế hoạch đào tạo cho từng khóa, từng kỳ, cũng như việc lập thời khóa biểu, bố trí và điều hành quá trình giảng dạy, học tập tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người học.

Hệ thống các quy định liên quan đến quản lý đào tạo được tiếp tục hoàn thiện, sửa đổi và bổ sung như Quy định thu học phí đối với sinh viên tốt nghiệp chậm; Quy định về điểm đạt chứng chỉ Giáo dục thể chất; Thông tin quy đổi tương đương học phần Giáo dục thể chất.

Nhà trường tiếp tục xây dựng các đề án mở ngành mới, thực hiện đa dạng hoá ngành nghề đào tạo; xây dựng một số ngành đào tạo mũi nhọn, chất lượng cao đáp ứng nhu cầu cấp thiết về nguồn nhân lực trong bối cảnh hội nhập. Năm học 2018 - 2019, Nhà trường tiếp tục tiến hành rà soát khối lượng, điều chỉnh toàn bộ các chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ và thạc sĩ để phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường, nhu cầu xã hội và đáp ứng với quy định về nội dung chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Khung trình độ quốc gia Việt Nam theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể:

- Mở thêm 01 ngành đào tạo đại học chính quy, 03 chuyên ngành và 02 ngành đào tạo sau đại học (Bảng 20). Cả 2 ngành Kỹ thuật môi trường và Quản lý đất đai đã đáp ứng được nhu cầu của xã hội và đều tuyển được học viên trong cả 2 đợt tuyển sinh của năm học 2018 - 2019, đồng thời nâng tổng số ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà trường lên 19 ngành đào tạo và đã đảm bảo tất cả các khoa chuyên môn của Nhà trường đều có đào tạo sau đại học.

- Chương trình đào tạo tiếp tục được rà soát và điều chỉnh các nội dung chương trình đào tạo gắn kết với thực tế đáp ứng sự phát triển kinh tế và xã hội trên tinh thần của Thông tư số 07/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 và Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đảm bảo chất lượng.

- Rà soát và hoàn thiện chương trình đào tạo (CTĐT) 4 năm theo định hướng CDIO.

- Cử giảng viên tham lớp học về CDIO do các chuyên gia Singapore giảng dạy. 05 giảng viên của nhà trường đã được chọn đi thực tế trong một tuần về CDIO ở Singapore.

- Tiến hành chỉnh sửa, bổ sung Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ và ban hành Quy trình tổ chức giảng dạy, học tập và thực hiện luận văn thạc sĩ và cùng với Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành đầu năm 2018 là cơ sở quan trọng cho công tác tổ chức và quản lý đào tạo sau đại học đạt

hiệu quả và chất lượng hơn. Các khoa và bộ môn chuyên môn đã triển khai thực hiện tốt theo các quy định của Quy chế. Học viên cao học và NCS đã có ý thức tốt hơn trong việc thực hiện Quy chế và quy định của Nhà trường.

- Tăng cường kiểm tra tiến độ học tập, giảng dạy của các lớp cao học, phối hợp với các đơn vị chuyên môn quản lý, theo dõi chặt chẽ học viên cao học và nghiên cứu sinh. Việc tổ chức giảng dạy, học tập của học viên và nghiên cứu sinh được thực hiện nghiêm túc theo kế hoạch, việc đánh giá kết quả học tập theo đúng quy chế, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Bảng 19. Danh sách ngành, chuyên ngành đào tạo mở mới năm học 2018 - 2019

STT	Tên ngành, chuyên ngành	Hình thức đào tạo
1	Địa tin học	Đại học chính quy
2	Trắc địa - bản đồ	Đại học chính quy (chuyên ngành)
3	Hệ thống thông tin	
4	Công nghệ thông tin địa học	
5	Kỹ thuật xây dựng	Đang chờ phê duyệt
6	Kỹ thuật môi trường	Cao học
7	Quản lý đất đai	Cao học

Những tồn tại, hạn chế:

- Việc xin ý kiến góp ý sửa đổi, bổ sung các quy định, văn bản còn chậm, nhiều đơn vị không gửi ý kiến, làm cho việc sửa đổi không hiệu quả, chưa đáp ứng được những vấn đề thực tiễn.

- Hoạt động của đội ngũ GVCN, CVHT đạt hiệu quả chưa cao.

- Tính chủ động trong quản lý đào tạo tại các Khoa chưa đạt hiệu quả mong đợi.

- Công tác nhập điểm của một số giảng viên còn quá hạn gây khó khăn trong xét học bổng và xử lý học tập.

- Đại bộ phận giảng viên đã tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên, học viên và NCS theo đúng quy định. Tuy nhiên, vẫn còn một số giảng viên chưa thực hiện tốt quy định về việc nộp đề thi, chấm thi và đánh giá điểm học tập của sinh viên, học viên, gây không ít khó khăn cho việc quản lý kết quả học tập và bảo vệ luận văn tốt nghiệp.

- Do các lớp cao học học buổi tối cho nên công tác thanh tra, kiểm tra việc giảng dạy và học tập của các lớp cao học tiến hành chưa thường xuyên. Công tác quản lý NCS tuy đã có những chuyển biến nhưng chưa thực sự chặt chẽ, việc báo cáo định kỳ kết quả học tập và nghiên cứu của NCS thực hiện chưa thật nghiêm túc ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng đào tạo tiến sĩ của Nhà trường.

- Công tác đào tạo và bồi dưỡng cấp chứng chỉ đào tạo sau đại học vẫn được triển khai thực hiện thường xuyên theo nhu cầu của các tổ chức kinh tế nhưng số lượng lớp giảm nhiều so với những năm trước đây do nhu cầu của xã hội và những bất cập về chính sách của Nhà nước.

- Việc mở mới các ngành đào tạo cả ở trình độ tiến sĩ và thạc sĩ còn chậm trễ. Công tác phát triển đội ngũ cán bộ, cũng như tư duy để mở ra các hướng nghiên cứu, các ngành đào tạo mới đáp ứng xu thế phát triển của khu vực và thế giới như năng lượng mới, vật liệu mới, công nghệ mới, môi trường và biến đổi khí hậu... ở các bộ môn, khoa chuyên môn còn nhiều hạn chế.

- Việc triển khai xây dựng phần mềm để ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đào tạo sau đại học còn chậm nên chưa có sự đồng bộ với hệ thống quản lý đào tạo của Nhà trường.

3.6. Xuất bản giáo trình, bài giảng

- Đã xuất bản 01 giáo trình sau đại học cấp NXB.

- Đã xuất bản 05 giáo trình đại học cấp NXB.

- Đã rà soát, phân biện, biên tập, in ấn Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất 6 số một năm (gồm 4 số tiếng việt và 2 số tiếng Anh).

Bảng 20. Thống kê công tác xuất bản giáo trình đại học năm học 2018 - 2019

TT	Khoa	Tên giáo trình/ sách	Loại giáo trình	Tác giả
1	Lý luận chính trị	Pháp luật đại cương	Cấp NXB	Nguyễn Bình Yên
2	Lý luận chính trị	Kỹ năng giao tiếp	Cấp NXB	Đặng Thị Thanh Trâm
3	Cơ - Điện	Máy nâng - Máy xếp dỡ	Cấp NXB	Nguyễn Văn Xô
4	Khoa học cơ bản	Cơ sở khoa học vật liệu	Cấp NXB	Vũ Bá Dũng
5	Khoa học & Kỹ thuật Địa chất	Phương pháp xử lý thông tin địa chất	Cấp NXB	Lương Quang Khang
6	Môi trường	Xử lý nước thải Wetland	Cấp NXB	Nguyễn Hoàng Nam

Những tồn tại, hạn chế

So với năm học 2017 - 2018, số lượng giáo trình tăng không đáng kể (giáo trình đại học tăng 1 giáo trình, sau đại học tăng 1 giáo trình)

3.7. Công tác tư vấn tuyển sinh

Năm học 2018 - 2019, Nhà trường đã xây dựng và thực hiện chiến lược tư vấn tuyển sinh trên cơ sở kết hợp nhiều hình thức truyền thông: Tư vấn tuyển sinh trực tiếp, qua các chương trình hợp tác liên kết với các trường THPT, truyền thông cho tư vấn tuyển sinh qua mạng xã hội, qua các phương tiện thông tin đại chúng, tư vấn tuyển sinh qua các ấn phẩm truyền thông, gọi điện thoại trực tiếp...

Bộ phận Tư vấn tuyển sinh đã tham gia 05 chương trình Ngày hội Tư vấn tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo kết hợp với Báo Tuổi trẻ tổ chức tại Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, Trường Đại học Vinh, Trường Đại học Văn hóa Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, Trường Đại học Hàng hải; Tham gia các chương trình do Tỉnh đoàn Bắc Ninh, Thanh Hóa, Thành đoàn Hà Nội; Đã thực hiện tư vấn tuyển sinh trực tiếp tại 85 Trường THPT trên địa bàn các tỉnh Hà Nam, Hà Nội, Hưng Yên, Nam Định, Nghệ An, Thái Bình, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Vĩnh Phúc. Đã thực hiện 04 chương trình trao học bổng tài trợ cho các học sinh nghèo, vượt khó, học bổng khuyến khích học tập cho học sinh các trường THPT Tam Dương (Vĩnh Phúc), THPT Lê Hồng Phong và THPT Phổ Yên (Thái Nguyên) và THPT Bim Sơn (Thanh Hóa).

Đã thực hiện các chương trình truyền thông cho tư vấn tuyển sinh trên mạng xã hội như facebook, google, youtube qua những bài viết, những clip ngắn thu hút được hàng ngàn lượt like và comment của các thí sinh quan tâm, cùng với đó là hàng ngàn tin nhắn tương tác qua mạng xã hội.

Nhà trường đã phối hợp với Đài truyền hình Việt Nam (VTV3), Đài Truyền hình Hà Nội, Báo Giáo dục & Thời đại, Báo Dân trí, Báo Tuổi trẻ, Tạp chí Việt Nam Hội nhập để thực hiện các clip giới thiệu về ngành nghề, phương thức tuyển sinh của Nhà trường, đưa các tin, bài về hoạt động của Nhà trường đến với công chúng.

Trong năm 2019, phòng Quan hệ Công chúng và Doanh nghiệp đã phát 31.000 tờ thông tin tới tận tay thí sinh qua các hình thức phát trực tiếp tại trường (khi đến tuyển sinh tại địa bàn), tại các ngày hội tư vấn tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, gửi kèm với giấy báo kết quả trúng tuyển (đối với Sở GD&ĐT Hà Nam, và một số trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang); Đã thực hiện treo 101 banner, bandrol thông tin tuyển sinh của Nhà trường tại 101 điểm trường (trong đó truyền thông tại địa bàn Trường làm công tác coi thi ở Bắc Giang là 16 điểm trường và các trường THPT khác là 85 Điểm)

Đã gọi điện trực tiếp cho 3.038 thí sinh trúng tuyển vào trường (trong đó gọi trúng tuyển theo học bạ là 995 em, gọi trúng tuyển theo kỳ thi THPT QG là 2043 em).

Hạn chế và nguyên nhân

Tất cả những phương án tiếp cận đối với công chúng đã được thử nghiệm và mang lại những kết quả nhất định. Tuy nhiên, hiệu quả của công tác tư vấn tuyển sinh chưa cao. Theo đánh giá thì nguyên nhân chính là do nhiều ngành nghề đào tạo truyền thống của nhà trường có sự cạnh tranh mạnh mẽ với các trường đại học lớn, hơn thế nữa nhu cầu của thị trường về những ngành

này ngày càng giảm mạnh. Trong khi đó những ngành mới như công nghệ thông tin, cơ điện đang thu hút sự quan tâm của công chúng.

Nguồn lực dành cho TVTS còn hạn chế, đội ngũ tư vấn viên còn mỏng về số lượng nên công tác “*chăm sóc khách hàng*” khi có kết quả tuyển sinh chưa đạt hiệu quả cao.

4. Công tác đảm bảo chất lượng giáo dục

4.1. Công tác khảo thí

Trong năm học 2018 - 2019, công tác khảo thí được thực hiện theo đúng lộ trình đối với các học phần giảng dạy ở Hà Nội và đối với tất cả các học phần giảng dạy tại các địa điểm liên kết xa trường. Nhà trường đã triển khai công tác khảo thí đối với tất cả các học phần giảng dạy thuộc hệ vừa làm vừa học và bậc sau đại học.

Đối với hệ chính quy, đã tổ chức khảo thí kết thúc học phần lần 1 đối với 403 học phần (106.990 lượt thi) trên tổng số 764 học phần đã đăng ký khảo thí. Trong cả năm học, Nhà trường có tổ chức thi lần 1 đối 857 môn học (140.754 lượt thi). Như vậy về số học phần khảo thí chỉ chiếm 47%, trong khi đó số bài thi lần 1 của các học phần khảo thí chiếm tới 76%. Cụ thể, tỷ lệ số học phần được tổ chức khảo thí trong các học kỳ như sau: HK1: 48% (286/595); HK2: 56,3% (281/499); HK3: 78,7% (100/127).

Trong quá trình tổ chức thi, một số học phần đã được thay hình thức khảo thí theo yêu cầu của các bộ môn để phù hợp hơn với yêu cầu của môn học.

Công tác tổ chức thi, việc sắp xếp lịch thi, phòng thi đã có nhiều cải tiến, khắc phục được vấn đề sinh viên phải thi nhiều môn trong một ngày; khắc phục việc sinh viên phải thi dồn dập, liên tục các ngày sát nhau trong một kỳ thi. Thống kê phân bố kết quả chấm thi lần một năm 2019 cho thấy cần có sự điều chỉnh, đổi mới kịp thời trong công tác ra đề thi.

Công tác chấm thi cũng được thực hiện nhanh chóng đúng quy định: làm phách trong 2 ngày sau buổi thi kết thúc và tổ chức chấm thi tập trung. Phần lớn giảng viên tham gia nhiệm vụ khảo thí đã nghiêm túc thực hiện các công tác coi thi, chấm thi. Công tác lên điểm thi đã được thực hiện chủ động qua hệ thống quản lý đào tạo Edusoft với thời gian từ 1 đến 2 ngày sau khi chấm thi; thường xuyên tiến hành rà soát chấm thi, do đó hạn chế được hiện tượng tồn đọng bài thi, điểm thi và kịp thời giải quyết các thắc mắc.

Công tác phúc khảo các bài thi đã được thực hiện đúng quy định. Tỷ lệ các bài phúc khảo trong khoảng 0.2 - 0.3%; trong đó tỷ lệ bài thi có thay đổi điểm sau khi phúc khảo trong khoảng 0.07 - 0.1%. Thời gian nhận đơn và chấm phúc khảo được thực hiện từng đợt ngay sau khi điểm thi của các học phần được xác định và đưa lên hệ thống chung của toàn trường. Tuy nhiên, do thời gian chấm thi khác nhau nên khoảng thời gian xử lý các bài phúc khảo còn kéo dài dẫn đến việc hoàn thành phúc khảo còn chậm.

Các đợt thi tại các địa điểm xa trường được tổ chức theo đúng kế hoạch, đảm bảo tiến độ xét thực tập, xét đồ án tốt nghiệp cũng như xét học bổng cho các lớp sinh viên.

Đối với hệ VHVL, công tác tổ chức thi, chấm thi được điều chỉnh so với Quy trình khảo thí hệ chính quy, phù hợp với tình hình thực tế đào tạo ở các điểm xa Trường, phù hợp với tính chất của hoạt động đào tạo của hệ VHVL, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác giảng dạy và học tập. Điểm thi cuối học phần được giảng viên gửi kèm đề thi, đáp án và bài thi để thông báo điểm và phục vụ công tác lưu giữ theo quy định.

Đối với bậc sau đại học, công tác khảo thí được thực hiện đối với tất cả các ngành đào tạo và tại các địa điểm liên kết. Công tác tổ chức thi được thực hiện tại các địa điểm liên kết đào tạo do Phòng ĐBCLGD kết hợp cùng Phòng ĐTSĐH và các Khoa/Bộ môn chủ quản ngành. Tháng 6/2019 Nhà trường đã triển khai Quy trình tổ chức giảng dạy, học tập và thực hiện luận văn thạc sỹ. Việc chấm thi được thực hiện tập trung, có sự phối hợp với các bộ môn và giảng viên nhằm đảm bảo đúng thời hạn trả điểm thi bậc cao học. Việc lên điểm và báo điểm được thực hiện dưới sự phối hợp của các đơn vị chức năng, chú trọng đến tính chính xác và quyền lợi của học viên.

Nhận xét, đánh giá chung

- Công tác khảo thí đã tạo động lực để các kỳ học được thực hiện theo kế hoạch giảng dạy giúp cho các khóa học có điểm thi kết thúc học phần đúng thời hạn, thuận lợi cho công tác xử lý kết quả học tập hàng kỳ, xét khen thưởng, xét học bổng, xét tốt nghiệp cho sinh viên cũng như xét điều kiện bảo vệ và đánh giá tốt nghiệp của học viên cao học.

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh Quy trình khảo thí, quy trình chấm và nhập điểm thi, quản lý đề thi đáp án.

4.2. Công tác kiểm tra trình độ đầu vào và chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học

4.2.1. Kiểm tra trình độ đầu vào và chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học

Để giúp sinh viên đạt chuẩn đầu ra về tin học và ngoại ngữ theo quy định, Nhà trường đã yêu cầu Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học phối hợp với các đơn vị chức năng xây dựng kế hoạch kiểm tra trình độ đầu vào và Chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học năm học 2018 - 2019.

Trong năm học 2018 - 2019, Trung tâm đã tổ chức 12 đợt kiểm tra trình độ đầu vào và Chuẩn đầu ra ngoại ngữ, Chuẩn đầu ra tin học (trong đó có các đợt kiểm tra tại các điểm xa trường như Quảng Ngãi, Phú Yên, Vũng Tàu) cho 7.437 lượt sinh viên trong đó tổng số sinh viên dự thi ngoại ngữ là 3.218 sinh viên, số sinh viên đạt là 2.152 sinh viên, chiếm tỷ lệ 66,87%, tổng số sinh viên dự thi tin học là 4.219 sinh viên, số sinh viên đạt là 3.109 sinh viên, chiếm tỷ lệ 73,69%. Kết quả của các đợt kiểm tra được thống kê ở Bảng 21.

Bảng 21. Thống kê kết quả kiểm tra Chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học năm học 2018 - 2019

Đợt kiểm tra	Ngoại ngữ			Tin học			Địa điểm
	Số TS dự thi	Số TS đạt	Tỷ lệ	Số TS dự thi	Số TS đạt	Tỷ lệ	
1	71	69	97.18%	59	56	94.92%	Quảng Ngãi
2	297	212	71.38%	494	367	74.29%	Hà Nội
3	18	18	100.00%	18	18	100.00%	Phú Yên
4	207	126	60.87%	366	291	79.51%	Hà Nội
5	440	268	60.91%	580	462	79.66%	Hà Nội
6	87	87	100.00%	79	77	97.47%	Quảng Ngãi
7	519	343	66.09%	733	553	75.44%	Hà Nội
8	141	110	78.01%	173	158	91.33%	Vũng Tàu
9	73	40	54.79%	112	73	65.18%	Hà Nội
10	331	181	54.68%	526	326	61.98%	Hà Nội
11	512	339	66.21%	577	376	65.16%	Hà Nội
12	522	359	68.77%	502	352	70.12%	Hà Nội
Cộng	3218	2152	66.87%	4,219	3,109	73.69%	

Việc đổi mới hình thức, phương pháp dạy và học theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin cùng với các trang thiết bị hiện đại đã giúp sinh viên có sự chuẩn bị kiến thức và kỹ năng tốt hơn cho kiểm tra Chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học. Nhờ đó tỷ lệ sinh viên đạt chuẩn đầu ra đã tăng lên.

Những tồn tại, hạn chế

Số lượng học viên tham dự các khóa đào tạo vẫn còn hạn chế so với tiềm năng, nhiều lớp có sỹ số ít do sinh viên không bố trí được lịch học. Với phương pháp dạy và học trực tuyến kết hợp trực tiếp, giảng viên không kiểm soát được việc học của sinh viên, sự tương tác giữa học viên và giảng viên để giải đáp những vấn đề trực tiếp chưa cao.

4.2.2. Công tác cấp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học

Để đảm bảo sự nghiêm túc và tính công bằng của các kỳ thi, Nhà trường cũng đã thực hiện nhiều biện pháp ngăn ngừa gian lận trong kiểm tra Chuẩn đầu ra như: giám sát toàn bộ quá trình thi qua camera, nhận diện thí sinh bằng ảnh hiển thị trên màn hình thi... Đặc biệt trong tháng 9/2019, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học đã sử dụng máy dò phát hiện thiết bị công nghệ cao gian lận trong

thi cử như tai nghe hạt đậu, nam châm, điện thoại giả dạng ATM, ... góp phần tạo ra kỳ thi nghiêm túc, phản ánh đúng thực tế trình độ của sinh viên.

4.2.3. Công tác bồi dưỡng ngoại khóa ngoại ngữ, tin học

Một trong những chức năng và nhiệm vụ trọng tâm của Trung tâm là bồi dưỡng, nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học cho sinh viên Nhà trường để đạt chuẩn đầu ra theo quy định. Trên cơ sở các chương trình bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học đã có, Trung tâm tiếp tục xây dựng, đổi mới hình thức, phương pháp dạy và học theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin cùng với các trang thiết bị hiện đại xây dựng hệ thống hỗ trợ, các mô hình giáo dục điện tử, các lớp học thông minh để triển khai hoạt động dạy và học tin học, ngoại ngữ trực tuyến kết hợp trực tiếp đảm bảo chất lượng và phù hợp với nhiều đối tượng người học tại Hà Nội và các điểm liên kết xa trường như Quảng Ngãi, Phú Yên, Vũng Tàu đáp ứng mục tiêu đào tạo chung.

Về ngoại ngữ, các chương trình bồi dưỡng tại Trung tâm chú trọng vào việc rèn luyện kỹ năng của người học, đặc biệt là các kỹ năng mà sinh viên còn yếu như nghe, nói. Bên cạnh đó, Trung tâm còn mở một số lớp bồi dưỡng tiếng Anh giao tiếp cơ bản nhằm tạo môi trường và điều kiện cho sinh viên học và thực hành ngôn ngữ. Đến nay, Trung tâm đã tổ chức được 9 lớp bồi dưỡng ngoại ngữ với 209 sinh viên tham gia trong đó số sinh viên đạt chuẩn đầu ra là 209 sinh viên, chiếm tỷ lệ 100 %. Trung tâm cũng phối hợp với Trường Franklin (Mỹ) để tổ chức 03 lớp bồi dưỡng tiếng Anh miễn phí (trình độ A2 và A1) cho sinh viên và 01 lớp trình độ A2 dành cho cán bộ giảng viên trong trường, với tổng số 93 học viên. Bên cạnh đó, Trung tâm đã triển khai để sử dụng nhiều giáo trình nước ngoài kết hợp các tài liệu của giáo viên để giảng dạy, về cơ bản đã tạo dựng được môi trường học tập đáp ứng yêu cầu cho những sinh viên thực sự yêu thích ngoại ngữ và có nhu cầu.

Đối với môn tin học, Trung tâm đã tổ chức được 15 lớp bồi dưỡng công nghệ thông tin cơ bản với 330 lượt sinh viên tham gia, trong đó số sinh viên đạt chuẩn đầu ra là 330 sinh viên, chiếm tỷ lệ 100 %. Về cơ bản, các bài giảng là sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành với tài liệu, giáo trình giảng dạy của Khoa Công nghệ thông tin giúp sinh viên có sự chuẩn bị kiến thức và kỹ năng tốt hơn cho kiểm tra Chuẩn đầu ra tin học.

Những tồn tại, hạn chế

Số lượng học viên tham dự các khóa đào tạo do Trung tâm tổ chức vẫn còn hạn chế so với tiềm năng, nhiều lớp có sĩ số ít do sinh viên không bố trí được lịch học. Với phương pháp dạy và học trực tuyến kết hợp trực tiếp, giảng viên không kiểm soát được việc học của sinh viên, sự tương tác giữa học viên và giảng viên để giải đáp những vấn đề trực tiếp còn gặp nhiều khó khăn và hiệu quả chưa cao. Chưa mời được những giảng viên có trình độ cao và giáo viên bản ngữ tham gia giảng dạy các lớp học ngoại khóa.

Sinh viên chưa nhận thức được tầm quan trọng về việc phải ôn luyện để nắm chắc kiến thức ngoại ngữ, tin học đáp ứng Chuẩn đầu ra.

Sinh viên có tâm lý thi trượt thì thi lại do lệ phí thi tương đối thấp so với học phí một lần tham gia lớp học ôn (lệ phí dự thi là 120.000 nghìn, học phí lớp ôn tin học là 500.000 nghìn, ngoại ngữ là 600.000 nghìn). Hơn nữa, sinh viên có thể dễ dàng thi lại vì các đợt thi được tổ chức liên tục, như trong năm học 2018 – 2019 Trung tâm đã tổ chức 12 đợt kiểm tra đầu vào và Chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học.

Với phương pháp dạy và học trực tuyến kết hợp trực tiếp đòi hỏi người học phải có khả năng làm việc độc lập, có ý thức tự giác cao độ và phải biết lập kế hoạch phù hợp với bản thân, tự định hướng trong học tập để thực hiện tốt kế hoạch đã đề ra.

Chi phí hiện nay Nhà trường chi trả cho giáo viên dạy ngoài giờ thấp hơn so với mặt bằng chung, do đó khó có thể mời được các giáo viên có trình độ cao và giáo viên bản ngữ tham gia giảng dạy tại Trung tâm.

4.3. Công tác đảm bảo chất lượng

Trong năm qua, kế hoạch đảm bảo chất lượng đã được xây dựng và thực hiện: khảo sát về chất lượng giảng dạy của giảng viên và môn học, lấy ý kiến/thông tin về sinh viên tốt nghiệp, ý kiến của nhà sử dụng lao động về nội dung, chương trình đào tạo; triển khai công tác cải tiến nâng cao chất lượng các hoạt động trong Nhà Trường sau đánh giá ngoài; Nhà trường trở thành thành viên tổ chức kiểm định chất lượng của Hiệp hội các trường đại học Châu Á - AUN QA.

Nhà trường đã ban hành Quy định về ĐBCLGD theo Quyết định số 1493/QĐ-MĐC ngày 25/10/2018 và thành lập Hội đồng ĐBCLGD nhiệm kỳ 2018-2023 theo Quyết định số 582/QĐ-MĐC ngày 10/5/2019.

Phòng ĐBCL đã thực hiện tốt công tác hướng dẫn, tư vấn, tổ chức tự đánh giá 04 CTĐT cho 03 khoa: khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất, khoa Kinh tế & Quản trị Kinh doanh và khoa Cơ -Điện; đã triển khai tốt các công tác phục vụ đánh giá ngoài, kiểm định 04 CTĐT, góp phần vào thành công trong công tác kiểm định chất lượng 04 CTĐT. Kết quả cả 04 CTĐT đều có số tiêu chí đạt từ 86 - 90%, kết quả này đã được Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục thông qua vào tháng 9/2019.

Phòng ĐBCL cũng đã kết hợp cùng các Khoa Mỏ, khoa Trắc Địa Bản đồ và Quản lý đất đai, khoa Dầu Khí, khoa Môi trường, khoa Xây dựng, khoa CNTT bước đầu triển khai công tác tự đánh giá 07 chương trình đào tạo.

Hiện nay Phòng ĐBCL đang triển khai xây dựng kế hoạch đảm bảo chất lượng năm học 2019 - 2020: Kế hoạch cải tiến chất lượng cho 04 CTĐT sau đánh giá ngoài; Kế hoạch tự đánh giá và đánh giá ngoài đối với 07 CTĐT trong năm học 2019 - 2020; Xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục bên trong.

Nhận xét, đánh giá chung

- Công tác đảm bảo chất lượng đã và đang được đẩy mạnh trong năm học vừa qua với nhiều kết quả đáng khích lệ. Cần được đẩy mạnh trong năm học tới.

- Công tác đảm bảo chất lượng cần được quan tâm, triển khai một cách hệ thống và chuyên nghiệp, phục vụ tốt hơn việc kiểm định CTĐT và cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo trong Trường.

- Công tác xây dựng cơ sở dữ liệu ngân hàng câu hỏi đề thi và đáp án tiếp tục được tổ chức thực hiện đối với các học phần khảo thí hệ đào tạo chính quy, theo các hình thức thi khác nhau: trắc nghiệm, tự luận, kết hợp trắc nghiệm và tự luận. Nhà trường tiếp tục sử dụng phần mềm iQBLion để quản lý cơ sở dữ liệu ngân hàng câu hỏi đề thi và đáp án.

- Hiện nay, Nhà trường đã có CSDL NHCH của 285 học phần chiếm 37,3% tổng số các học đang phân đã đăng ký khảo thí. Một số học phần mới của CTĐT 4 năm sẽ được triển khai giảng dạy vào năm học này và năm học tới nên các Bộ môn cần chủ động bổ sung CSDL NHCH cho các học phần mới. Bên cạnh đó, bản thân ngân hàng câu hỏi đề thi - đáp án các học phần đã có nhưng số lượng còn khiêm tốn, lại được sử dụng lặp đi lặp lại qua nhiều đợt thi trong thời gian qua cần được bổ sung, cập nhật kịp thời.

- Công tác khảo thí thời gian qua cho thấy Nhà trường cần đầu tư, phát triển một phần mềm tạo phách mã vạch, nhập điểm và ghép điểm thi kết thúc học phần để làm tăng hiệu quả của hoạt động chấm thi và báo điểm. Sau gần 3 năm thực hiện, đến nay điểm thi được ghép và cập nhật trên hệ thống Edusoft ngay sau khi chấm xong, đã cải thiện thời gian báo điểm, tạo điều kiện cho các công việc chung của Nhà trường và cho việc lập các kế hoạch tiếp theo của sinh viên, đặc biệt là sinh viên năm cuối. Dựa vào tính năng của phần mềm đang sử dụng hiện nay, đã có sự thử nghiệm cải tiến như tăng từ mã phách 4 số sang mã phách 5 số (có thể mở rộng đến 13 số), nhằm thuận lợi hơn trong việc xử lý, quản trị điểm khảo thí các hệ, bậc đào tạo được tốt hơn.

Nguyên nhân của những hạn chế

- Chưa tìm được cách tiếp cận thực sự phù hợp, hiệu quả, bền vững trong công tác tư vấn tuyển sinh đại học và sau đại học.
- Sự phối hợp giữa các phòng ban chức năng trong công tác quản lý đào tạo, quản lý người học, các khoa và bộ môn quản lý chuyên môn còn lỏng lẻo, chưa đồng bộ; Nhà trường còn thiếu một số quy trình quản lý sự phối hợp trên.
- Chưa xây dựng được quy trình quản lý sinh viên linh hoạt, hiệu quả đối với sinh viên đại học của Nhà trường.
- Các khoa chuyên môn và các bộ môn còn gặp nhiều khó khăn trong việc mở mới các CTĐT, đặc biệt các CTĐT chất lượng cao ở bậc đại học và sau đại học.
- Chưa quyết liệt trong việc nâng cao chất lượng học tiếng Anh trong trường nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của sinh viên.
- Chưa quyết liệt trong việc triển khai hình thức đào tạo E-learning trong Nhà trường.
- Việc ứng dụng CNTT trong công tác quản lý đào tạo, khảo thí, kiểm định CTĐT còn thiếu và chưa đồng bộ.
- Chưa xây dựng được hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong của Nhà trường; việc triển khai tự đánh giá 7 CTĐT, cải tiến sau kiểm định trường và 4 CTĐT còn chậm;
- Chưa xây dựng quy trình quản lý đào tạo phục vụ công tác kiểm định theo tiêu chuẩn AUN- QA đối với Chương trình Tiên tiến của Nhà trường.
- Chưa có kế hoạch tổng thể về công tác giáo trình, bài giảng trong toàn trường;
- Một số phòng ban chưa thực sự tham mưu và triển khai có hiệu quả các công việc có liên quan.
- Một số quy định và quy chế nội bộ của Nhà trường chưa khuyến khích động viên được cán bộ giảng viên trong công tác.

5. Công tác sinh viên và hỗ trợ sinh viên

5.1. Công tác sinh viên

- Nhà trường đã triển khai thực hiện tốt các quy chế, quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường về công tác quản lý sinh viên.
- Năm học 2018 - 2019, Nhà trường đã tổ chức Tuần công dân - sinh viên với mục đích nâng cao nhận thức cho sinh viên về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật, các quy định của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường liên quan đến sinh viên như: quy định về miễn giảm học phí, mức thu học phí, học bổng khuyến khích học tập... Nguồn tài liệu học tập Tuần công dân - sinh viên được công bố rộng rãi trên website phòng Công tác chính trị - Sinh viên và gửi qua email cá nhân sinh viên tạo điều kiện cho các em tiếp cận tài liệu một cách nhanh chóng, thuận tiện nhất.
- Trong đợt học tập chính trị đầu khoá, đầu năm học có kiểm tra, đánh giá, viết thu hoạch của từng sinh viên. Kết quả bài thu hoạch có 01 sinh viên đạt loại xuất sắc, 124 sinh viên đạt loại giỏi, 2.263 sinh viên đạt loại khá, 3.739 sinh viên đạt loại trung bình khá, 4.157 sinh viên đạt loại trung bình, 317 sinh viên đạt loại yếu, kém.
- Đề động viên, khuyến khích tinh thần học tập cho các em sinh viên, hàng năm Nhà trường đều tổ chức xét học bổng khuyến khích học tập và khen thưởng cho sinh viên có thành tích tốt trong học tập. Năm học 2018 - 2019, đã trao học bổng khuyến khích học tập cho 1.239 sinh viên đại học, cao đẳng (HKI: 668 sinh viên, HKII: 571 sinh viên) với tổng số tiền 6,6 tỷ đồng; khen thưởng cho 70 sinh viên Xuất sắc (Kỳ I: 38 SV, Kỳ II: 32 SV), 845 sinh viên Giỏi (HKI: 429 SV, HKII: 425 SV) với tổng số tiền 99,4 triệu đồng. Ngoài ra, Nhà trường còn nhận nhiều học bổng tài trợ của các Tập đoàn, Công ty, các tổ chức trong và ngoài nước như: học bổng của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam BIDV (50 triệu đồng), học bổng Kova (40 triệu đồng), học bổng SPE (28 triệu đồng và 7 khóa học tiếng Anh), học bổng của PGS.TS Nguyễn Quang Thắng (30 triệu đồng), học bổng của Cựu sinh viên K32 (50 triệu đồng), học bổng của Cựu sinh viên Khoan khai thác K39 (30 triệu

đồng),... Năm học 2018 - 2019, đã có 74 suất học bổng tài trợ được trao cho sinh viên với số tiền 233 triệu đồng.

- Để tạo điều kiện cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập, phấn đấu đạt được ước mơ của mình, trong năm học 2018 - 2019 Nhà trường đã nghiêm túc thực hiện việc xét miễn giảm học phí học kỳ I cho 215 sinh viên, học kỳ II cho 209 sinh viên theo quy định tại Nghị định 49/2010/NĐ-CP và Nghị định 74/2013/NĐ-CP với tổng kinh phí là 2 tỷ đồng.

- Nhà trường lập kế hoạch hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao năm học theo từng tháng, từng quý phù hợp với kế hoạch đào tạo của Trường. Tổ chức nhiều hoạt động thu hút được sự tham gia của đông đảo sinh viên như: giải bóng chuyền, bóng đá, cầu lông, bóng rổ, Hội diễn văn nghệ, Hội khoẻ 26/3, Ngày hội Sách; tạo điều kiện cho các câu lạc bộ sinh viên tổ chức các buổi sinh hoạt, các hoạt động ngoại khóa nhằm tạo không khí phấn khởi, vui tươi, lành mạnh trong sinh hoạt, học tập của cán bộ viên chức và sinh viên.

- Tổ chức các buổi nói chuyện, tư vấn tâm lý cho sinh viên; qua đó nắm bắt tâm lý sinh viên, tư vấn giúp sinh viên vượt qua những khó khăn trong cuộc sống, học tập; giúp sinh viên có lối sống, thái độ học tập tốt hơn, phòng tránh tệ nạn xã hội,...

- Tổ chức hiệu quả Hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với sinh viên. Hội nghị là cơ hội để sinh viên bày tỏ tâm tư, nguyện vọng, giúp sinh viên giải quyết những vướng mắc trong quá trình học tập tại Trường, từ đó giúp Nhà trường có những điều chỉnh phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Những tồn tại, hạn chế

- Chưa hình thành kênh thu thập thông tin về cựu sinh viên một cách chính thống, bài bản, chủ yếu thông qua mạng xã hội hoặc liên lạc của các cá nhân.

- Học bổng cho sinh viên còn thấp.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu cựu sinh viên còn hạn chế.

- Công tác xét khen thưởng và học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên còn chậm trễ.

5.2. Công tác QHDN và hỗ trợ việc làm sinh viên

5.2.1. Công tác hợp tác doanh nghiệp trong nước

Năm học 2018 - 2019, Nhà trường đã đẩy mạnh các hoạt động về hợp tác trao đổi với các doanh nghiệp trong nước và xúc tiến việc kết nối hợp tác với các tỉnh lân cận. Tại ngày Hội việc làm HUMG 2019, Nhà trường đã tổ chức thành công buổi Toạ đàm “*Trường Đại học Mỏ - Địa chất với công tác đào tạo nguồn nhân lực phục vụ quản lý, khai thác hợp lý tài nguyên và phát triển bền vững kinh tế - xã hội các địa phương*” với sự tham gia của rất nhiều cơ quan và doanh nghiệp trên cả nước. Trong khuôn khổ ngày hội này, Nhà trường đã tiến hành ký kết thảo thuận hợp tác với một số trường Đại học, Cao đẳng và Doanh nghiệp, đó là: Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh, Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam, Công ty TNHH Thế giới Kỹ thuật, Công ty TNHH Hạnh Trần, Công ty cổ phần Thương mại và Phát triển Năng lượng Việt, Công ty cổ phần đầu tư Thương mại và Xây dựng Hải Phong.

Nhà trường đã xây dựng và tổ chức lễ ra mắt Quỹ khuyến học HUMG và vận động tài trợ từ các cơ quan, doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân được trên 500 triệu đồng cho năm đầu tiên thành lập Quỹ.

5.2.2. Công tác tư vấn, hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp và hướng nghiệp, việc làm

- Tổ chức thành công cuộc thi “*Ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp HUMG 2019*” với sự tham gia của 9 khoa chuyên môn và 14 ý tưởng, trong đó có 1 ý tưởng xuất sắc “*Phòng học online Vclassroom*” lọt vào vòng thi cấp quốc gia.

- Triển khai các hoạt động hỗ trợ tìm kiếm việc làm cho sinh viên:

- + Đã liên hệ với 35 doanh nghiệp tìm kiếm được gần 1.300 vị trí việc làm để giới thiệu tới sinh viên và đăng tải trên website vieclam@humg.edu.vn và fanpage Hotrosinhvien Humg.

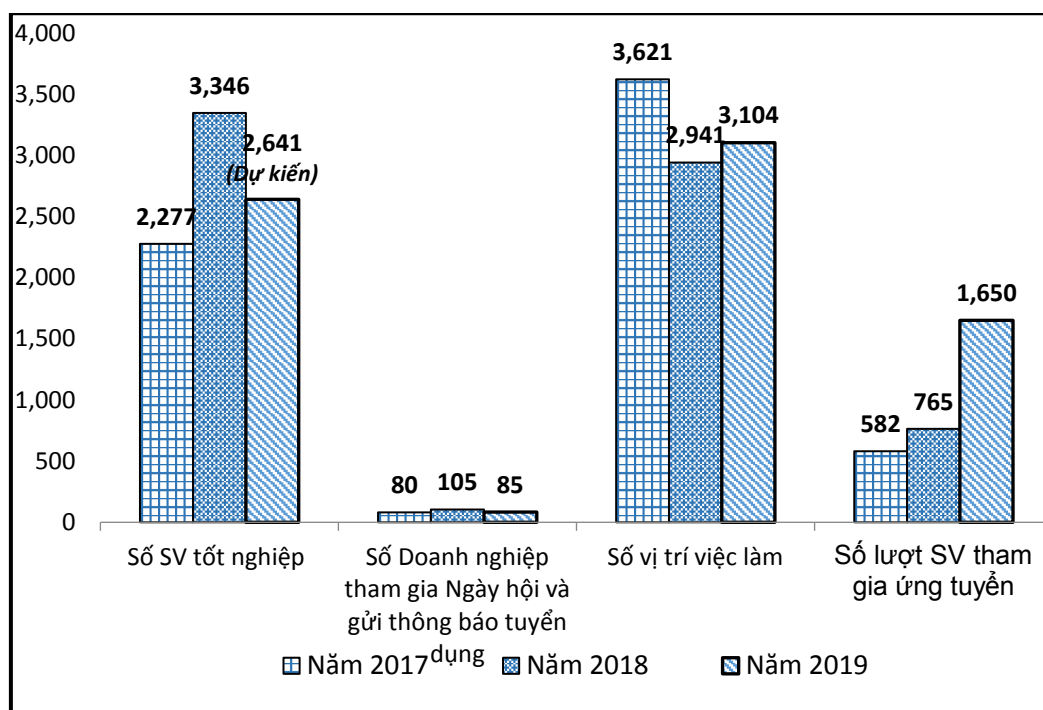
+ Nhà trường đã mời được các doanh nghiệp: Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên môi trường biển, Công ty LG Display Việt Nam, Công ty LG Electronics Việt nam Hải Phòng, Công ty cổ phần Vạn Xuân Vivaxan, Công ty cổ phần Khoáng sản Đông Nam Á về tuyển dụng trực tiếp tại Trường sinh viên tốt nghiệp các ngành Môi trường, Công nghệ thông tin, Cơ khí, Điện, Điện tử, Tự động hóa, Địa chất, Trắc địa, Khai thác mỏ.

- Tổ chức Ngày hội việc làm HUMG 2019:

+ Đã có 67 doanh nghiệp đến tham gia tuyển dụng trực tiếp tại Trường và có 18 doanh nghiệp gửi thông báo tuyển dụng với số lượng vị trí việc làm là 3.820 vị trí. So với 2.461 sinh viên dự kiến tốt nghiệp năm 2019, số vị trí việc làm năm nay đáp ứng tới 145% nhu cầu về việc làm cho sinh viên tốt nghiệp (Hình 3).

Bảng 22. Nhu cầu tuyển dụng theo ngành tại các Ngày hội việc làm năm 2017, 2018 và 2019

TT	Ngành tuyển	Ngày hội VL 2017		Ngày hội VL 2018		Ngày hội VL 2019	
		Số SVTN	Nhu cầu tuyển dụng	Số SVTN	Nhu cầu tuyển dụng	Số SVTN (Dự kiến)	Nhu cầu tuyển dụng
1	Kỹ thuật dầu khí	203	8	223	20	205	17
2	Kỹ thuật địa vật lý	50	11	55	19	38	7
3	Công nghệ kỹ thuật hoá học	104		184	2	90	2
4	Kỹ thuật địa chất	246	23	409	43	258	77
5	Kỹ thuật trắc địa – bản đồ	278	100	516	175	306	341
6	Kỹ thuật mỏ	231	19	283	32	200	33
7	Kỹ thuật tuyển khoáng	58	7	88	5	130	8
8	Công nghệ thông tin	139	221	260	1.044	270	354
9	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	146	19	125	233	100	93
10	Kỹ thuật điện, điện tử	120	96	185	356	180	237
11	Kỹ thuật cơ khí	36	30	76	155	60	74
12	Kỹ thuật công trình xây dựng	166	173	335	133	225	141
13	Kỹ thuật môi trường	102	16	159	26	230	105
14	Quản trị kinh doanh	120	191	83	118	192	310
15	Kế toán	278	27	365	28	157	89
16	Nhân viên kinh doanh, marketing, hành chính (tốt nghiệp Cao đẳng các ngành)		153		916		395
17	Nhân viên kỹ thuật (tốt nghiệp Cao đẳng các ngành kỹ thuật)		2.127		284		800
18	Kỹ sư làm việc tại Nhật Bản (tốt nghiệp các ngành: CNTT, Điện, Điện tử, Cơ khí, Tự động hoá Xây dựng, QTKD, Khai thác, Tuyển khoáng, Dầu khí...)		400		300		1.017
19	Part-Time				95		20
Tổng cộng		2.277	3.621	3.346	2.941	2.641	3.104



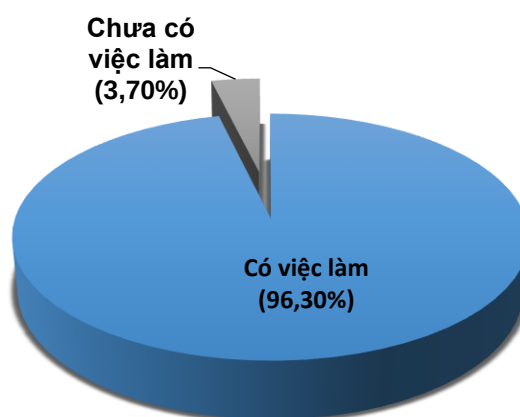
Hình 3. Tình hình tuyển dụng tại các Ngày hội việc làm năm 2017, 2018 và 2019

Với tinh thần tăng cường công tác xã hội hoá trong công tác tổ chức ngày hội, Ban Tổ chức đã tích cực liên hệ vận động các doanh nghiệp đóng góp, tài trợ cho công tác tổ chức của Nhà trường và số tiền tài trợ và đóng góp từ các doanh nghiệp lên tới 143 triệu đồng, như vậy Nhà trường đã xã hội hoá được 63% tổng số kinh phí tổ chức Ngày hội việc làm 2019.

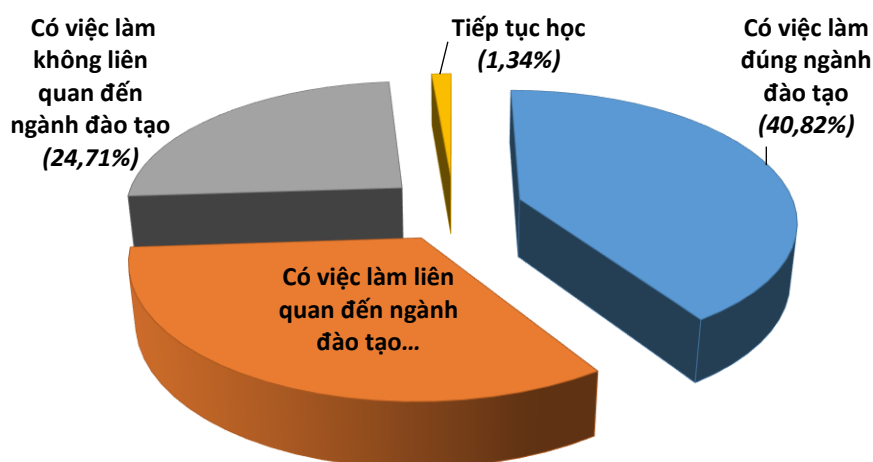
- Về tình hình khảo sát việc làm sinh viên tốt nghiệp (SVTN) :

+ Năm 2017, Trường Đại học Mở - Địa chất có 2.277 sinh viên tốt nghiệp (SVTN). Số SVTN được khảo sát có phản hồi là 2.160 sinh viên (đạt 94,86%) Trường Đại học Mở - Địa chất tỷ lệ có việc làm rất cao (Hình 4) tuy nhiên tỷ lệ SVTN có việc làm đúng với ngành đào tạo không cao (Hình 5).

+ Năm 2018, Nhà trường có 3.391 SVTN. Về việc làm của số SVTN này đang được Nhà trường khảo sát, kết quả sẽ được tổng kết và báo cáo vào tháng 12/2019.



Hình 4. Tỷ lệ sinh viên có việc làm/tổng số sinh viên tốt nghiệp được khảo sát có phản hồi



Hình 5. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm và ngành đào tạo

Hạn chế và nguyên nhân

- Ngày hội việc làm cũng như một số hoạt động khác dành cho sinh viên trong những năm gần đây rất khó thu hút được nhiều sinh viên tham gia. Việc làm là vấn đề quan trọng nhất đối với sinh viên tốt nghiệp nhưng cũng nhận được ít sự quan tâm của sinh viên.

- Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm khá cao nhưng làm đúng chuyên ngành còn thấp, có thể do người lao động hiện nay có nhiều sự lựa chọn hơn và một số ngành liên quan đến Nhà trường đào tạo hiện nay không còn hấp dẫn do môi trường và điều kiện làm việc.

- Hoạt động khởi nghiệp mới chỉ dừng lại ở các cuộc thi, phát triển các ý tưởng; chưa có ý tưởng nào được triển khai thành dự án và đưa vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh.

- Chưa thực sự chú trọng vào việc tăng cường, mở rộng và phát triển mối quan hệ với các địa phương và doanh nghiệp để triển khai các đề tài, dự án để mở rộng cung cấp nguồn nhân lực, tìm kiếm việc làm cho cán bộ và sinh viên trong Trường.

- Chưa thu hút được doanh nghiệp cùng đồng hành với Nhà trường trong quá trình đào tạo và nghiên cứu khoa học.

- Chưa xây dựng được cơ sở dữ liệu về cựu sinh viên và doanh nghiệp.

6. Công tác khoa học - công nghệ và hợp tác quốc tế

6.1. Hoạt động nghiên cứu khoa học

6.1.1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Năm 2019, Trường Đại học Mở - Địa chất thực hiện:

- Tiếp tục thực hiện 14 nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước, trong đó gồm 03 đề tài thuộc chương trình trọng điểm cấp Quốc gia, 10 đề tài NCCB trong KHTN, 01 nhiệm vụ hợp tác NCKH theo Nghị định thư Việt - Đức (với kinh phí được duyệt năm 2019 là 14.624 triệu đồng); 04 đề tài mới được giao năm 2019 với tổng kinh phí được cấp là 4.491 triệu đồng.

- 27 nhiệm vụ KHCN cấp Bộ, gồm: 06 đề tài, nhiệm vụ chuyển tiếp và 21 đề tài mới được giao năm 2019 với tổng kinh phí được cấp 6.275 triệu đồng.

- Về kết quả thực hiện, đã có 23 đề tài, nhiệm vụ được nghiệm thu cấp Bộ, Tỉnh (05 đề tài đạt loại xuất sắc, 04 đề tài đạt loại tốt, 01 đề tài đạt loại khá và 12 đề tài xếp loại đạt).

- Nhiệm vụ NCKH cấp cơ sở đã được Nhà trường đổi mới từ công tác xét duyệt đến tổ chức Hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả nghiên cứu. Theo đó, chất lượng các đề tài NCKH cấp cơ sở đã được nâng lên rõ rệt. Hầu hết các đề tài này được giao cho cán bộ trẻ, học viên cao học chủ trì thực hiện. Tất cả các đề tài đều thực hiện đúng tiến độ và nghiệm thu, thanh quyết toán theo quy

định của Nhà nước. Trong năm học 2018 - 2019 đã có 35 đề tài cấp cơ sở được nghiệm thu theo đúng quy định của Nhà trường.

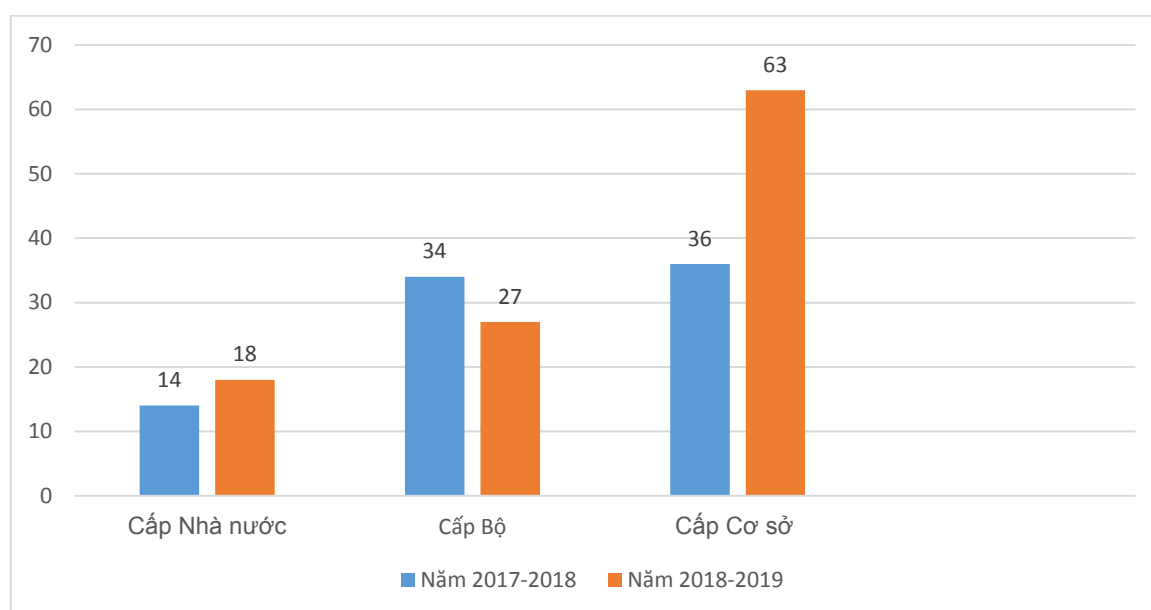
Năm học 2018 - 2019, có 63 đề tài NCKH cấp cơ sở được triển khai thực hiện với tổng kinh phí 1.688 triệu đồng.

- Năm 2018, đã công bố 77 bài báo khoa học thuộc danh mục ISI được Bộ Giáo dục và Đào tạo hỗ trợ 277 triệu đồng.

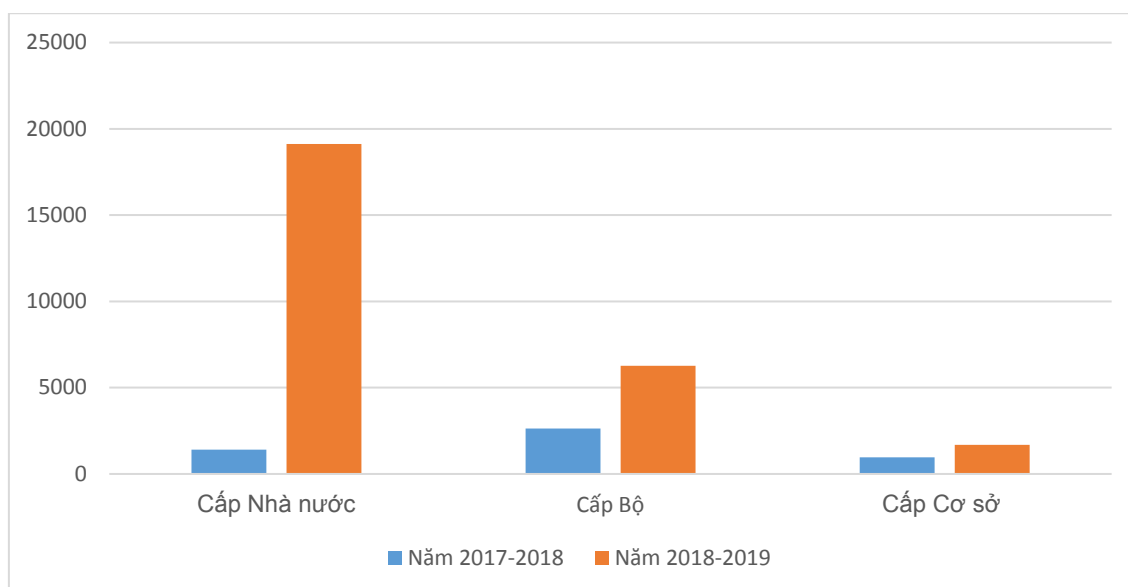
- Bên cạnh việc thực hiện đề tài NCKH các cấp, sinh hoạt học thuật cho các cán bộ giảng dạy đã triển khai rộng rãi tại các bộ môn, các khoa.

*Bảng 23. Số lượng và kinh phí KHCN các cấp
(số liệu cập nhật đến ngày 30/9/2019)*

Nội dung	Năm 2017- 2018		Năm 2018-2019	
	Số lượng	Kinh phí (triệu đồng)	Số lượng	Kinh phí (triệu đồng)
Nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước	14	1.404	18	19.115
Đề tài KHCN cấp Bộ	34	2.628	27	6.275
Đề tài NCKH cấp cơ sở	36	953,5	63	1.688



Hình 6. Số lượng đề tài các cấp năm 2017-2018 và năm 2018-2019



Hình 7. Số kinh phí thực hiện đề tài các cấp năm 2018 và năm 2019

Bảng 24. Thống kê công tác NCKH theo các khoa năm 2019

Đơn vị	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ	Đề tài cấp cơ sở
Khoa Công nghệ thông tin	2	5	4
Khoa Cơ - Điện	1	3	4
Khoa Dầu khí	5	2	5
Khoa Khoa học cơ bản	2	4	7
Khoa KH&KTĐC	3	6	7
Khoa Kinh tế & QTKD			7
Khoa Mỏ	2	2	10
Khoa Môi trường	1		5
Khoa Lý luận chính trị			
Khoa Trắc địa - Bản đồ & QLĐĐ	1		10
Khoa Xây dựng	1	5	3
Khoa Giáo dục quốc phòng			
Khối Hiệu bộ	0	0	1
Tổng	18	27	63

Đánh giá chung

Nhiệm vụ KHCN các cấp được giao trong năm 2019 tăng so với năm 2018, với tổng kinh phí thực hiện lớn tập trung vào một số đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ. Các đề tài đã triển khai thực hiện ngay sau khi được phê duyệt. Nhà trường thường xuyên đôn đốc để các chủ nhiệm đề tài khắc phục mọi khó khăn, đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành khối lượng nhiệm vụ đặt ra theo đề cương đã được phê duyệt

Những tồn tại, hạn chế

Nguồn kinh phí thực hiện đề tài cấp Nhà nước và cấp Bộ còn chậm, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện đề tài.

6.1.2. Công tác thông tin khoa học

Năm học 2018 - 2019, Nhà trường tổ chức thành công Hội nghị Khoa học toàn quốc. Đã tổ chức 02 hội thảo quốc tế, 02 Hội thảo khoa học trong nước. Kết quả của các đề tài đã được công bố trên tạp chí quốc tế và trong nước (Bảng 25) trong đó có 142 bài (trong đó với 86 bài trong danh mục ISI), tăng 82 bài so với năm 2017. Các bài báo chủ yếu tập trung ở một số khoa: Xây dựng, Khoa học cơ bản, Công nghệ thông tin, Dầu khí, Khoa học và Kỹ thuật địa chất, Mỏ. Thông qua hội

thảo, các nhà khoa học, các nhà quản lý, các cán bộ, đặc biệt là cán bộ trẻ của Nhà trường có thêm nhiều cơ hội tiếp xúc giao lưu với các nhà khoa học trong và ngoài nước để học hỏi, trao đổi chuyên môn, ngoại ngữ và kinh nghiệm trong NCKH và quản lý; đồng thời góp phần trao đổi, hợp tác quốc tế về KHCN cũng như đào tạo sau đại học.

Bảng 25. Hội thảo và công bố khoa học năm học 2017 - 2018 và 2018 - 2019

Hội thảo	Năm học 2017 - 2018	Năm học 2018 - 2019
Hội nghị, hội thảo quốc tế	5	2
Hội nghị, hội thảo trong nước	3	4
Báo cáo khoa học	278	449
Bài báo đăng trên Tạp chí quốc tế	71	142
Bài báo đăng trên Tạp chí trong nước	159	240

Công tác thông tin khoa học của Nhà trường năm học 2018 - 2019 thống kê cụ thể trong Bảng 26. Nhìn chung, số lượng công bố quốc tế và trong nước đều tăng so với năm học trước.

Bảng 26. Thống kê công tác thông tin khoa học theo khoa năm học 2018 - 2019

TT	Khoa	Bài báo		Báo cáo khoa học
		Tạp chí Quốc tế	Tạp chí trong nước	
1	Khoa Công nghệ thông tin	16	5	16
2	Khoa Cơ - Điện	2	20	25
3	Khoa Dầu khí	14	19	27
4	Khoa Mô	12	20	54
5	Khoa Môi trường	5	12	53
6	Khoa Kinh tế & QTKD	2	27	40
7	Khoa Lý luận chính trị	1	3	22
8	Khoa Giáo dục quốc phòng	0	6	8
9	Khoa khoa học cơ bản	16	40	30
10	Khoa Trắc địa-Bản đồ & QLDD	7	31	55
11	Khoa Xây dựng	50	17	66
12	Khoa KH&KTĐC	17	40	53
Tổng		142	240	449

6.1.3. Xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ

Trường Đại học Mở - Địa chất được nhà nước đầu tư 08 phòng thí nghiệm tăng cường năng lực nghiên cứu, hoạt động của các PTN vẫn chủ yếu phục vụ cho sinh viên thực tập, chưa đạt được hiệu quả như mong muốn, việc sử dụng các phòng thí nghiệm cho NCKH còn hạn chế, chưa đáp ứng đúng mục tiêu đầu tư nhằm phục vụ NCKH và đào tạo nhân lực có trình độ cao (NCS, học viên cao học). Một số trang thiết bị xuống cấp, các linh kiện đi kèm chưa được bổ sung, cơ sở hạ tầng chưa bảo đảm nên khả năng phục vụ nghiên cứu khoa học của các PTN này còn hạn chế.

Trung tâm Thí nghiệm và Phân tích công nghệ cao của Nhà trường là một đơn vị hoạt động trực thuộc Ban Giám hiệu. Trung tâm đã kiện toàn công tác tổ chức, nhân sự và chính thức đi vào hoạt động. Trung tâm tiếp tục xây dựng quy chuẩn phòng thí nghiệm, quy chế hoạt động và triển khai vận hành thiết bị thí nghiệm, phối hợp với các đề tài, hợp đồng nghiên cứu thực hiện các phân tích, thí nghiệm công nghệ cao, công bố các bài báo trên những tạp chí khoa học có uy tín. Nhà trường sẽ thí điểm cho phép Trung tâm trở thành đơn vị tự chủ về tài chính và hoạt động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

Công tác phát triển đội ngũ nhà khoa học cũng được quan tâm, có chính sách ưu tiên cán bộ trẻ tham gia thực hiện các đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, tính chủ động, tích cực của một bộ phận cán bộ còn chưa cao.

6.1.4. Công tác nghiên cứu khoa học và thi Olympic của sinh viên

Hoạt động NCKH và thi Olympic của sinh viên đã được Nhà trường quan tâm đúng mức. Đây là điều kiện để các em sinh viên thể hiện kết quả học tập, khả năng, định hướng nghiên cứu khoa học và là cơ hội trau dồi kiến thức hơn nữa. Năm học 2018 - 2019, Hội nghị khoa học sinh viên toàn Trường diễn ra với 182 đề tài được nghiệm thu và báo cáo với 773 sinh viên tham gia thực hiện tại 24 tiểu ban. Hội nghị đã lựa chọn được 36 đề tài đạt chất lượng trong đó có 24 đề tài đạt giải Nhất, 09 đề tài đạt giải Nhì và 03 đề tài đạt giải Ba; chọn ra những đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên xuất sắc nhất tham gia báo cáo điển hình tại phiên toàn thể Hội nghị khoa học sinh viên lần thứ 32.

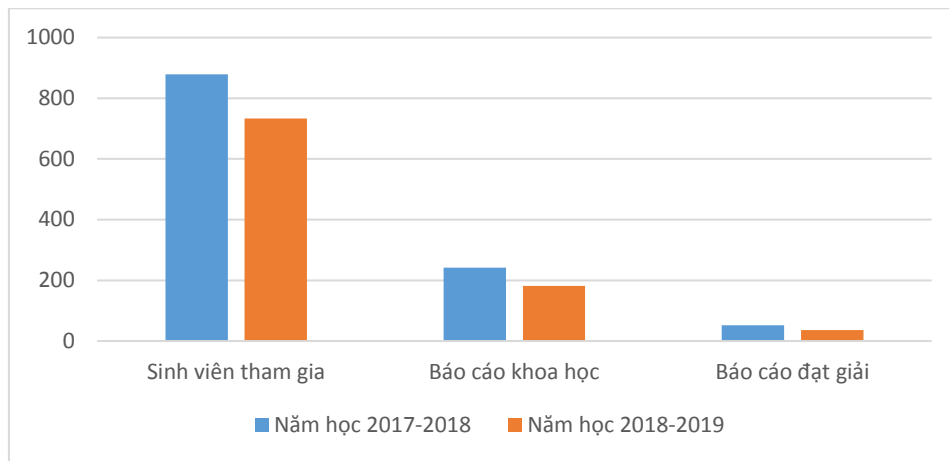
Trong kế hoạch triển khai hoạt động NCKH của sinh viên năm học 2018 - 2019, bên cạnh nguồn kinh phí của Nhà trường, Khoa chuyên môn như các năm trước đây, Công ty dầu khí Rosneft cũng đã tài trợ khoản kinh phí 6.000 USD cho 05 đề tài NCKH sinh viên có tiềm năng trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động dầu khí.

Bên cạnh đó, phong trào thi Olympic các môn Đại số, Giải tích, Tin học, Vật lý, Hóa học, Sức bền vật liệu, các môn Cơ học, Tiếng Anh, Khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành hoạt động thường xuyên trong Nhà trường. Trong năm học 2018 - 2019 kỳ thi được tổ chức với 382 thí sinh dự thi (tăng 16,1% so với năm học trước), có 119 em đạt giải cấp Trường (tăng 5,3% so với năm học trước).

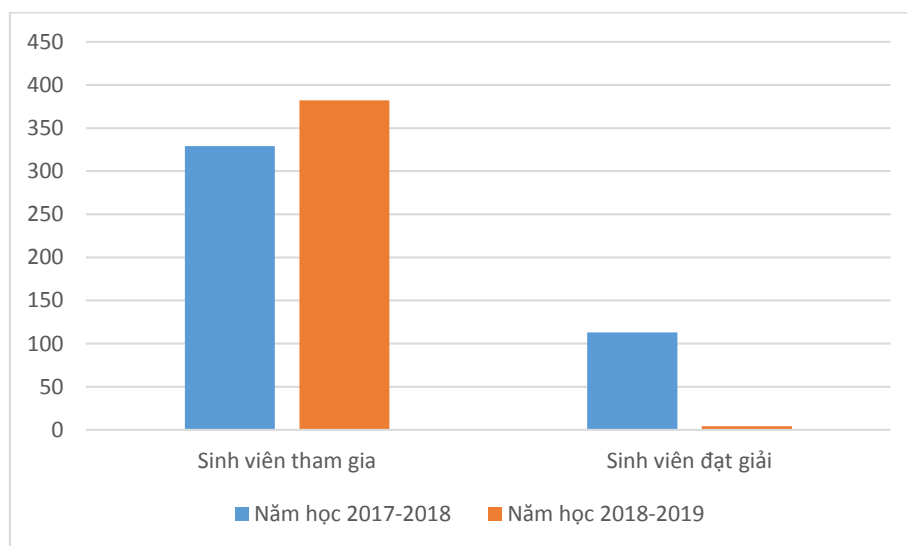
Sau mỗi kỳ thi cấp Trường, các đội tuyển được thành lập, huấn luyện và tham dự thi Olympic quốc gia ở các môn Toán, Vật lý và các môn cơ học. Kết quả có 18 thí sinh đạt giải quốc gia (giảm 13,6% so với năm học trước, trong đó có: 3 giải nhất, 4 giải nhì, 2 giải ba và 9 giải khuyến khích).

Bảng 27. Kết quả công tác NCKH và thi Olympic sinh viên năm học 2017 - 2018 và 2018 - 2019

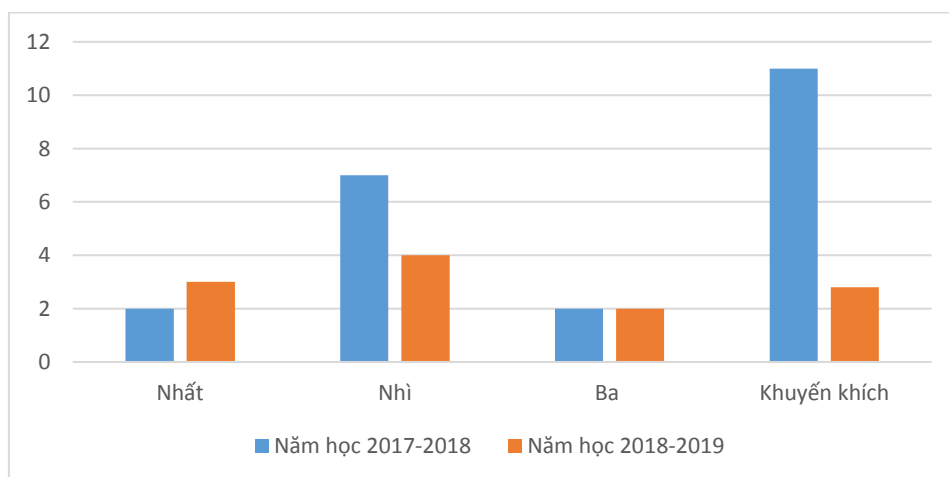
Nội dung	Năm học 2017 - 2018	Năm học 2018 - 2019	Tăng/giảm (%)
1. Hội nghị Khoa học sinh viên			
- Số lượng sinh viên tham gia	879	733	- 14,6%
- Số lượng báo cáo khoa học	242	182	- 24,8%
- Số báo cáo đạt giải	52	36	- 30,8%
2. Thi Olympic cấp Trường			
- Số sinh viên tham gia	329	382	+ 16,1%
- Số sinh viên đạt giải	113	119	+ 5,3%
3. Thi Olympic Quốc gia			
- Số sinh viên tham gia	58	35	- 39,7%
- Số sinh viên đạt giải	22	18	- 13,6%
+ Nhất	2	3	+ 50%
+ Nhì	7	4	- 42,9%
+ Ba	2	2	0%
+ Khuyến khích	11	9	- 18,2%



Hình 8. Kết quả hoạt động sinh viên NCKH



Hình 9. Kết quả thi Olympic cấp trường



Hình 10. Kết quả thi Olympic Quốc gia

Nhìn chung, công tác NCKH sinh viên trong năm học qua luôn nhận được sự tham gia nhiệt tình của sinh viên trong toàn Trường. Số báo cáo đạt giải tại HNKH sinh viên và sinh viên thi Olympic quốc gia đạt giải đều tăng (trong đó có 2 giải Nhất) tuy số sinh viên tham gia có giảm.

Điều đó cho thấy các hoạt động thu hút sinh viên tham gia NCKH được Nhà trường quan tâm hơn và bước đầu phát huy hiệu quả, đặc biệt là đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy, hướng dẫn sinh viên; chất lượng sinh viên tham gia cũng ngày càng được nâng cao.

6.1.5. Công tác quản lý khoa học

Công tác tổ chức quản lý hoạt động khoa học và công nghệ luôn được nhà trường quan tâm, đầu tư phát triển. Nhà trường đã thực hiện tốt việc xây dựng kế hoạch hoạt động KHCN, bám sát mục tiêu, định hướng chiến lược của Nhà trường trong hoạt động KHCN.

Nhà trường đã ra quyết định thành lập Quỹ tài năng KHCN HUMG; xây dựng và ban hành quy chế hoạt động của Quỹ, tổ chức đánh giá, xét chọn các nhà khoa học tiêu biểu để trao tặng giải thưởng KHCN HUMG.

Nhà trường đã đưa vào sử dụng phần mềm quản lý khoa học (tại địa chỉ: <http://qlkh.humg.edu.vn>) cho phép quản lý hiệu quả các công trình khoa học của các đơn vị, cá nhân trong toàn trường và giúp đơn giản hóa việc thống kê, tính khối lượng giờ khoa học công nghệ hàng năm và là cơ sở quan trọng để đánh giá đúng tiềm lực khoa học công nghệ của Nhà trường.

Hàng năm, Nhà trường đều tiến hành Hội nghị tổng kết công tác Khoa học Công nghệ nhằm đánh giá những kết quả đạt được trong năm trước và đề ra kế hoạch, phương hướng, nhiệm vụ trong năm tới.

6.2. Hoạt động NCKH - chuyển giao công nghệ

Hoạt động NCKH - chuyển giao công nghệ của Nhà trường trong năm học qua vẫn đang là thế mạnh của Trường. Hoạt động NCKH - chuyển giao công nghệ được chia làm hai hình thức, đó là ký trực tiếp về Trường (phòng Khoa học Công nghệ quản lý) và ký về các Trung tâm, Công ty Codeco.

Bảng 28. Hoạt động NCKH - Chuyển giao công nghệ - Phục vụ sản xuất

Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Tăng/giảm (%)
Tổng số hợp đồng đã ký kết và thực hiện	840 hợp đồng	889 hợp đồng	7,11
Tổng doanh thu theo hợp đồng (tỷ đồng)	189.349	262.242	22,65
Đóng góp cho Trường (tỷ đồng)	2.847	3.483	22,34
Nộp thuế (tỷ đồng)	14.439	15.816	9,54

Năm học 2018 - 2019, hoạt động của các Trung tâm, Công ty của Trường vẫn tiếp tục khẳng định tốt vai trò làm chủ trong công tác NCKH triển khai công nghệ và đào tạo, bằng sự nỗ lực các đơn vị này vẫn giữ vững và đạt được kết quả khả quan, khẳng định được vai trò và vị trí của các đơn vị và Nhà trường đối với xã hội góp phần vào thành tích chung trong hoạt động NCKH, thiết thực cùng các Khoa nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời đóng góp một phần kinh phí không nhỏ cho hoạt động chung của Nhà trường

Thông qua các hoạt động chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất, đội ngũ cán bộ khoa học của Nhà trường nâng cao trình độ chuyên môn, kiến thức thực tế, Nhà trường có thêm nhiều địa bàn cho sinh viên thực tập.

6.3. Công tác hợp tác quốc tế

Năm học 2018 - 2019, tiếp tục thực hiện mục tiêu và giải pháp chiến lược HTQT đến năm 2020, công tác HTQT của Trường Đại học Mở - Địa chất liên tục được mở rộng, phát triển và đạt được những kết quả như sau:

6.3.1. Về công tác đoàn ra, đoàn vào

- Về đoàn ra: Năm học 2018 - 2019, cử 9 đoàn ra đi công tác tại Đài Loan, Trung Quốc, Nga, Hungary, Pháp, Thái Lan trong khuôn khổ các chương trình hợp tác đang triển khai bao gồm: các dự án Erasmus+ Capacity Building, đoàn công tác của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, các chương trình liên kết hợp tác với các trường đối tác nước ngoài.

- Về đoàn vào: Trong năm học vừa qua, Nhà trường đã tổ chức đón tiếp các đoàn khách quốc tế đến thăm và làm việc với tổng số đoàn là 38 đoàn đến từ các nước: Nhật Bản, Phần Lan, Nga, Na Uy, Ba Lan, Đài Loan, Pháp, Nga, Mỹ, Hàn Quốc, Trung Quốc,... tham gia các chương trình trao đổi học thuật, hội thảo và khóa học ngắn hạn, giao lưu và tăng cường trao đổi hợp tác về nghiên cứu khoa học và đào tạo đại học, sau đại học.

Những hạn chế, tồn tại

- Một số khoa chuyên môn chưa thực hiện tốt việc lập kế hoạch và dự toán kinh phí cho đoàn ra, đoàn vào trong cả năm của đơn vị mình, không thực hiện nộp báo cáo kết quả làm việc của các chuyên đi công tác và tiếp đón khách nước ngoài. Vì vậy, việc quản lý và đánh giá hiệu quả đoàn ra, đoàn vào còn khó khăn và chưa chủ động.

- Số lượng cán bộ chuyên trách HTQT quá mỏng so với số lượng các chương trình đang triển khai, gây khó khăn cho việc triển khai và thực hiện các chương trình, quá tải công việc.

6.3.2. Hợp tác quốc tế về đào tạo

a) Về đào tạo sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh

- Thực hiện chương trình tiến tiến, đào tạo hệ đại học ngành Kỹ thuật hóa học với trường đối tác Trường Đại học California Davis (UC Davis), California, Mỹ, hiện đang có 163 sinh viên theo học. Năm 2019, tuyển được 18 sinh viên.

- Phối hợp với các đơn vị chức năng quản lý lưu học sinh nước ngoài đang học tập tại trường, bao gồm lưu học sinh Lào, Mông Cổ, Campuchia và Trung Quốc học chính quy, sinh viên trao đổi đến từ Ba Lan, Pháp, Mỹ.

- Tiếp nhận chương trình tài trợ học bổng của Hiệp hội Dầu khí SPE Việt Nam cho sinh viên, chương trình tài trợ hệ thống thiết bị phục vụ nghiên cứu khoa học sinh viên trường ĐH Mỏ - Địa chất của công ty Rosneft Viet Nam và nhiều chương trình học bổng dành cho cán bộ, sinh viên Nhà trường.

- Nhà trường tích cực đẩy mạnh công tác hợp tác quốc tế trong đào tạo bằng việc tham gia các dự án nhằm xây dựng, cải tiến, hiện đại hóa chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn tiên tiến của châu Âu. Cụ thể là 02 dự án Erasmus+ Capacity Building do EU tài trợ đang được thực hiện là dự án MINERAL “Hiện đại hóa Chương trình Thạc sỹ Địa chất theo định hướng địa chất dầu khí” và dự án ESSENCE “Xây dựng chương trình thạc sỹ ngành hệ thống năng lượng thông minh” nhằm phát triển chương trình Thạc sỹ Kỹ thuật điện hiện có của trường.

- Đẩy mạnh việc kết nối, đề xuất tài trợ nhằm hỗ trợ cho các chương trình trao đổi nghiên cứu và học thuật, cụ thể là dự án tài trợ 30.000 Euro của vùng Auvergne-Rhone-Alpes (CH Pháp) cho chương trình hợp tác giữa Trường Đại học Mỏ - Địa chất và Trường Đại học Mỏ Saint Etienne giai đoạn 2018-2021, và tài trợ 18.000 Euro cho dự án hợp tác giữa Trường Đại học Mỏ - Địa chất và nhóm các Trường Đại học Bách Khoa Pháp (Polytech Group).

b) Về hợp tác trao đổi giảng viên, sinh viên

Nhà trường luôn quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi giảng viên, chuyên gia, tình nguyện viên, trong đó chương trình Erasmus+ và các chương trình trại hè quốc tế hiện đang thực hiện rất hiệu quả và được sinh viên tham gia tích cực. Nhà trường đã cử 10 giảng viên và sinh viên tham gia chương trình Erasmus+ tại Ba Lan, 05 sinh viên tham gia trại hè tại Trung Quốc; 2 sinh viên tham gia trao đổi tại Na Uy theo dự án NORPART, 5 sinh viên đi thực tế mô tại Trung Quốc, đón 7 sinh viên Pháp đến thực tập, 10 sinh viên Mỹ đến tham gia khóa học ngắn hạn và 02 nghiên cứu sinh Ba Lan đến học tập theo diện trao đổi.

c) Về khóa học ngắn hạn

Năm học 2018 - 2019, Nhà trường phối hợp với các trường Đại học Mỹ, Đức tổ chức các khóa học ngắn hạn cho giảng viên và sinh viên:

- Khóa học ngắn hạn về Quản lý Tài nguyên nước do giáo sư Trường đại học Miami (Mỹ) sang giảng dạy.

- Khóa học ngắn hạn về Khai thác Mỏ và hoàn nguyên môi trường mỏ do Trường Đại học Mỏ - Địa chất phối hợp với DAAD và Đại học Kỹ thuật Bergakademie Freiberg, Đức tổ chức (từ ngày 18/10/2018 đến 28/12/2018).

Các khóa học này là cơ hội để giảng viên và sinh viên trong Trường giao lưu, trao đổi kiến thức, kỹ năng học tập và làm việc, nâng cao hiểu biết, trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Đây cũng là cơ hội để các cán bộ trẻ được tiếp xúc, học hỏi và tìm kiếm cơ hội đi học tập các chuyên ngành phù hợp ở các trường, cơ sở nghiên cứu chất lượng cao ở nước ngoài.

Những tồn tại, hạn chế

Trình độ Ngoại ngữ của sinh viên chưa đồng đều dẫn đến khó khăn trong việc tham gia các khóa học ngắn hạn quốc tế.

6.3.3. Hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ

- Tổ chức Hội thảo quốc tế “*The Second International Seminar on Recent Advances in Civil Engineering*” ngày 25/9/2018 với sự tham gia của các nhà khoa học Nhật Bản và Thái Lan.

- Hội thảo quốc tế Quản lý kinh tế trong hoạt động khoáng sản EMMA tổ chức từ ngày 19/11/2018 đến ngày 20/11/2018.

- Ngoài ra, Nhà trường và các khoa chuyên môn tích cực, chủ động phối hợp với các đơn vị trong và ngoài nước tổ chức các Hội nghị, Hội thảo khoa học quốc tế nhằm tạo điều kiện cho các cán bộ nghiên cứu khoa học của Trường có điều kiện tiếp xúc, trao đổi kinh nghiệm đồng thời nâng cao vị thế và uy tín của Nhà trường.

6.3.4. Hợp tác quốc tế về xây dựng cơ sở vật chất

- Năm học 2018- 2019, Nhà trường đã được một số đơn vị nước ngoài tài trợ phần mềm và trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, có thể nhận thấy có sự không đồng đều trong hoạt động hợp tác quốc tế để xây dựng cơ sở vật chất giữa các Khoa. Một số Khoa trong nhiều năm qua hầu như không có những hoạt động hợp tác quốc tế hiệu quả để xây dựng tiềm lực cho Khoa.

- Năm 2018, Nhà trường đã nhận được tài trợ thiết bị thí nghiệm từ Trường Đại học Mỏ St Etienne gồm nồi hấp áp suất cao, các thiết bị phụ trợ gồm máy khuấy thích hợp cho nồi hấp, cảm biến nhiệt độ, cảm biến áp suất và hệ thống điện và điện tử; trang bị hệ thống phòng học trực tuyến và các thiết bị phụ trợ đi kèm từ nguồn tài trợ dự án ERASMUS+ MINERAL; hệ thống phòng thí nghiệm lọc hóa dầu do Công ty Rosneft tài trợ.

6.3.5. Công tác quản lý hoạt động hợp tác quốc tế

Hàng năm, Nhà trường đều triển khai xây dựng kế hoạch hợp tác quốc tế của các đơn vị và của toàn trường. Nhìn chung, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn nhưng công tác HTQT của Nhà trường trong năm học 2018 - 2019 đã có nhiều đổi mới và phát triển so với những năm học trước. Nhà trường tiếp tục duy trì các chương trình hợp tác, đã triển khai và tích cực, chủ động tìm kiếm các đối tác cũng như chương trình hợp tác mới, đặc biệt là các dự án về tăng cường năng lực.

7. Công tác tổ chức, xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ

7.1. Công tác tổ chức bộ máy, quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo

Trên cơ sở Chiến lược phát triển Trường, Nhà trường chú trọng đến việc xây dựng bộ máy và nhân sự của từng giai đoạn (2015 - 2020, 2020 - 2025), từ đó đề ra kế hoạch quy hoạch, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng từng chức danh CBVC hàng năm cho phù hợp với định hướng phát triển Trường.

7.1.1. Công tác tổ chức bộ máy

Để triển khai tổ chức, bộ máy thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, Ngày 26/3/2019, Nhà trường đã ban hành Quyết định số 269/QĐ-MĐC ban hành Quy định Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã tái cơ cấu lại tổ chức theo hướng tinh giản, gọn nhẹ, hiệu quả:

Cơ cấu tổ chức hiện tại của Trường gồm:

- Hội đồng trường;
- Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng;

- Các phòng ban chức năng;
 - Các đơn vị đào tạo (khoa) trực thuộc Trường;
 - Các trung tâm nghiên cứu, ứng dụng, dịch vụ;
 - Hội đồng Khoa học và Đào tạo;
 - Hội đồng tư vấn liên ngành.
- Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Trường được thành lập và hoạt động theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội trong Trường được thành lập và hoạt động theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và điều lệ của các tổ chức, đoàn thể xã hội;

Cơ cấu tổ chức của Nhà trường thực hiện ở 03 cấp: Trường, khoa, bộ môn. Hiện nay Nhà trường có 12 khoa trong đó có 09 khoa chuyên môn và 03 khoa Khoa học cơ bản, khoa Lý luận chính trị và khoa Giáo dục Quốc phòng với 59 bộ môn; 12 phòng và 08 trung tâm trực thuộc trường, 01 văn phòng đại diện.

7.1.2. Công tác quy hoạch cán bộ, lãnh đạo quản lý, tuyển dụng cán bộ

Tháng 4/2019, Nhà trường tổ chức rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2018 - 2023.

Công tác quy hoạch, phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường được thực hiện một cách nghiêm túc, có chọn lọc nên đội ngũ cán bộ quản lý của Trường đảm bảo về số lượng, có phẩm chất đạo đức tốt, nhiệt tình, tâm huyết và trách nhiệm với công việc. Đội ngũ cán bộ quản lý của Trường được bổ nhiệm theo tiêu chuẩn đối với từng chức danh, chức vụ quản lý theo quy định của Nhà nước và của Trường

- Thuận lợi, ưu điểm:

+ Công tác quy hoạch cán bộ được thực hiện nề nếp, đảm bảo công khai, dân chủ. Việc quy hoạch vừa có sự kế thừa, vừa có bước phát triển mới; cán bộ lãnh đạo quy hoạch dần được trẻ hoá, số lượng cán bộ từ 30 - 40 tuổi được đưa và quy hoạch lãnh đạo ngày càng nhiều. Cán bộ quy hoạch đều là những người có năng lực công tác, trình độ chuyên môn tốt, tinh thần trách nhiệm và ý thức tự giác cao trong thực thi công việc.

+ Công tác tuyển dụng viên chức được Đảng ủy, Ban Giám hiệu quan tâm chỉ đạo sát sao. Việc tuyển dụng sử dụng cán bộ, viên chức của Nhà trường được thực hiện theo Nghị định 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 về sửa đổi, bổ sung quy định sử dụng, tuyển dụng viên chức. Việc tổ chức thi tuyển được thực hiện nghiêm túc, theo quy định, đánh giá đúng chất lượng của cán bộ. Số lượng cán bộ, viên chức tuyển dụng đã bổ sung kịp thời lực lượng cán bộ thiếu hụt do nghỉ hưu, chuyển công tác; đồng thời, tạo điều kiện về nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong điều kiện khối lượng công việc ngày càng gia tăng. Trong năm học 2018 - 2019, Nhà trường đã lên kế hoạch tuyển dụng cán bộ giảng dạy ở các bộ môn: Kỹ thuật cơ khí, bộ môn Ngoại ngữ.

- Khó khăn, hạn chế:

+ Chưa đảm bảo kết cấu 03 độ tuổi trong quy hoạch theo quy định.

+ Số lượng cán bộ viên chức hiện nay đang có xu hướng mất cân đối về cơ cấu giữa khối giảng dạy và hành chính; thiếu hụt nhân lực chất lượng cao trong khối cán bộ giảng dạy.

+ Văn bản hướng dẫn của Nhà nước chưa minh bạch dẫn đến khó khăn trong việc triển khai quy hoạch cán bộ, lãnh đạo.

+ Chưa thực hiện được việc định biên cũng như cơ cấu ngạch viên chức cho các đơn vị dẫn đến công tác quản lý, sử dụng ngạch viên chức của các đơn vị, tổ chức thuộc Trường còn bị động.

7.1.3. Công tác bổ nhiệm cán bộ, lãnh đạo

- Năm học 2018 - 2019, Nhà trường đã triển khai thực hiện quy trình bổ nhiệm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng nhiệm kỳ 2015 - 2020. Đến nay, đã hoàn thành quy trình và kiện toàn đội ngũ Ban

Giám hiệu. Ngày 27/12/2018, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ký Quyết định số 5068/QĐ-BGDĐT về việc bổ nhiệm GS.TS Trần Thanh Hải giữ chức Hiệu trưởng Trường Đại học Mở - Địa chất, Ngày 07/6/2019, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ký Quyết định số 1610/QĐ-BGDĐT về việc bổ nhiệm PGS. TS Bùi Xuân Nam và Quyết định số 1609/QĐ-BGDĐT về việc bổ nhiệm PGS.TS Triệu Hùng Trường giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Mở - Địa chất. Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng, Trưởng/Phó Trưởng Khoa, Trưởng/Phó phòng ban chức năng đều đáp ứng đúng về yêu cầu theo quy định về tiêu chuẩn bổ nhiệm như độ tuổi, học vị. Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng đều có học hàm Phó Giáo sư, Giáo sư, Trưởng các Khoa có đào tạo đề cập văn bằng từ trình độ đại học trở lên đều có trình độ Tiến sĩ; cơ cấu tổ chức và nhân sự tinh gọn, gắn với tái cơ cấu học thuật để phù hợp hơn với xu thế phát triển của khoa học công nghệ và thị trường nguồn nhân lực chất lượng cao; xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, vị trí, vai trò của mỗi đơn vị đối với sự phát triển chung của Nhà trường.

- Trong năm học 2018 - 2019, Nhà trường đã bổ nhiệm lãnh đạo cho các đơn vị hết nhiệm kỳ, hết tuổi quản lý đảm bảo tính ổn định, kế thừa và trẻ hóa đội ngũ cán bộ lãnh đạo. Công tác này ngày càng được chú trọng, chuẩn bị chu đáo, thực hiện đúng quy trình, quy định. Năm học 2018 - 2019, đã thực hiện 89 lượt bổ nhiệm. Đội ngũ cán bộ quản lý ngày càng được trẻ hóa, đa số đều nằm trong độ tuổi 35 - 40 (55 cán bộ), 41 - 45 (56 cán bộ) (chiếm 75% tổng số cán bộ quản lý từ cấp Bộ môn trở lên); vẫn còn 05 cán bộ quản lý trên 60 tuổi, tập trung ở các trung tâm trực thuộc Trường; không còn cán bộ có trình độ đại học.

Những tồn tại, hạn chế

Vẫn còn cán bộ, lãnh đạo quản lý ở một số bộ môn, Trung tâm quá tuổi quản lý do một số đơn vị chưa có đội ngũ cán bộ kế cận đảm bảo điều kiện theo quy định.

7.2. Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức

- Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các đơn vị trong Trường nhằm đảm bảo thống nhất hoạt động cùng hướng tới thực hiện mục tiêu chung của Nhà trường.

Trên cơ sở quy hoạch dài hạn đội ngũ cán bộ, viên chức, Nhà trường đã tiến hành xây dựng chương trình phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức để lập kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng cụ thể, sát với yêu cầu nhiệm vụ mới.

- Cơ cấu đội ngũ cán bộ giảng dạy ngày càng được trẻ hóa, có trình độ cao: cán bộ dưới 35 tuổi có 182 cán bộ, chiếm 31,9% tổng số CBGD, từ 36 - 45 có 277 cán bộ, 48,6% tổng số CBGD và đây cũng là độ tuổi giảng viên có trình độ TS cao nhất (150/263 cán bộ, chiếm 57,03 % số CBGD có trình độ TS).

- Công tác cán bộ của Nhà trường năm học 2018 - 2019: Hiện tại đến thời điểm 31/8/2019 cơ cấu cán bộ, viên chức của Nhà trường cụ thể như sau:

+ Tổng số cán bộ, viên chức là 808 người, trong đó cán bộ giảng dạy là 570 cán bộ chiếm 70,5%, kỹ sư là 51 cán bộ chiếm 6,4% và 187 cán bộ hành chính, nghiệp vụ chiếm 23,1 % tổng số cán bộ. Trong số cán bộ giảng dạy có: 05 GS, 60 PGS, 263 cán bộ có trình độ tiến sĩ chiếm 46,1%, 296 cán bộ có trình độ thạc sĩ chiếm 51,9%, 11 cán bộ trình độ đại học chiếm 2% tổng số cán bộ giảng dạy.

+ Tháng 9/2019, Nhà trường tổ chức kỳ thi tuyển dụng viên chức; đã có 02 cán bộ được tuyển dụng làm cán bộ giảng dạy.

+ Năm 2018 - 2019, Nhà trường đã giải quyết chế độ hưu cho 11 cán bộ, 27 cán bộ chuyển công tác và chấm dứt hợp đồng.

Bảng 29. Thống kê số lượng cán bộ viên chức của Nhà trường

Nội dung	Năm 2018 (đến 31/08/2018)	Năm 2019 đến 31/8/2019	Tăng/giảm (%)
Tổng số CBVC	844	808	-4,3

- Giảng viên	586	570	-2,7
- Nhân viên hành chính	199	187	-6,03
- Kỹ sư	59	51	-13,6
Cán bộ nghỉ hưu	12	11	-0,83
Cán bộ chuyển công tác, chấm dứt hợp đồng	18 (5 CBHC, 13 CBGD)	27 (17 CBHC, 10 CBGD)	+50
Cử đi học cao học	2	2	0
Cử đi học NCS	20	18	0

+ Trong năm học 2018 - 2019, Nhà trường đã cử 02 cán bộ đi nghiên cứu sinh trong nước. Cử đi đào tạo ở nước ngoài 18 nghiên cứu sinh, 02 cán bộ đi đào tạo thạc sĩ.

+ Tính đến tháng 09/2019, Nhà trường đã làm thủ tục tiếp nhận cho 17 cán bộ hoàn thành học tập ở nước ngoài về nước (15 TS, 02 ThS), 16 cán bộ hoàn thành kế hoạch học tập trong nước (14 TS và 02 ThS) bổ sung thêm nguồn nhân lực chất lượng cao cho Nhà trường.

Bảng 30. Cơ cấu đội ngũ giảng viên

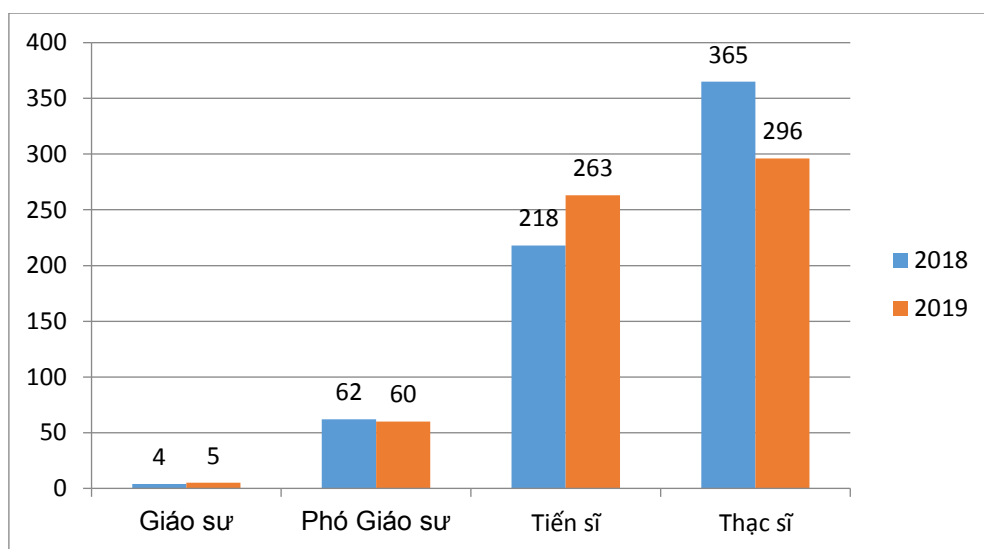
Năm	GS		PGS		TS		ThS		ĐH	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
2018	4	0,6	62	9,61	237	36,74	365	56,58	43	6,66
2019	5	0,9	60	10,5	263	46,1	296	51,9	11	2

Bảng 31. Đội ngũ cán bộ, viên chức ở các khoa chia theo trình độ

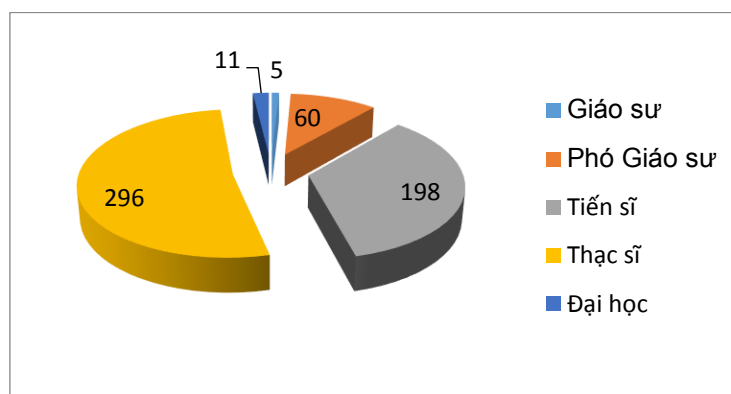
		Tổng số	Số nữ	Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	CD	Kỹ sư
	Toàn trường	621	218	5	60	263	335	23		51
1	Khoa Công nghệ thông tin	66	30	1	3	16	46	4		10
1.1	Bộ môn Mạng máy tính	8	3	0	0	1	6	1		1
1.2	Bộ môn Công nghệ phần mềm	10	3	0	1	3	7	0		1
1.3	Bộ môn Tin học cơ bản	9	4	0	0	2	6	1		1
1.4	Bộ môn Tin học địa chất	7	3	1	0	1	6	0		1
1.5	Bộ môn Khoa học máy tính	6	3	0	0	2	4	0		0
1.6	Bộ môn Tin học kinh tế	8	6	0	1	1	6	1		1
1.7	Bộ môn Tin học Trắc địa	15	6	0	1	6	8	1		2
1.8	Phòng TNCN Xử lý số liệu	3	2	0	0	0	3	0		3
	Văn phòng khoa	2	1	0	0	0	0	2		2
2	Khoa Cơ - Điện	61	9	0	7	25	34	2		6
2.1	Bộ môn Điện khí hóa	11	3	0	2	7	4	0		1
2.2	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí	8	1	0	0	3	5	0		0
2.3	Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử	11	2	0	2	3	8	0		0
2.4	Bộ môn Tự động hóa XNM&DK	15	2	0	2	9	6	0		1
2.5	Bộ môn Máy và Thiết bị Công nghiệp	12	0	0	1	3	8	1		0
2.6	Xưởng Cơ - Điện	4	1	0	0	0	3	1		4
	Văn phòng khoa	2	2	0	0	0	0	2		
3	Khoa Dầu khí	57	16	0	7	32	21	4		7
3.1	Bộ môn Địa vật lý	9	3	0	1	4	4	1		1

3.2	Bộ môn Địa chất dầu	6	3	0	0	4	2	0		0
3.3	Bộ môn Lọc hóa dầu	14	4	0	3	10	2	2		2
3.4	Bộ môn Khoan – Khai thác	17	2	0	2	8	8	1		2
3.5	Bộ môn Thiết bị DK và CT	11	4	0	1	6	5	0		2
	PTN Dầu khí KTN									
	Văn phòng khoa	2	2	0	0	0	0	2		
4	Khoa Khoa học cơ bản	87	43	0	3	27	58	2		1
4.1	Bộ môn Cơ lý thuyết	5	2	0	0	3	2	0		0
4.2	Bộ môn Hóa	17	10	0	0	9	8	0		0
4.3	Bộ môn Hình họa	6	2	0	0	4	2	0		0
4.4	Bộ môn Giáo dục thể chất	13	4	0	0	0	13	0		0
4.5	Bộ môn Ngoại ngữ	15	11	0	0	0	15	0		0
4.6	Bộ môn Toán	17	9	0	1	5	11	1		0
4.7	Bộ môn Vật lý	14	5	0	2	6	7	1		1
	Văn phòng khoa	1	1	0	0	0	1	0		
5	Khoa Khoa học và KT Địa chất	74	20	1	8	33	34	7		8
5.1	Bộ môn Địa chất	14	3	1	1	7	5	2		1
5.2	Bộ môn Địa chất công trình	18	4	0	1	8	9	1		3
5.3	Bộ môn Địa chất Thủy văn	11	4	0	1	5	5	1		1
5.4	Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa	10	3	0	2	4	5	1		1
5.5	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	20	5	0	3	9	10	1		1
5.6	Bảo tàng Địa chất	1	1	0	0	0	0	1		1
	Văn phòng khoa	2	1	0	0	0	1	1		
6	Khoa Mỏ	54	12	1	7	25	28	1		5
6.1	Bộ môn Khai thác Lộ thiên	16	3	1	2	8	7	1		2
6.2	Bộ môn Khai thác Hàm lò	18	2	0	2	11	7	0		1
6.3	Bộ môn Tuyển khoáng	12	4	0	3	4	8	0		1
6.4	Bộ môn Sức bền vật liệu	8	3	0	0	2	6	0		1
	Văn phòng khoa	2	2	0	0	0	0	2		
7	Khoa Môi trường	32	15	0	3	12	20	0		1
7.1	Bộ môn Môi trường cơ sở	10	4	0	1	3	7	0		0
7.2	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT	12	6	0	1	5	7	0		0
7.3	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT	10	5	0	1	4	6	0		1
	Văn phòng khoa	2	2	0	0	0	1	1		
8	Khoa Lý luận Chính trị	19	12	0	2	7	12	0		0
8.1	Bộ môn Nguyên lý chủ nghĩa Mác - Lênin	5	2	0	0	3	2	0		0
8.2	Bộ môn Đường lối CM của ĐCSVN	5	3	0	0	1	4	0		0
8.3	Bộ môn Tư Tưởng HCM	5	4	0	1	2	3	0		0
8.4	Bộ môn Pháp luật	4	3	0	1	1	3	0		0
	Văn phòng khoa	1	1	0	0	0	0	1		
9	Khoa Kinh tế - Quản trị KD	50	30	0	3	22	28	0		0
9.1	Bộ môn Kinh tế cơ sở	10	7	0	0	4	6	0		0
9.2	Bộ môn kế toán Doanh nghiệp	18	13	0	0	9	9	0		0

9.3	Bộ môn QTDN Mỏ	13	5	0	2	5	8	0		0
9.4	Bộ môn QTDN Địa chất - DK	9	5	0	1	4	5	0		0
	Văn phòng khoa	2	2	0	0	0	1	1		
10	Khoa Trắc địa – BD&QLDD	86	27	1	15	43	41	2		11
10.1	Bộ môn Trắc địa Mỏ	10	2	0	1	6	4	0		0
10.2	Bộ môn Trắc Địa công trình	12	3	0	6	9	3	0		0
10.3	Bộ môn Trắc địa cao cấp	11	3	0	2	3	7	1		0
10.4	Bộ môn Bản đồ	9	4	0	1	5	4	0		1
10.5	Bộ môn Trắc địa Phổ thông và SS	11	2	1	1	4	7	0		2
10.6	Bộ môn Địa chính	12	5	0	0	6	5	1		1
10.7	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám	15	6	0	4	10	5	0		2
10.8	Tổ máy Trắc địa	6	2	0	0	0	6	0		5
	Văn phòng khoa	2	2	0	0	0	1	1		
11	Khoa Xây dựng	35	4	1	2	21	13	1		2
	Bộ môn Xây dựng Công trình									
11.1	Ngầm và Mỏ	15	1	1	0	10	4	1		1
11.2	Bộ môn Xây dựng Hạ tầng cơ sở	10	1	0	1	6	4	0		1
11.3	Bộ môn Kỹ thuật xây dựng	10	2	0	1	5	5	0		0
	Văn phòng khoa	2	2	0	0	0	0	2		



Hình 11. Cơ cấu đội ngũ giảng viên năm 2018 và năm 2019



Hình 12. Cơ cấu đội ngũ giảng viên năm 2019

Bảng 32. Cơ cấu đội ngũ giảng viên chia theo độ tuổi và trình độ đào tạo

	Tổng số	Chia theo chức danh GS, PGS				Chia theo trình độ đào tạo					
		Giáo sư		Phó Giáo sư		TSKH và TS		Thạc sĩ		Đại học	
		Tổng số	Tr.đó: Nữ	Tổng số	Tr.đó: Nữ	Tổng số	Tr.đó: Nữ	Tổng số	Tr.đó: Nữ	Tổng số	Tr.đó: Nữ
Tổng số	570	5	0	60	8	263	62	296	127	11	1
Dưới 30 tuổi	30	0	0	0	0	0	0	25	6	5	0
Từ 31 đến 35	152	0	0	0	0	31	7	117	45	4	0
Từ 36 đến 40	169	0	0	5	0	92	22	77	37	0	0
Từ 41 đến 45	108	1	0	15	2	58	18	49	29	1	0
Từ 46 đến 50	37	0	0	7	4	20	9	17	10	0	0
Từ 51 đến 55	12	1	0	5	2	11	5	0	0	1	1
Từ 56 đến 60	20	1	0	4	0	9	1	11	0	0	0
Trên 60 tuổi	42	2	0	24	0	42	0	0	0	0	0

Qua bảng trên có thể thấy, đội ngũ cán bộ giảng viên đang ngày càng được trẻ hóa và có trình độ cao. Giảng viên dưới 35 tuổi có 182 cán bộ chiếm 31,9%, giảng viên từ 36 đến 45 tuổi là 277 cán bộ, chiếm 48,5% cán bộ, đây cũng là độ tuổi có trình độ Tiến sĩ cao (150/263, chiếm 57,03%). Điều đó cho thấy Nhà trường luôn chú trọng đến việc xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, viên chức, đặc biệt quan tâm tới đội ngũ cán bộ giảng dạy. Hàng năm, thường xuyên có 23% cán bộ giảng dạy được cử đi đào tạo nâng cao trình độ ở trong và ngoài nước. Đa số cán bộ đi đào tạo trở về đã phát huy tốt khả năng của mình, có nhiều đóng góp tích cực cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học của Nhà trường, tích cực phấn đấu để đạt được các chức danh khoa học cao hơn.

Nhà trường luôn cố gắng duy trì cơ cấu đội ngũ CBVC trẻ để đảm bảo tính kế thừa. Mặc dù vậy, số lượng giảng viên là PGS trên 60 tuổi vẫn chiếm tỉ lệ cao nhất. Nếu không có chiến lược phát triển thích hợp trong tương lai tổng số GS, PGS của trường có thể sẽ giảm.

- Năm học 2018 - 2019, quy định đánh giá cán bộ viên chức đã được điều chỉnh nhằm đánh giá trung thực, khách quan nhất năng lực, hiệu quả làm việc của đội ngũ CBVC trường.

Nhà trường cũng đã có quy định cụ thể về vị trí việc làm chức danh Kỹ sư; xét chuyển chức danh nghề nghiệp cho 01 CBVC từ kỹ sư sang chuyên viên và 01 cán bộ từ chuyên viên sang kỹ sư.

- Nhà trường luôn quan tâm, có các chế độ, chính sách khuyến khích động viên tạo điều kiện thuận lợi, cần thiết cho đội ngũ CBVC tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng theo yêu cầu chuẩn hóa về đội ngũ cán bộ.

Những tồn tại, hạn chế

- Giảng viên có trình độ thạc sĩ vẫn chiếm tỉ lệ cao trong cơ cấu đội ngũ giảng viên (Thạc sĩ: 296/570, chiếm 51,9%), vẫn còn giảng viên có trình độ Đại học (11 CBGD).

- Hiện tượng cán bộ đi học nước ngoài về không đúng hạn, không làm thủ tục gia hạn, không chấp hành các quy định của Nhà nước và của Trường vẫn còn tồn tại.

- Các đơn vị đã bắt đầu thực hiện tái cấu trúc nhưng tiến độ thực hiện còn chậm và chưa thực sự quyết liệt trong triển khai tái cấu trúc.

8. Công tác xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo

8.1. Công tác xây dựng cơ sở vật chất

8.1.1. Tình hình thực hiện các dự án xây dựng cơ bản

- Nhà trường đã có quy hoạch xây dựng cơ sở vật chất trên diện tích đất hiện có.

- Trường Đại học Mỏ - Địa chất được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao làm chủ đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng Hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Đại học tại xã Đông Ngạc, xã Cổ Nhuế, xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là phường Đức Thắng, phường Cổ Nhuế 2, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội - khu vực Trường Đại học Mỏ - Địa chất và khu Ký túc xá dùng chung) tại Quyết định số 7819/QĐ-BGDĐT ngày 27/10/2009.

Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng Hệ thống hạ tầng kỹ thuật làm cơ sở cho việc quy hoạch và xây dựng các công trình của Trường Đại học Mỏ - Địa chất bao gồm: Bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng; San nền, đường giao thông, cấp nước, thoát nước, hệ thống chiếu sáng, trạm biến áp và đường dây, hệ thống hào kỹ thuật của dự án trong phạm vi nghiên cứu là 23,6ha.

Thời gian thực hiện dự án: 2015 - 2019 (do tiến độ cấp kinh phí cho dự án từ 2009 đến 2014 chưa có nên dự án triển khai khó khăn, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phê duyệt điều chỉnh về thời gian thực hiện dự án 2015-2019 tại Quyết định số 2041/QĐ-BGDĐT ngày 15/6/2016).

Về công tác đền bù, giải phóng mặt bằng: Do Dự án nằm trên địa giới hành chính của 03 phường (Cổ Nhuế 2, Xuân Đình, Đức Thắng) nên từ khi bắt đầu triển khai công tác này, UBND quận Bắc Từ Liêm đã chỉ đạo Ban Bồi thường GPMB quận Bắc Từ Liêm (nay là Trung tâm Phát triển quỹ đất) cùng với các phòng ban chức năng của Quận và nhà trường lập kế hoạch GPMB theo địa giới từng phường.

Đến nay về cơ bản đã hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với khu vực dự án thuộc địa giới hành chính phường Cổ Nhuế 2 và một phần diện tích thuộc phường Xuân Đình.

Do ngân sách Nhà nước cấp cho dự án đến thời điểm này là 104.101.647.180 VNĐ/190.407.274.000 VNĐ nên khối lượng công việc đã thực hiện là đền bù, giải phóng mặt bằng với diện tích đất đã được thu hồi theo quyết định của UBND quận Bắc Từ Liêm là 8,7ha/140 hộ dân và 01 tổ chức (UBND phường Cổ Nhuế 2) với tổng số tiền đã giải ngân là 96.603.533.396 VNĐ trên tổng số nguồn NSNN được cấp cho dự án là 104.101.647.180 VNĐ nằm trên địa giới hành chính phường Cổ Nhuế 2 (5,7ha/79 hộ dân); nằm trên địa giới hành chính phường Xuân Đình (3,0ha/68 hộ dân).

Về hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình xây dựng Hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Đại học tại xã Đông Ngạc, xã Cổ Nhuế, xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là phường Đức Thắng, phường Cổ Nhuế 2, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội - khu vực Trường Đại học Mỏ - Địa chất và khu Ký túc xá dùng chung) đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt tại quyết định số 5603/QĐ-BGDĐT ngày 27/12/2018.

Hiện tại, Ban QLCDTA đang triển khai công tác giao đất khu A1 (5,5ha) để tiến hành thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu A1 (5,5ha/23,6ha) nằm trên địa giới hành chính phường Cổ Nhuế 2 (đã hoàn thành công tác GPMB), theo kế hoạch 2020 sẽ hoàn thành.

Năm học 2019 - 2020, Trên cơ sở kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2016-2020 đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, Nhà trường có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan hữu quan có liên quan trong công tác tổ chức thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng đối với những hộ còn tồn đọng do cơ chế chính sách...theo đúng quy định của Nhà nước đồng thời tổ chức triển khai công tác giao đất khu A1 để tiến hành thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu A1 (5,5ha/23,6ha) nằm trên địa giới hành chính phường Cổ Nhuế 2 (đã hoàn thành công tác GPMB). Theo kế hoạch 2020 sẽ hoàn thành.

Cụ thể hóa Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị đại học đã được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 1682/QĐ-UBND ngày 13/05/2008 (Khu A1 tương đương với khu chức năng xây dựng trường học 06.CQ3 và 06.CQ3.CL), Ban QLCDTA xây dựng phương án phân kỳ giai đoạn đầu tư làm cơ sở cho Nhà trường trình kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025:

- Giai đoạn 1 (2019 - 2020): Hoàn thành công tác đầu tư xây dựng hệ thống Hạ tầng kỹ thuật trong khu đất A1 (5,5ha), đảm bảo có thể độc lập vận hành, khai thác và quản lý như một dự án độc lập.

- Giai đoạn 2 (dự kiến 2021 - 2025): Để chuẩn bị xây dựng kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025, Nhà trường tập trung nghiên cứu, xây dựng phương án đầu tư xây dựng mở rộng Trường Đại học Mở - Địa chất trên cơ sở Khu đất A1 đã hoàn thành hệ thống Hạ tầng kỹ thuật.

8.1.2. Công tác sửa chữa, cải tạo

Năm học 2018 - 2019, hoàn thành cải tạo, sửa chữa các hạng mục:

- Cải tạo sửa chữa tôn nền và đổ bê tông khu thực tập đa ngành: 484,5 triệu đồng
- Cải tạo, sửa chữa khu thực tập Lạng Sơn: 258,8 triệu đồng
- Sửa PTN Khoan - Nổ mìn khu B và xây nhà cất mẫu tại khu A và các hạng mục khác: 484,42 triệu đồng
- Cải tạo, sửa chữa phòng máy tính và các hạng mục khác: 474,38 triệu đồng
- Sửa chữa hệ thống phân tích ICP-MS tại Trung tâm phân tích, thí nghiệm công nghệ cao: 575,26 triệu đồng
- Cải tạo, sửa chữa nâng cấp phòng họp phổ yếu: 477,38 triệu đồng
- Cải tạo phòng C504 thành phòng Studio: 474,39 triệu đồng
- Cải tạo sửa phòng HCTH: 297,21 triệu đồng
- Cải tạo, sửa chữa bộ phận 1 cửa: 408,08 triệu đồng

Kinh phí cải tạo, sửa chữa được lấy từ nguồn thu hợp pháp của Trường. Nhìn chung công tác cải tạo, sửa chữa được tiến hành đúng tiến độ, đáp ứng kịp thời nhu cầu học tập, làm việc của sinh viên và cán bộ trong toàn Trường.

8.2. Trang thiết bị phục vụ đào tạo

Hàng năm Nhà trường luôn quan tâm đến việc tăng cường trang thiết bị phục vụ đào tạo. Tuy nhiên, hiện nay nguồn kinh phí trực tiếp từ Bộ Giáo dục và Đào tạo rất hạn chế, Nhà trường vận dụng nguồn kinh phí thường xuyên để trang bị thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập.

Năm học 2018 - 2019, không có các dự án thiết bị lớn; công tác mua sắm tài sản, trang thiết bị, dụng cụ vật tư thí nghiệm chủ yếu từ nguồn chi thường xuyên của nhà trường, về cơ bản đáp ứng nhu cầu làm việc phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Các trang thiết bị được đầu tư năm học 2018 - 2019:

- Lắp đặt hệ thống camera giám sát tại các tòa nhà KTX sinh viên với kinh phí 96,4 triệu đồng.
- Lắp đặt hệ thống PCCC ở các KTX, HT300, nhà C12 với kinh phí 319 triệu
- Trang bị mới phần mềm quản lý cán bộ, đảng viên với kinh phí 253 triệu đồng.
- Trang bị các thiết bị họp trực tuyến cho các phòng họp với kinh phí 696 triệu đồng từ nguồn tài trợ Dự án Erasmus+.

- Xây dựng cổng thông tin điện tử Trường Đại học Mở - Địa chất với kinh phí 1,85 tỷ đồng.

- Trang bị, lắp đặt trang thiết bị trường quay với kinh phí 440,5 triệu đồng.

- Bổ sung trang thiết bị phòng thực hành máy tính PTN Địa tin học với kinh phí 404,2 triệu đồng.

Công tác mua sắm trang thiết bị 3 quý đầu năm 2019 về cơ bản thực hiện theo kế hoạch. Năm 2019, phát sinh sửa chữa máy móc thiết bị thí nghiệm tăng so với kế hoạch đầu năm.

Nhà trường đã tiến hành nhiều biện pháp bảo quản, khai thác, sử dụng hết công suất các thiết bị để phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Song công tác quản lý, sử dụng công sản chưa thực sự hiệu quả. Do đó cần có sự phối hợp chặt chẽ hơn nữa giữa đơn vị sử dụng tài sản với phòng chức năng để nâng cao hiệu quả sử dụng công sản trong Nhà trường.

8.3. Tình hình hoạt động các phòng thí nghiệm

Hiện nay toàn Trường có 39 phòng thí nghiệm, trong đó: Khoa Trắc địa Bản đồ và Quản lý đất đai: 09 phòng, Khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất: 06 phòng, Khoa Cơ - Điện: 07 phòng, Khoa Dầu khí: 05 phòng, Khoa Khoa học cơ bản: 02 phòng, Khoa xây dựng: 01 phòng, Khoa Môi trường: 02 phòng, Khoa CNTT: 01 phòng, Khoa Kinh tế và QTKD: 01 phòng, Khoa Mỏ: 04 phòng và Trung tâm Phân tích, thí nghiệm Công nghệ cao.

Nhìn chung, tình hình hoạt động các phòng thí nghiệm trong toàn trường khá hiệu quả, có các phòng hoạt động liên tục, hết công suất như: PTN Vật lý, PTN Hóa học, PTN Lọc - Hóa dầu, PTN và Xưởng thực hành Kỹ thuật Điện - Điện tử, PTN Kỹ thuật cơ khí - Thủy lực, PTN Địa tin học, PTN Địa chất công trình. Tuy nhiên vẫn còn một số phòng thí nghiệm hoạt động chưa thực sự hiệu quả, thời gian đóng cửa nhiều, sổ nhật ký phòng thí nghiệm không cập nhật đầy đủ.

8.4. Kinh phí chi thường xuyên hàng năm

Kinh phí chi thường xuyên và kinh phí thực hiện năm 2018, 2019 được tổng hợp trong các Bảng 33 và Bảng 34.

Bảng 33. Kinh phí thực hiện năm 2018

TT	Nội dung	Kế hoạch (1.000đ)	Thực hiện (1.000đ)	Tăng/giảm với kế hoạch (%)
1	Tiền điện, nước	3.242.400	4.238.444	30,7
2	Vật tư văn phòng phẩm, công cụ dụng cụ	1.373.179	1.686.563	22,8
3	Hóa chất, dụng cụ thí nghiệm	840.000	848.022	1,0
4	Thuê vệ sinh môi trường	2.561.730	2.143.396	-16,3
5	Sửa chữa nhà cửa	6.777.000	4.269.613	-37,0
6	Sửa chữa thường xuyên TSCĐ (máy móc thiết bị, ô tô, hệ thống PCCC...)	450.000	1.211.870	169,3
7	Mua TSCĐ dùng cho công tác chuyên môn	2.809.166	1.499.295	-46,6

Bảng 34. Kinh phí thực hiện năm 2019

STT	Nội dung	Kế hoạch (1.000đ)	Thực hiện 3 quý đầu năm (1.000đ)	Tăng/giảm với kế hoạch (%)
1	Tiền điện, nước	3.862.400	2.658.046	-31,2
2	Vật tư văn phòng phẩm, công cụ dụng cụ	1.739.127	854.227	-50,9
3	Hóa chất, dụng cụ thí nghiệm	800.000	875.000	9,4
4	Thuê vệ sinh môi trường	2.649.455	1.541.194	-41,8
5	Sửa chữa nhà cửa	5.986.893	958.808	-84,0
6	Sửa chữa thường xuyên TSCĐ (máy móc thiết bị học tập, thí nghiệm, thang máy, hệ thống PCCC, cửa tự động, thiết bị phòng học...)	1.344.480	1.892.350	40,7
7	Mua TSCĐ dùng cho công tác chuyên môn, Công nghệ thông tin điện tử	4.720.078	3.629.587	-23,1

Nhận xét, đánh giá chung

Năm học 2018 - 2019, trong điều kiện còn nhiều khó khăn, tuy nhiên lãnh đạo Nhà trường vẫn luôn quan tâm đến công tác xây dựng cơ sở vật chất để đáp ứng đủ yêu cầu của công tác đào tạo. Công tác cải tạo, sửa chữa thường xuyên được tiến hành đúng tiến độ, đáp ứng kịp thời nhu cầu học tập, làm việc của sinh viên và cán bộ trong toàn trường; tạo môi trường cảnh quan sạch đẹp, vệ sinh, cải thiện được tình hình ăn, ở, sinh hoạt cho sinh viên và cán bộ trong toàn Trường, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ y tế và vấn đề an toàn thực phẩm của nhà Trường.

9. Công tác thông tin, thư viện

9.1. Công tác thư viện

Trong năm học 2018 - 2019, phần mềm thư viện điện tử Kipos đã được bổ sung 02 mô đun “Bổ sung tài liệu” và “Ấn phẩm định kỳ”. Tài liệu tại phòng mượn đang dần được thay thế từ chỉ từ sang chip (dễ dàng tích hợp với các thiết bị hiện đại như máy mượn - trả tự động và thực hiện thống kê tự động).

Công tác tăng cường nguồn lực thông tin được thực hiện thường xuyên. Trong năm học vừa qua, đã mua 121 đầu sách (3299 cuốn), 01 CSDL điện tử; nhận 07 đầu sách (929 cuốn) từ phòng Xuất bản, 164 bài giảng/giáo trình (165 cuốn) từ phòng Đào tạo Sau đại học; được tặng 126 đầu sách tiếng Việt (444 cuốn) và 127 đầu sách tiếng Anh (322 cuốn) từ các thầy/cô và các tổ chức nước ngoài. Bổ sung 27 đầu tạp chí tiếng Việt (373 cuốn), được tặng 06 đầu (41 cuốn). Bổ sung 733 cuốn luận án, luận văn và 30 báo cáo tổng kết đề tài NCKH. Bổ sung cho thư viện tại Vũng Tàu 294 đầu sách (410 cuốn) và Quảng Ninh 494 đầu sách (670 cuốn).

Trung bình hàng năm, Thư viện phục vụ gần 100 nghìn lượt bạn đọc, trên 150 nghìn lượt tài liệu, tu bổ hàng trăm cuốn sách.

Bảng 35. Thống kê tài liệu bổ sung năm học 2017-2018 và 2018-2019

Đang SB: Phòng kế tài hiện có bằng năm học 2017 - 2018 và 2018 - 2019

Năm	PHÒNG XUẤT BẢN CUNG CẤP					
	Giáo trình			Bài giảng		
	Số lượng		Kinh phí (đồng)	Số lượng		Kinh phí (đồng)
	Đầu tài liệu	Cuốn		Đầu tài liệu	Cuốn	
2017 - 2018	3	130	6,130,000	2	110	5,310,000
2018 - 2019	7	929	49,095,000	0	0	0
Năm	PHÒNG ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC CUNG CẤP					
	Giáo trình			Bài giảng		
	Số lượng		Kinh phí (đồng)	Số lượng		Kinh phí (đồng)
	Đầu tài liệu	Cuốn		Tài liệu	Cuốn	
2017- 2018	0	0	0	342	358	0
2018 - 2019	03	03	0	164	165	0
Năm	TRUNG TÂM THÔNG TIN - THƯ VIỆN MUA					
	Tài liệu giấy			Cơ sở dữ liệu điện tử		
	Số lượng		Kinh phí (đồng)	Số lượng	Kinh phí (đồng)	
	Đầu tài liệu	Cuốn				
2017 - 2018	364	4319	393,463,000	1	45,00,000	
2018 - 2019	121	3299	392,628,000	1	45,00,000	
Tăng/giảm	-66%	-23%	-0,2%	0%	0%	
Năm	TÀI LIỆU ĐƯỢC TẶNG					
	Tiếng Việt			Tiếng Anh		
	Đầu tài liệu	Cuốn		Tài liệu	Cuốn	
2017 - 2018	134	310		145	253	
2018 - 2019	126	444		127	322	
Tăng/giảm	-6%	+43%		-12%	+27%	

Những tồn tại, hạn chế

- Tài liệu giảng dạy và tham khảo cho các học phần của các ngành đào tạo trong Trường còn thiếu, đặc biệt là tài liệu tiếng Anh và tài liệu điện tử.
- Việc hợp tác chia sẻ cơ sở dữ liệu với các đơn vị bên ngoài còn yếu.
- Thư viện chưa có phòng học nhóm, đa phương tiện.
- Một số tài liệu trong đề cương chi tiết các học phần khó hoặc không tìm thấy tại các nhà cung cấp. Kinh phí dành cho bổ sung tài liệu còn hạn chế.

- Các đối tác chưa thực sự muốn chia sẻ CSDL, tài liệu và chưa xây dựng được chính sách cho việc này.

- Chưa bố trí được phòng học nhóm, đa phương tiện.

9.2. Công tác công nghệ thông tin

- Nhà trường phối hợp với Cục Công nghệ Thông tin, Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục hoàn thiện cổng thông tin điện tử (TTĐT) và xây dựng website thành phần. Rà soát, đưa tin bài, cập nhật thông tin của các đơn vị, cá nhân và các chương trình đào tạo lên cổng TTĐT.

- Đẩy mạnh quảng bá thông tin của Nhà trường trên cổng thông tin điện tử và các trang mạng xã hội. Trong bảng xếp hạng Webometrics mới nhất (tháng 7/2019), Nhà trường trở lại Top 10 và được xếp thứ 6/174 trường đại học được xếp hạng của Việt Nam.

- Quản lý, vận hành và khắc phục sự cố của hệ thống mạng, kết nối Internet, email và wifi.

- Phối hợp với Công ty cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn lắp đặt hệ thống wifi miễn phí trong khuôn viên Nhà trường.

Những tồn tại, hạn chế

- Tiến độ triển khai Cổng TTĐT và website các đơn vị còn chậm.

- Băng thông kết nối Internet trong nước đã tăng lên gấp đôi nhưng băng thông quốc tế vẫn còn thấp.

- Các website cũ của các đơn vị (xây dựng bằng Joomla) hay bị tấn công.

10. Công tác tài chính

Năm 2018, Nhà trường đã triển khai tốt việc lập, chấp hành, quyết toán ngân sách theo đúng quy định. Trong năm qua công tác thu, chi các nguồn kinh phí của Nhà trường phòng Kế hoạch Tài chính đã đảm bảo thực hiện đúng theo nguyên tắc quản lý tài chính của Nhà nước và quy chế chi tiêu nội bộ của Trường.

Bảng 36. Thống kê thu chi tài chính năm 2018

Nội dung	Năm 2017 (tỷ đồng)	Năm 2018 (tỷ đồng)	Tăng/Giảm (%)	Ghi chú
I- Tổng thu của Trường	277,29	236,84	-15	
- Thu từ NSNN	65,76	47,35	-28	
- Thu từ học phí	168,70	164,37	-3	
- Thu sự nghiệp khác	23,07	25,12	9	
- Thu đề tài, dự án	19,76	9,87	-50	
Trong đó				
+ Thu từ NSNN cấp	11,12	2,13		
+ Thu đề tài, dự án không thuộc nguồn kinh phí do Bộ GD&ĐT cấp	8,64	7,74		Số dư cuối kỳ năm 2016 : 6,22 tỷ đồng
II- Tổng chi	239,59	201,25	-16	
- Chi hoạt động thường xuyên	193,79	185,04	-5	
- Chi không thường xuyên	25,09	5,91	-76	Giảm do năm 2017 có dự án PTN Bản đồ - Tuyển khoáng: 19,96 tỷ đồng
- Chi đề tài, dự án	20,71	10,30	-50	

Bảng 37. Thu nhập bình quân của cán bộ trong toàn trường năm 2018

Thu nhập bình quân	Năm 2017 (đồng)	Năm 2018 (đồng)	Tăng/ Giảm (%)
Thu nhập bình quân toàn trường	11 972 000	12 339 000	3
Khối cán bộ giảng dạy	13 053 000	13 193 000	1
Khối cán bộ hành chính và cán bộ phục vụ giảng dạy	8 252 000	8 941 000	8

Nhận xét đánh giá chung

Trước tình hình công tác tuyển sinh trong những năm gần đây gặp nhiều khó khăn, kinh phí ngân sách nhà nước cấp theo định mức, thực hiện khoán chi theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP, nguồn thu sự nghiệp lại phụ thuộc vào chỉ tiêu đào tạo và khung thu phí do đó nguồn thu tài chính của Nhà trường có xu hướng giảm. Tuy nhiên, công tác thu chi tài chính vẫn kịp thời, đầy đủ đảm bảo cho các hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác, đảm bảo ổn định thu nhập cho cán bộ viên chức và chế độ cho sinh viên.

11. Công tác y tế

- Năm học 2018 - 2019, Nhà trường đã thực hiện tốt công tác y tế, khám chữa bệnh đảm bảo công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho cán bộ, viên chức và sinh viên trong toàn Trường.

- Trạm Y tế là đơn vị phụ trách việc chăm sóc sức khỏe cho CBVC và sinh viên trong Trường đã làm tốt công tác khám chữa bệnh thông thường, điều trị các bệnh mãn tính như cao huyết áp, tiểu đường, làm các thủ thuật theo danh mục đã được Sở Y tế phê duyệt; làm thủ tục chuyển viện cho những trường hợp cần thiết.

- Tổ chức thực hiện vệ sinh học đường, vệ sinh môi trường, phòng chống các dịch bệnh, đặc biệt phòng chống dịch bệnh sốt xuất huyết, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống HIV - AIDS, các bệnh xã hội.

- Hàng năm, Nhà trường đều tiến hành khám sức khỏe định kỳ cho CBVC. Năm 2019, Nhà trường hợp đồng với Bệnh viện Phương Đông tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ tháng 5 năm 2019: 585 người. Kinh phí: 276,880,000 đồng.

- Năm 2019 căn cứ Nghị định 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ, Kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu do trích chuyển từ BHYT để phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu năm 2019 cho sinh viên không được cấp.

- Về tình hình khám chữa bệnh BHYT: Tính đến 15/9/ 2019 đã có 1.328 lượt khám với tổng chi phí là: 96,527,253 đồng (năm 2018: 2.634 lượt khám, tổng chi phí: 209,811,094 đồng). Chi phí này hoàn toàn do BHXH thanh quyết toán theo quý.

- Năm học 2018 - 2019, Trường đã tổ chức khám sức khỏe cho sinh viên vào trường K63: 1761 sinh viên (Hà Nội và Vũng Tàu) tại phòng khám của Trường Đại học Y tế công cộng.

- Tổ chức khám sức khỏe cho sinh viên vào Trường K64 theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế về việc Hướng dẫn khám sức khỏe: Dự kiến đợt 1 từ 07/10 đến 18/10/2019 tại Phòng khám Trường Đại học Y tế công cộng.

- Về tình hình cấp phát thuốc: Nhà trường hợp đồng mua thuốc theo đúng quy định danh mục thuốc chủ yếu được sử dụng tại các cơ sở KCB được quỹ BHYT thanh toán. Kinh phí quyết toán với cơ quan BHXH hàng quý theo chi phí sử dụng cấp thuốc cho cán bộ, sinh viên tại Trạm Y tế.

12. Các hoạt động khác

12.1. Thực hiện quy chế dân chủ

Việc thực hiện quy chế dân chủ tại Nhà trường đạt kết quả tốt, thể hiện trên các nội dung chủ yếu sau:

- Các cuộc họp định kỳ được duy trì và đảm bảo cả về nội dung và chất lượng, phù hợp với nhu cầu công việc, gồm: Họp công tác tháng, Hội nghị liên tịch Quý, Hội nghị công tác tài chính năm, Hội nghị Tổng kết công tác đào tạo và Hội nghị cán bộ viên chức; các hội đồng tư vấn (Hội đồng khoa học và đào tạo, Hội đồng tổ chức cán bộ, Hội đồng lương, Hội đồng chức danh giáo sư cơ sở, Hội đồng thi đua - khen thưởng,...) hoạt động công khai, dân chủ, đúng quy chế.

- Thực hiện tốt chế độ công khai tài chính theo quy định của nhà nước; công khai các quyền lợi, chế độ, chính sách có liên quan trực tiếp đến đội ngũ cán bộ viên chức; công khai những quy định về sử dụng tài sản, xây dựng cơ sở vật chất, tuyển dụng, nâng ngạch, nâng bậc lương, thuyên

chuyển, điều động, khen thưởng, kỷ luật, bổ nhiệm và các chế độ chính sách khác đối với cán bộ viên chức.

- Năm học 2018 - 2019, Nhà trường tiếp tục tiếp nhận các ý kiến đóng góp của các đơn vị (về các Quy định, Quy chế) để năm học 2019 - 2020 ban hành nhiều văn bản quản lý theo đúng pháp luật của Nhà nước, các quy định, quy chế của các Bộ, Ban, Ngành.

12.2. Công tác giáo dục quốc phòng - quân sự địa phương

- Nhà trường luôn quan tâm đến công tác giáo dục Quốc phòng và an ninh cho sinh viên và công tác quân sự địa phương đúng trên địa bàn.

- Năm học 2018 - 2019, khoa GDQP đã giảng dạy giáo dục quốc phòng và an ninh cho 107 lớp, nhóm lớp với hơn 9615 lượt sinh viên hệ chính quy từ khóa 59 đến khóa 63 của Nhà trường theo chương trình, nội dung quy định bảo đảm an toàn về người và vũ khí trang bị.

- Năm học 2018-2019, khoa GDQP thực hiện giảng dạy theo Thông tư số 03/2017/TT-BGDĐT, ngày 13/01/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học; tổ chức dạy học đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh theo Thông tư số 18/2015/TTLT-BGDĐT-BLDTBXH ngày 18/9/2015 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và xã hội. Qua đó, trang bị cho sinh viên nhận thức, giác ngộ chính trị, lòng yêu nước và trách nhiệm của công dân; huấn luyện, trang bị một số kỹ năng quân sự, sử dụng thành thạo một số loại vũ khí bộ binh; xây dựng cho sinh viên ý thức tự giác, nếp sống văn minh, ý thức tổ chức kỷ luật.

- Đầu năm học 2019 - 2020, Nhà trường đang triển khai học giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên khóa mới K64 theo hình thức tập trung tại cơ sở Lạng Sơn, từ đó nâng cao chất lượng môn Giáo dục quốc phòng và an ninh trong công tác giáo dục của Nhà trường.

- Nhà trường tạo điều kiện cho cán bộ giảng viên đi học tập, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ thống nhất và cập nhật những nội dung mới phục vụ cho công tác giáo dục quốc phòng và an ninh

- Thực hiện tốt công tác đăng ký, quản lý cán bộ, viên chức trong độ tuổi gọi nhập ngũ, độ tuổi tham gia dân quân tự vệ.

- Tổ chức đăng ký quản lý quân nhân dự bị hạng 1, hạng 2, nữ có chuyên môn kỹ thuật cần cho Quân đội, phương tiện kỹ thuật. Quản lý chặt chẽ lực lượng dự bị động viên, đồng thời báo cáo kịp thời, đầy đủ, đúng mẫu biểu, thời gian quy định.

- Thực hiện đầy đủ, đúng quy định về công tác tiếp nhận, quản lý di chuyển nghĩa vụ quân sự cho nam sinh viên nhập học. Thực hiện tốt công tác giới thiệu di chuyển nghĩa vụ quân sự cho nam sinh viên tốt nghiệp ra trường hoặc thôi học về nơi cư trú theo đúng quy định.

- Năm 2019, phối hợp với các đơn vị trong Cụm thi đua số 6, gồm: Trường Đại học Mở - Địa chất, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, Trường Đại học Điện lực, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, Trường Đại học Y tế Công cộng, Học viện Tài chính tổ chức huấn luyện cho 188 cán bộ, chiến sĩ tự vệ của các Nhà trường theo đúng kế hoạch đã được Ban chỉ huy quân sự quận phê duyệt, kết quả huấn luyện đạt loại khá, bảo đảm an toàn tuyệt đối về người, vũ khí trang bị và an toàn giao thông (đặc biệt là trong kiểm tra bắn đạn thật). Đồng thời, tổ chức huấn luyện bổ sung cho Đội hội thao tự vệ tham gia thi đấu đầy đủ các nội dung tại Hội thao lực lượng dân quân tự vệ quận; kết quả đạt giải Ba môn Nhận thức Chính trị.

- Năm 2019, đã tham mưu cho Nhà trường và trực tiếp tham gia tuyển chọn và gọi 30 nam sinh viên tốt nghiệp đại học khóa 59 đi đào tạo sĩ quan dự bị tại Trường Quân sự Quân khu 2 theo đúng chỉ tiêu của Bộ giao, đảm bảo sức khỏe tốt, chất lượng chính trị cao, 100% là tình nguyện, trong đó có 04 em là Đảng viên.

- Thực hiện nghiêm túc công tác báo cáo tình hình giáo dục quốc phòng và an ninh và công tác quân sự địa phương của Nhà trường đúng thời gian quy định lên Ban chỉ huy quân sự quận Bắc

Từ Liêm và Vụ Giáo dục Quốc phòng.

12.3. Công tác đánh giá phân loại viên chức, thi đua khen thưởng

- Trong năm học 2018 - 2019, Nhà trường đã triển khai phong trào thi đua năm học với chủ đề “*Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học*” nhằm nâng cao ý thức cán bộ, giảng viên trong việc cải tiến, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác, giảng dạy, nghiên cứu khoa học. Công tác đánh giá, phân loại viên chức đã có những điều chỉnh kịp thời, hợp lý hơn góp phần đánh giá đúng hiệu quả làm việc của đội ngũ CBVC; đây cũng là cơ sở để xét thi đua khen thưởng năm học.

- Kết quả năm học 2018 - 2019, toàn trường có 253 CBVC đạt mức A+, 390 CBVC đạt mức A, 160 CBVC đạt mức B+, 5 CBVC đạt mức B, 0 CBVC đạt mức C. Về thi đua khen thưởng, Hiệu trưởng đã có quyết định số 1099/QĐ-MĐC ngày 22/8/2019 công nhận 83 tập thể đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, 433 cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và 207 cá nhân đạt danh hiệu “*Chiến sỹ thi đua cơ sở*”. Đã đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận 22 đơn vị trực thuộc Trường đạt “*Tập thể lao động xuất sắc*”; 13 cá nhân đạt “*Chiến sỹ thi đua cấp Bộ*”; đề nghị Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen cho 03 tập thể và 34 cá nhân có thành tích xuất sắc trong năm học 2018 - 2019; đã đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xét đề nghị tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho 05 cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu, đã đề nghị trao tặng Huân chương Lao động Hạng Ba cho 02 cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc trong những năm qua.

- Tuy nhiên, quy định chấm công, đánh giá phân loại CBVC cần tiếp tục có sự điều chỉnh, nên linh hoạt hơn, hợp lý hơn, nhất là đánh giá đối với cán bộ hành chính.

12.4. Công tác thanh tra, kiểm tra

- Năm học 2018 - 2019, Ban Thanh tra nhân dân đã tiếp nhận và giải quyết thỏa đáng những kiến nghị của CBVC trong Trường về vấn đề thu nhập, đời sống, cơ sở vật chất, trang thiết bị, phòng thí nghiệm, quản lý và sử dụng nhà đất trong và ngoài trường...

- Công tác kiểm tra, giám sát việc tuyển dụng cán bộ, viên chức; thi và tuyển sinh; kiểm tra thi cử (thi đầu vào và thi hết môn học) được thực hiện nghiêm túc. Việc phân phối, sử dụng nguồn thu học phí cũng được giám sát thường xuyên và chặt chẽ nhằm đảm bảo công bằng cho toàn thể CBVC Nhà trường, góp phần ổn định tư tưởng cũng như cải thiện cơ sở vật chất, môi trường và điều kiện làm việc cho CBVC.

- Công tác thanh tra, kiểm tra được thực hiện thường xuyên và nghiêm túc, nhanh chóng nắm bắt những thông tin phản hồi từ CBVC, sinh viên và phản ánh kịp thời đến Ban Giám hiệu, các phòng ban chức năng để có cách giải quyết hợp lý góp phần giữ vững hoạt động ổn định của Nhà trường.

12.5. Công tác Công đoàn

- Năm học 2018 - 2019, Công đoàn Trường xét trợ cấp khó khăn cho 37 lượt cán bộ ốm đau nằm viện, tai nạn với tổng số tiền: 51 triệu đồng.

- Phối hợp tổ chức, chi giải thưởng kéo co và giải toàn đoàn khối cán bộ, viên chức tại Hội khỏe truyền thống 26/3; Chi giải thưởng giải cầu lông; giải Tennis, giải bóng đá với tổng số tiền 24,8 triệu đồng.

- Công đoàn Trường đã soạn thảo, lấy ý kiến góp ý để hoàn thiện, trình ký ban hành Quy định về thăm hỏi, trợ cấp khó khăn, việc hiếu (tháng 4/2019).

- Thực hiện Tháng hành động về An toàn, vệ sinh lao động năm 2019, Công đoàn Trường phối hợp cùng Ban Bảo hộ lao động tổng kiểm tra công tác vệ sinh tại các đơn vị, giảng đường, nhà ăn, khuôn viên trường; Công tác bảo đảm an toàn lao động tại các xưởng thực hành. Từ đó nâng cao ý của CBNGNLD trong việc thực hiện An toàn vệ sinh trường học; Thành lập đội tuyển và tham gia Hội thi “An toàn vệ sinh viên giỏi” Công đoàn Giáo dục Việt Nam lần thứ 3 (tháng 5/2019) và đạt giải Ba toàn đoàn.

- Hoàn thành việc triển khai sử dụng hệ thống phần mềm quản lý đoàn viên năm 2019 (6/2019).

- Tổ chức gặp mặt các thế hệ cán bộ công đoàn các thời kỳ nhân dịp kỷ niệm 90 năm ngày thành lập Công đoàn Việt Nam (28/7/1929 - 28/7/2019) và 68 năm ngày thành lập Công đoàn Giáo dục Việt Nam (22/7/1951 - 22/7/2019).

- Tổ chức 02 lớp tập huấn cho 72 cán bộ công đoàn nhiệm kỳ 2017 - 2022: tại Lào Cai (tháng 12/2018) và Hòa Bình (tháng 8/2019).

- Phối hợp với Chính quyền tiến hành các thủ tục, văn bản pháp lý thành lập Hội cựu giáo chức Trường và Ban Khuyến học Trường; Xây dựng quy chế hoạt động Hội CGC và Ban KH. Hỗ trợ Hội CGC Trường tổ chức thành công Đại hội lần thứ Nhất; vận động các cán bộ đã nghỉ hưu của Nhà trường tham gia Hội.

- Công tác nữ công: Tổ chức Hội thi làm bánh; Tuyên dương nữ Phó Giáo sư, nữ Tiến sĩ, nữ CBGD đạt thành tích NCKH, nữ CB khối hành chính, nữ SV; Sơ kết phong trào “GVT - ĐVN” năm học 2017 - 2018 (20/10/2018); Tổ chức du xuân tại Tây Thiên (tháng 2/2019); Tổng kết phong trào “GVT - ĐVN” giai đoạn 2016 - 2018 (08/3/2019); Khen thưởng con CBVC đạt HSG các cấp, tổ chức xem phim (01/6/2019).

- Công tác vận động ủng hộ, từ thiện: Mua giá để cặp lồng cho học sinh bán trú Trường Tiểu học Co Mạ 1, huyện Thuận Châu, Sơn La (6,6 triệu đồng); Hỗ trợ kinh phí tổ chức tết sum vầy tại Kỳ Sơn, Nghệ An (30 triệu đồng); Bê tông hóa sân trường THCS xã Mường Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa (9 triệu đồng); Vận động cán bộ ủng hộ gia đình thầy giáo Nguyễn Thanh Thạo mất đột ngột khi đang công tác (441,52 triệu đồng).

Với những thành tích đạt được trong năm học vừa qua, Công đoàn Trường Đại học Mở - Địa chất được Công đoàn Giáo dục Việt Nam tặng 03 bằng khen cho tập thể, 05 cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động công đoàn năm học 2017 - 2018.

12.6. Công tác Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên

Đánh giá cao vai trò của Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên trong nhà trường, Đảng ủy luôn dành sự quan tâm và chỉ đạo sát sao các hoạt động của Đoàn và Hội, đặc biệt là công tác giáo dục ý thức chính trị, đạo đức, lối sống cho thanh niên. Đảng ủy trực tiếp lãnh đạo công tác chính trị tư tưởng, các chương trình công tác sinh viên.

Đoàn Thanh niên trường luôn xác định công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống, là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong sự nghiệp giáo dục của nhà trường, chiếm vị trí quan trọng trong việc hình thành nhân cách, đạo đức của thế hệ trẻ, nguồn nhân lực của đất nước. Vì vậy, năm học 2018 - 2019, công tác giáo dục chính trị tư tưởng được Đoàn trường quan tâm, chú trọng: thường xuyên tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các sự kiện chính trị của Thủ đô, đất nước phù hợp với nguyện vọng của tuổi trẻ đoàn viên, thanh niên trong toàn trường, tạo thành các đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn trường. Điển hình là các hoạt động tìm hiểu và học tập Nghị quyết Đại hội Đoàn thành phố Hà Nội và Đại hội Đoàn toàn quốc; các cuộc thi học tập và làm theo theo tấm gương Bác các hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng chào mừng các ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam...

Các hoạt động hỗ trợ nâng cao kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm cho sinh viên được Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên đặc biệt chú trọng. Trong năm học vừa qua, Đoàn Thanh niên đã tổ chức tập huấn cho sinh viên tình nguyện, các cán bộ Đoàn, Hội; duy trì hoạt động của các Câu lạc bộ chuyên ngành và CLB Sở thích như: CLB Guitar, CLB Võ thuật, CLB Sinh viên tình nguyện, CLB Dầu khí, CLB sinh viên yêu thích công nghệ thông tin, CLB Trung Nhật...

Thực hiện chương trình “Áo ấm mùa đông” vào tháng 1 năm 2019 tại xã Mường Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa với số tiền ủng hộ gần 250.000.000 VNĐ.

Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên đã chỉ đạo các Liên Chi đoàn củng cố các câu lạc bộ chuyên ngành như: CLB Dầu khí, CLB Tiếng Anh, CLB Tin học, CLB Trung Nhật... đi vào hoạt động theo chiều sâu thu hút đông đảo đoàn viên sinh viên tham gia. Những chương trình này giúp sinh viên nhận thức sâu sắc hơn ý nghĩa của việc học thật, thi thật, dần hạn chế các hành vi tiêu cực trong thi cử và chủ động trong các hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học.

Năm học 2018 -2019 cũng là năm học mà nhiều đoàn viên là sinh viên được tham gia NCKH và hoàn thành xuất sắc đề tài đảm nhiệm. Toàn trường đã có 733 số sinh viên tham gia, hơn 182 đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên đăng ký tham gia và thi tại các tiểu ban. Trong đó có 36 báo cáo đạt giải.

Đoàn trường luôn thường xuyên quan tâm tới các hoạt động nhằm đẩy mạnh phong trào học tập và nghiên cứu khoa học trong sinh viên, tiêu biểu là phong trào thi Olympic. Năm học 2018 - 2019 toàn trường đã có gần 393 đoàn viên sinh viên tham gia thi các môn tại 2 cơ sở đào tạo là Hà Nội, Vũng Tàu góp phần đẩy mạnh phong trào học tập, tìm nhân tố cho các giải Olympic quốc gia. Đã có 18 em đạt các giải Nhất, Nhì, Ba và khuyến khích ở giải Olympic quốc gia trong các môn Đại số, Giải tích, Hóa học, Vật lý, Cơ học,....

Đoàn thanh niên và Hội sinh viên trường đã phối hợp cùng các đơn vị chức năng trong trường tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, các hoạt động tuyên truyền, các hoạt động văn hóa văn nghệ thể dục thể thao. Khen thưởng và tuyên dương các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong các hoạt động tình nguyện, văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, các phong trào học tập và nghiên cứu khoa học; tuyên truyền sâu rộng về lịch sử và truyền thống của Nhà trường qua các giai đoạn và thời kỳ. Thực hiện tốt việc bóc xóa quảng cáo rao vặt trước cổng trường, trong khuôn viên trường, nêu cao tinh thần trách nhiệm của đoàn viên sinh viên trong việc giữ gìn giảng đường sạch, xây dựng Nhà trường “*Xanh - Sạch - Đẹp*”. Đặc biệt, trong năm học 2018 - 2019, Hội sinh viên trường đã tổ chức thành công trong các hoạt động văn nghệ: Chào Tân sinh viên K63, Cuộc thi “*Bước nhảy sinh viên HUMG DANCE 2019*”, tổ chức ngày Hội khỏe cấp cơ sở và Hội khỏe toàn trường vào ngày 26/3, tổ chức giải bóng đá sinh viên HUMG, tổ chức Hội thi cắm trại, thể thao vui Chào mừng ngày Quốc tế Phụ nữ 08/3, phối hợp tổ chức các Hội thi văn nghệ, thể dục thể thao cho đoàn viên sinh viên...

Hội Sinh viên Trường đã tổ chức thành công Hội nghị kiện toàn Ban chấp hành Hội sinh viên Trường lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2018 - 2020 vào tháng 6/2018.

Trong năm học vừa qua, Đoàn trường đã tổ chức tốt đội hình tình nguyện làm tốt nhiệm vụ “*Tiếp sức mùa thi năm 2019*” tại 16 Trường THPT Thuộc tỉnh Bắc Giang và “*Mùa hè tình nguyện năm 2019*”. Đội sinh viên tình nguyện đã hoạt động tốt tại 03 địa điểm: xã Đông Minh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, và khu A Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội. Đội Mùa hè xanh đã tổ chức thăm hỏi và tặng quà các Mẹ Việt Nam anh hùng. Các sinh viên tình nguyện đã phát huy tốt tinh thần tình nguyện, sáng tạo trong các hoạt động và đã thu được nhiều kết quả tốt đẹp được địa phương đánh giá cao. Công tác vận động hiến máu nhân đạo trong Trường Đại học Mỏ - Địa chất được thực hiện tốt, duy trì thường xuyên, thu hút được đông đảo sinh viên tham gia.

Bên cạnh việc tổ chức cho ĐVTN học tập, tìm hiểu, đóng góp vào các nghị quyết Đại hội Đảng các cấp cho đông đảo ĐVTN, Đoàn Thanh niên các cấp cũng tích cực, chủ động tham mưu, giới thiệu hơn nhiều đoàn viên xuất sắc tham gia các lớp bồi dưỡng, tìm hiểu về Đảng. Kết quả trong năm học này, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trường đã phối hợp với Đảng ủy trường tổ chức lớp Bồi dưỡng nhận thức về Đảng cho gần 300 đoàn viên ưu tú, đề nghị Đảng ủy trường kết nạp 62 đoàn viên thanh niên ưu tú có thành tích cao trong rèn luyện và học tập.

Với những hoạt động sôi nổi, phong phú, công tác Đoàn và Hội của Nhà trường đã được tổ chức Đoàn cấp trên đánh giá cao. Năm học 2018 - 2019, Trung ương Đoàn, Thành đoàn Hà Nội

và Hội Sinh viên Thành phố Hà Nội đã tặng bằng khen cho 8 tập thể và 10 cá nhân có thành tích xuất sắc.

13. Đánh giá chung việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị CBVC Trường lần thứ 45

Từ các kết quả hoạt động nêu trên, chúng ta có thể khẳng định rằng Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã từng bước thể hiện được vai trò, vị trí của một Trường đại học kỹ thuật đa ngành có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước trong thời kỳ đổi mới và hội nhập. Nhà trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận là đơn vị tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước ngành giáo dục và được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xét tặng Bằng khen.

Tuy vậy, trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học, việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đặt ra, nhiều nhiệm vụ còn chưa hoàn thành (Bảng 38).

Bảng 38. So sánh mục tiêu đặt ra và thực hiện mục tiêu năm học 2018 - 2019

Tiêu chí	Mục tiêu	Thực hiện	Đánh giá
Quy mô đào tạo chính quy	15.000	14.615	Không đạt
Mở mới ngành đào tạo:			
- Bachelor học	5	1	Không đạt
- Thạc sĩ	3	2	Không đạt
Chương trình chất lượng cao	3	0	Không đạt
Đề tài KHCN mới:			
- Cấp Nhà nước	5	18	Vượt
- Cấp Bộ và tương đương	10	27	Vượt
Bài báo và báo cáo khoa học quốc tế	100	142	Vượt
Hội nghị khoa học quốc tế	02	02	Đạt
Thi đua	85% LĐTT	85% LĐTT	Đạt

Kết quả trên thể hiện trong quá trình hoạt động, Nhà trường còn bộc lộ những hạn chế cần khắc phục đó là:

Cần tích cực nâng cao về số lượng, chất lượng các đề tài khoa học cấp Nhà nước, Cấp Bộ và tương đương. Cán bộ giảng viên cần tích cực hơn nữa trong công tác nghiên cứu các đề tài khoa học công nghệ. Chủ động tham gia viết bài cho các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế.

Các giải pháp về việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên trẻ và đầu tư cho cơ sở vật chất còn gặp khó khăn chưa đáp ứng quy mô phát triển của Nhà trường, chưa đáp ứng được nhu cầu đào tạo theo tín chỉ, công tác quản lý đào tạo còn nhiều bất cập cần khắc phục. Cơ sở vật chất còn tương đối hạn chế nên đã gây khó khăn cho việc xây dựng kế hoạch đào tạo, tổ chức đào tạo một cách khoa học.

Công tác chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, xác định vị trí việc làm chưa được xây dựng và triển khai hiệu quả nên phần nào ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc của một bộ phận cán bộ viên chức, một số đơn vị.

Công nghệ thông tin chưa được ứng dụng mạnh và sâu trong tổ chức và quản lý đào tạo, quản lý mọi hoạt động và quản trị nhà trường.

Các đơn vị chưa thực sự chủ động trong hoạt động của mình; kế hoạch tuyển sinh và các hoạt động tuyên truyền, quảng bá chưa có được sự phối hợp tốt giữa Nhà trường với các Khoa; Chương trình đào tạo được cập nhật vẫn chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của xã hội và có tính cạnh tranh.

Công tác quản lý, sử dụng công sản làm chưa thật hiệu quả, chưa kiên quyết xử lý, khắc phục yếu kém trong các lần kiểm tra, chưa tận dụng hết công năng các thiết bị thí nghiệm, chưa khai thác triệt để cơ sở vật chất hiện có phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Công tác tuyên truyền, giáo dục về chính trị, tư tưởng, công tác hướng nghiệp và tư vấn việc làm cho sinh viên còn nhiều hạn chế, chưa nắm bắt tốt tâm tư, nguyện vọng của sinh viên; chưa tạo ra động lực để trò giúp thầy thay đổi, chưa nâng cao được ý thức và văn hóa học đường trong Nhà trường.

PHẦN II

NHIỆM VỤ CỦA NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2019 - 2020

Năm học 2019 - 2020 là năm học tiếp tục thực hiện hiệu quả nhiệm vụ giáo dục và đào tạo theo Nghị quyết 29-NQ/TW về *“Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”*; Kết luận số 49-KL/TW ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư về *“Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW ngày 13/4/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập”*; thực hiện Chỉ thị 2919/CT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về nhiệm vụ chủ yếu năm học 2019 - 2020 ngành giáo dục; Trường Đại học Mở - Địa chất xác định chủ đề năm học 2019 - 2020 là *“Xây dựng văn hóa chất lượng trong toàn Trường”* với tiếp tục hành động *“Tự chủ - Đổi mới - Chất lượng cao”* và *“Tất cả vì người học”*. Trên cơ sở đó đề ra các trọng tâm nhiệm vụ năm học 2019 - 2020 như sau:

1. Nhiệm vụ trọng tâm

1.1. Hoàn thành việc xác định sứ mệnh, tầm nhìn và chiến lược phát triển Trường, làm cơ sở để xây dựng đề án phát triển trung hạn và dài hạn, đề án tự chủ đại học.

1.2. Xây dựng và hoàn thiện các văn bản pháp quy phù hợp với các quy định mới của Luật GDĐH sửa đổi, các quy định của pháp luật và thực tế phát triển của Trường, đẩy mạnh tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong từng đơn vị của Nhà trường.

1.3. Tiếp tục sắp xếp lại và hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Trường theo định hướng phát triển trường; nâng cao chất lượng chuyên môn và đạo đức của đội ngũ giảng viên, cán bộ, viên chức Nhà trường; đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng và nâng tầm đội ngũ cán bộ; sắp xếp đội ngũ và tổ chức hợp lý để bảo đảm các hoạt động nhịp nhàng, hiệu quả của toàn bộ hệ thống chính trị Nhà trường. Phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền với các tổ chức đoàn thể để phát huy truyền thống đoàn kết, bảo đảm đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, giảng viên, viên chức và sinh viên.

1.4. Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao chất lượng đào tạo, triển khai mạnh mẽ các giải pháp học tập hiệu quả để duy trì và nâng cao chất lượng đào tạo, phù hợp với thực tế và sự phát triển của Nhà trường. Đẩy mạnh xây dựng các chương trình đào tạo mới đáp ứng nhu cầu xã hội.

1.5. Nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính thực tiễn của hoạt động nghiên cứu khoa học đối với cả cán bộ và sinh viên; tiếp tục xây dựng và tăng cường hoạt động của các nhóm nghiên cứu mạnh. Tham gia sâu rộng vào các hoạt động khoa học công nghệ xã hội hóa nhằm huy động các nguồn lực phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học của thầy và trò. Mở rộng hợp tác quốc tế trong NCKH, chuyển giao công nghệ, đào tạo quốc tế, công nhận tín chỉ, liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước. Tăng cường công tác xuất bản, đặc biệt là công bố khoa học quốc tế để nâng cao vị thế của Nhà trường và đáp ứng yêu cầu phân hạng các trường đại học.

1.6. Tiếp tục nâng cao hoạt động khảo thí và kiểm định chất lượng. Hoàn thành tự đánh giá 7 chương trình đào tạo và nhân rộng ra các chương trình khác. Chuẩn bị triển khai công tác đánh giá chất lượng Trường nửa chu kỳ đáp ứng các yêu cầu đối với việc đánh giá, phân hạng các trường đại học trong thời gian tới. Xây dựng hệ thống pháp quy bảo đảm chất lượng bên trong và hoạt động tự đánh giá của các đơn vị; xây dựng và hoàn thiện báo cáo đánh giá chất lượng giữa kỳ kiểm định.

1.7. Đẩy mạnh hơn nữa công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên; nâng cao vai trò và trách nhiệm của các tổ chức đoàn thể, xây dựng và nhân rộng các mô hình quản lý và vận động sinh viên trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho sinh viên Nhà trường để nâng cao chất lượng sinh viên, đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn. Đẩy mạnh hoạt động truyền thông nhằm phục vụ tốt

hơn các nhiệm vụ chính trị, cải thiện chất lượng quảng bá hình ảnh và các hoạt động của Nhà trường, đưa hình ảnh Trường Đại học Mở - Địa chất gần gũi và phổ quát hơn đối với xã hội.

1.8. Xây dựng kế hoạch trung hạn phát triển khu đô thị đại học giai đoạn 2021 - 2025, hoàn thành việc xây dựng cơ sở hạ tầng Khu A1 và tiếp tục thực hiện giải phóng mặt bằng khu Đô thị đại học; tìm kiếm các nguồn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất của Khu A1.

1.9. Tăng cường tìm kiếm và thu hút các nguồn lực đầu tư, đẩy mạnh công tác xã hội hóa cho cơ sở vật chất, tập trung khai thác hiệu quả hệ thống các phòng thí nghiệm công nghệ cao và xây dựng các hệ thống phòng thí nghiệm khác để từng bước đáp ứng yêu cầu nghiên cứu khoa học và đào tạo chất lượng cao.

2. Chỉ tiêu cụ thể

- Quy mô đào tạo: Chính quy: 15000
- Mở mới ngành đào tạo: Bachelor 3 ngành đào tạo đó là: Ngành quản lý công nghiệp; Ngành cơ điện tử; Ngành quản lý tài nguyên và môi trường
- Mở mới Chương trình chất lượng cao: 02 chương trình
- Mở mới 02 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ (Ngành Kỹ thuật xây dựng; Ngành Quản lý kinh tế liên kết với Đài Loan) và 01 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ (Ngành Kỹ thuật hóa học).
- Đề tài triển khai từ 2019: Cấp NN: 07 đề tài ;Cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo: 10 đề tài
- Bài báo Quốc tế: 150 bài (Trong đó bài báo khoa học thuộc danh mục ISI: 90 bài)
- Hội nghị Khoa học quốc tế: 03 hội nghị. Hội nghị khoa học toàn quốc: 01
- Mở khóa học ngắn hạn: ít nhất 10 khóa
- Xuất bản 10 Giáo trình trong đó mỗi khoa chuyên môn: 01 giáo trình
- Kiểm định chương trình đào tạo: 07 chương trình
- Thi đua: 85% cán bộ viên chức đạt Lao động tiên tiến

3. Giải pháp chủ yếu để thực hiện các nhiệm vụ năm học 2019 - 2020

3.1. Hoàn thiện chiến lược phát triển trường 2030 và tầm nhìn đến 2045, trên cơ sở đó xây dựng các đề án phát triển trung hạn và dài hạn; hoàn thiện đề án tự chủ đại học, tự chịu trách nhiệm trong từng đơn vị của Nhà trường theo yêu cầu của Luật GDDH sửa đổi và các quy định pháp luật khác. Triển khai thực hiện tái cấu trúc trường và tái cấu trúc các đơn vị theo chiến lược phát triển, triển khai Đề án vị trí việc làm, Đề án thành lập các Viện nghiên cứu trực thuộc Trường.

3.2. Hoàn thiện và áp dụng thử nghiệm KPIs để làm cơ sở đánh giá CBVC đồng thời xây dựng phương án tính khối lượng công việc và trả lương theo vị trí việc làm, theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ của CBVC; xây dựng và sửa đổi quy chế chỉ tiêu nội bộ; quy chế hoạt động của trường, quy chế tài chính và các văn bản quản lý khác theo quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tế của trường.

3.3. Tiếp tục kiện toàn công tác quản lý đào tạo đại học và sau đại học, rà soát, chỉnh sửa và cải tiến quy trình quản lý linh hoạt và liên thông giữa đào tạo - quản lý sinh viên - quản lý tài chính; cải tiến chương trình đào tạo hiện có đáp ứng yêu cầu bảo đảm chất lượng và theo chuẩn AUN-QA; chuẩn bị các nguồn lực về nhân sự, cơ sở vật chất để xây dựng các chương trình đào tạo mới, chương trình chất lượng cao, chương trình liên kết quốc tế, chương trình phục vụ nhu cầu doanh nghiệp... nhằm đa dạng hóa loại hình đào tạo, gắn liền đào tạo với nhu cầu của xã hội.

3.4. Kiện toàn hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục của Nhà trường; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác đảm bảo chất lượng giáo dục, các cán bộ quản lý cấp khoa và bộ môn về hoạt động tự đánh giá và bảo đảm chất lượng giáo dục; xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản và quy trình hướng dẫn tự đánh giá, đánh giá ngoài các chương trình đào tạo và bảo đảm chất lượng bên trong; hoàn thành kiểm định chất lượng 07 chương trình đào tạo và chuẩn bị kiểm định các chương trình đào tạo đại học và sau đại học khác.

3.5. Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ của nhà trường, trong đó chủ động tăng cường tìm kiếm và triển khai các đề tài khoa học công nghệ các cấp, các ngành và các địa phương; tiếp tục thành lập các nhóm nghiên cứu liên ngành trong Trường để giải quyết các vấn đề lớn và cấp

bách hiện nay; cải tiến quy trình quản lý và phối hợp giữa chủ đề tài - phòng KHCN - phòng KHTC nhằm đơn giản hóa và tạo điều kiện tối đa cho chủ nhiệm đề tài thực hiện nhiệm vụ; nâng cao chất lượng các đề tài, đề án, nhiệm vụ KHCN; cải tiến phương thức tuyển chọn đề tài khoa học theo hướng nâng cao chất lượng, phục vụ các yêu cầu thiết thực và có sản phẩm chất lượng cao; tiếp tục khuyến khích cán bộ công bố khoa học quốc tế; tăng cường giao lưu và thông tin khoa học quốc tế, trong đó từng bước xây dựng văn hóa công bố khoa học trong Nhà trường; hiện thực hóa và nâng cao chất lượng các hoạt động hợp tác quốc tế, đặc biệt là trong mở ngành, liên kết đào tạo và triển khai hoạt động khoa học công nghệ; giám sát chặt chẽ việc thực hiện các thỏa thuận hợp tác đã ký với đối tác trong và ngoài nước nhằm nâng cao hiệu quả công tác hợp tác của Nhà trường.

3.6. Đẩy mạnh công tác truyền thông, xây dựng và triển khai chiến lược truyền thông có tính chuyên nghiệp cao; tiếp tục đề xuất và triển khai các giải pháp để quảng bá tuyên truyền hình ảnh Nhà trường; đổi mới và nâng cao chất lượng tư vấn tuyển sinh các bậc học, loại hình đào tạo; xây dựng cơ chế khuyến khích sinh viên theo học một số ngành truyền thống của nhà trường gặp khó khăn trong tuyển sinh để bảo toàn ngành nghề đào tạo và từng bước cải thiện hoạt động tuyển sinh đối với các ngành này; thực hiện và mở rộng các hoạt động quảng bá quốc tế để thu hút sinh viên quốc tế ở các nước láng giềng và khu vực khác; tiếp tục mở rộng và tăng cường gắn kết giữa Nhà trường với doanh nghiệp trong và ngoài nước để quảng bá hình ảnh, tham gia đào tạo và tạo điều kiện cho sinh viên ra trường có việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo, đồng thời tạo ra các nguồn tài trợ mới cho Quỹ khuyến học và nguồn kinh phí cho các hoạt động khác của nhà trường. .

3.7. Tiếp tục xây dựng và triển khai kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo, nâng cao năng lực, phẩm chất, trình độ chuyên môn của đội ngũ giảng viên để tất cả giảng viên đều có trình độ từ thạc sĩ trở lên. Khuyến khích và tạo điều kiện để cán bộ giảng dạy làm NCS, trong đó chú trọng đào tạo ở nước ngoài. Khuyến khích cán bộ học văn bằng 2, mở rộng ngành nghề để tham gia đào tạo cho nhiều chương trình đào tạo, chuyển đổi cơ cấu nhân lực đào tạo đáp ứng yêu cầu đào tạo mới, yêu cầu mở rộng và chuyển đổi ngành nghề đào tạo của nhà trường, đáp ứng nhu cầu xã hội và quy định của pháp luật hiện hành.

3.8. Tìm kiếm, vận động các nguồn tài trợ để tăng cường các nguồn lực đầu tư cho cơ sở vật chất; tập trung cải tiến các công cụ quản lý và chính sách nhằm khai thác hiệu quả hệ thống các phòng thí nghiệm, kết nối hiệu quả nghiên cứu với các ngành/chuyên ngành đào tạo; tăng nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ của nhà trường. Tiếp tục đẩy mạnh tìm kiếm các nguồn lực để thực hiện dự án khu đô thị đại học, trong đó có việc xây dựng kế hoạch và dự trù nguồn vốn trung hạn cho xây dựng cơ sở hạ tầng của khu đô thị.

3.9. Tiếp tục cải tiến và nâng cao chất lượng công tác quản lý sinh viên, rà soát và cải tiến quy trình quản lý, quy chế phối hợp giữa đào tạo - quản lý sinh viên- kế hoạch tài chính - khoa nhằm khắc phục tối đa các hạn chế ảnh hưởng tới người học; tăng cường công tác giáo dục nhận thức, đạo đức lối sống, kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm; tiếp tục nâng cao vai trò và trách nhiệm của các tổ chức đoàn thể, các mô hình câu lạc bộ sinh viên trong Nhà trường trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và các hoạt động của sinh viên...

3.10. Kiện toàn công tác thi đua khen thưởng theo quy định mới;

3.11. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy chế giảng dạy, học tập; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm các quy định, quy chế; thực hiện tốt công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, từ đó đề ra giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo; cải tiến công tác lập và điều hành kế hoạch đào tạo cho hợp lý và khoa học hơn.

3.12. Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên phối hợp tổ chức các phong trào thi đua *“Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương sáng về đạo đức, tự học, tự sáng tạo”* và phong trào *“Tuổi trẻ Việt Nam học tập và làm theo lời Bác”*; đẩy mạnh các hoạt động giáo dục chính trị, tuyên

truyền; thể dục thể thao, văn nghệ trong CBVC, SV tạo không khí phấn khởi, chung sức, chung lòng, đồng tâm hiệp lực thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ năm học 2019 - 2020.